



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vinh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Pixabay.com**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ♦ **TIẾNG MỒ KINH CẦU, BÊN ÁN SƯƠNG LAM...** (thơ Thăng Hoan), trang 8
- ♦ **BIÊN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH**, t.t. (HT. Thích Thăng Hoan), trang 9
- ♦ **SỰ CẢN TRỞ CỦA COVID-19** (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 13
- ♦ **NGUYỄN CẦU ĐỂ LÀM NGƯỜI CƠN SỢ HÃI VÌ BỆNH DỊCH** (Tuệ Uyển dịch), trang 14
- ♦ **VAI QUẢN MẸ ĐI, MẸ GẦY...** (thơ Phù Du), trang 16
- ♦ **TỰ TÂM TỬ ĐỂ HỘ THÂN, NGỦ AN LÀNH** (Nguyên Giác) trang 17
- ♦ **CHÙM THƠ THIÊN** (thơ Chu Vương Miên), trang 22
- ♦ **NƯỚC NON CÁCH MỸ BUỒN THÊU** (Tuệ Sỹ), trang 23
- ♦ **QUẢN NIỆM, QUY MỆNH, ƠN NGƯỜI, CHƯA QUÊ** (thơ Tịnh Bình), trang 25
- ♦ **NHỮNG DẤU HIỆM ĐỂ NHẬN BIẾT VỊ THÁNH A-LA-HÀN** (Quảng Tánh), trang 26
- ♦ **THÔNG BÁO V/V TỔ CHỨC LỄ CẦU NGUYỄN...** (Sa Môn Thích Tín Nghĩa), trang 27
- ♦ **BÁT CHÁNH ĐẠO – CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ**, t.t. (Bhikkhu Bodhi - Thích Tâm Hạnh & Cs. Tâm Cảnh dịch), trang 28
- ♦ **THẬP KHÚC LỤC BÁT DÂNG MẸ** (thơ Tâm Không Vinh Hữu), trang 30
- ♦ **KHI TÔI NÓI TÔI LÀ MỘT PHẬT TỬ** (Tiểu Lục Thần Phong soạn dịch), tr. 31
- ♦ **SEN SẼ NỞ, TREO DƯỚI MỘT SỢI TÓC** (thơ Lý Thừa Nghiệp), tr. 32
- ♦ **CUỘC VẬN ĐỘNG CHỐNG CHẾ ĐỘ NGỒ ĐỈNH ĐIỂM, VNPG Sử Luận, Chương 38** (Nguyễn Lang), trang 33
- ♦ **THẦY (4)** (thơ Đông Thiện) trang 37
- ♦ **NGƯỜI TẠI GIA – Phật Pháp Thứ Năm** (Tài liệu Tu học Huỳnh trưởng, bặc Định), trang 38
- ♦ **DUYÊN HỢP VÀ TAN** (thơ Tiểu Lục Thần Phong), trang 39
- ♦ **BỐN BÀ VỢ QUÝ** (TN. Như Thủy), trang 40
- ♦ **HỘI ĐÙ NHÂN DUYÊN** (thơ Trúc Nguyên – Thích Chúc Hiền), trang 41
- ♦ **THÔNG TƯ KÊU GỌI CỨU TRỢ ĐỒNG BÀO VN CHỐNG DỊCH COVID-19** (TV. Từ Thiện Xã Hội), trang 42
- ♦ **"NGHIỆP" TÁC ĐỘNG VÀO CÁI CHẾT CỦA CON NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO?** t.t. (TN. Hằng Như), trang 47
- ♦ **NHẤT TÂM TU HỌC** (thơ Mộc Đạc – Nguyễn Vạn Lim), trang 49
- ♦ **PHẬT GIÁO TRONG THẾ GIỚI NHẠC POP** (Huỳnh Kim Quang), trang 50
- ♦ **THU VÈ, NỒI NÀO VƠI...** (thơ Minh Đạo), trang 54
- ♦ **CẢ CHUA** (Bs. Nguyễn Ý Đức), tr. 55
- ♦ **THIỆN TỊNH SONG TU, MÃI TUNG BAY, TRÍ CAO THANH** (thơ Diệu Viên), trang 56
- ♦ **NẤU CHAY: BÁNH CHUỐI HẤP NƯỚC CỐT DỪA** (N. D.), trang 57
- ♦ **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Hoàng Long), trang 58
- ♦ **NẮNG VỀ SƯỜI ẨM ĐỊA CẦU** (thơ Thục Uyên), trang 60
- ♦ **ÂM TRÂM TUỆ SỸ** (Đặng Tiến), trang 61
- ♦ **NHỚ TÍM, NHỮNG QUẢ SẦU...** (thơ Trần Hoàng Vy), trang 64
- ♦ **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N), trang 65
- ♦ **TU MƯỜN** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 67
- ♦ **KHÚC HÁT LÊN ĐƯỜNG** (Nguyễn Ngọc Tư), trang 68
- ♦ **TỊNH TÂM** (thơ Nhật Quang), tr. 70
- ♦ **HOÀNG TỬ A XÀ THÊ** (Truyện cổ Phật Giáo), trang 71
- ♦ **CÁNH CỬA MỞ RỘNG** (Huệ Trân), trang 72
- ♦ **Hôm Qua, Hôm Nay** (thơ Hạnh Chi), trang 73
- ♦ **THE STORY OF KING PASENADI OF KOSALA** (Daw Tin), trang 74
- ♦ **HAI CHIẾC LỒNG ĐÈN** (Bùi Thanh Xuân), trang 75
- ♦ **NGỖ THOÁT – chương 9** (truyện dài Vinh Hào), trang 81

Báo Chánh Pháp số 118, tháng 09 năm 2021, do Chùa Quang Thiện (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

KHÔNG AI ĐỨNG MỘT MÌNH

Cơn mưa phùn đêm qua còn đọng nước trên đường. Gió thu đã về. Lá vàng theo gió lác đác vài chiếc cuốn vào tận thềm hiên. Cây phong đầu ngõ lại chuẩn bị trở sắc đỏ ối như mọi năm. Người đi xa từ những mùa thu trước, sẽ không trở về. Những người bạn lâu không gặp, thư gửi đi bị trả lại, nhắn tin điện thoại không thấy trả lời. Có lẽ cũng đã ra đi, không lời từ biệt.

Đã có những cuộc ra đi rất lặng lẽ từ gần hai năm qua, không chỉ ở nơi đây, mà ở khắp toàn cầu. Ra đi bất ngờ, ra đi nhanh chóng. Không hoa tang. Không lễ nghi tôn giáo. Không lời ai điếu. Những túi bọc thi thể chất vội vào những thùng xe đông lạnh. Những thi hài quấn vải hoặc cuộn trong manh chiếu được chất trên những giàn củi, hỏa thiêu. Những chiếc quan tài được chôn lấp vội vàng trên đất công, với bia mộ đơn giản, không hình ảnh, ghi tên tuổi của một người già bệnh hay một người trẻ cường tráng, một người quyền quý hay một người bần cùng vô danh... Tất cả những người ra đi ấy, từ những nơi chốn khác nhau, thành thị hay thôn dã, nước lớn hay nước nhỏ, nước giàu hay nước nghèo... đều chung một cách. Như lá xanh trên cành, đốt giai đoạn, cấp kỳ chuyển sang vàng úa, rồi rơi rụng. Như thể có một tấm lưới to lớn trùm hết cả hành tinh. Vùng vẫy trong lưới là những phận người, không phân biệt, sẽ đón nhận chung một tai họa giáng xuống; và mỗi người chỉ có thể tùy theo số phận (hay biệt nghiệp) của mình, hoặc từ nơi đồng phận (hay cộng nghiệp) tập thể mà dính mắc hay vượt khỏi. Cái chung nào cũng có cái riêng: không phải ai ở xứ đó, vùng đó đều bị nhiễm bệnh như nhau, và không phải ai bị nhiễm bệnh cũng phải tử vong. Cũng không có cái riêng nào thực sự tách khỏi cái chung: cá nhân không nhiễm bệnh có thể bị truyền nhiễm từ tập thể, và cá nhân nhiễm bệnh sẽ có thể lây nhiễm đến những người chung quanh.

Không thể nói tôi tự chịu trách nhiệm cho cá nhân tôi, không liên can đến người khác. Không thể nói tôi muốn độc lập, tự do giữa một tập thể đang cùng nhau chống dịch bệnh.

Thực ra không có gì, không có ai, cá nhân hay tập thể nào, có thể độc lập, đứng một mình.

Độc lập của cá thể trong gia đình và xã hội chỉ là một tình trạng, trạng thái, một hoàn cảnh sống riêng tương đối nào đó (chẳng hạn con cái không còn lệ thuộc cha mẹ). Độc lập của một quốc gia là nói việc thoát khỏi sự thống thuộc từ một quốc gia khác. Như nước Mỹ, để đánh dấu sự kiện quan trọng của quốc gia vào ngày tuyên bố độc lập (khởi vương quốc Anh), người ta dành một ngày lễ lớn trong năm, gọi là Ngày Độc Lập (Independence Day), toàn dân được nghỉ lễ, ăn mừng (1). Đó là một sự biến lịch sử, ở một giai đoạn nào đó, giành độc lập. Khi còn là thuộc địa, người ta vận động sự độc lập; đã độc lập rồi thì không cần và không thể dùng mãi tiêu đề độc lập nữa, vì thực sự là không có gì độc lập, đứng một mình, đứng một chân, ở thế gian này. Tất cả quốc gia, xã hội, gia đình, cá nhân con người, ở bất cứ đâu, đều tương thuộc, tương hệ lẫn nhau để tồn tại và phát triển.

Cũng không có quyền tự do tuyệt đối của một cá nhân trong một quốc gia, một thế giới tương quan, tương liên, với những mâu thuẫn hoặc đồng thuận chông chéo, đan xen nhau giữa quyền lợi cá nhân và quyền lợi tập thể. Quyền của con người trong xã hội, quốc gia, luôn được qui định trong khuôn khổ, qui ước, chứ không thể nào là quyền tuyệt đối. Nên hiểu rằng thứ quyền tự do mà con người xã hội được hưởng chỉ là tự do tương đối, tự do trong định chế, trong luật lệ; nó không cho phép gây rủi ro hay phương hại đến công ích, hoặc lấn át quyền lợi của người



khác—vì mọi người đều có quyền bình đẳng như nhau. Người ta không thể vì quyền tự do của mình mà tước đoạt quyền tự do của kẻ khác. Cụ thể là không thể vi phạm dẫn quyền tự do ngôn luận để la lớn một cách đối trá trong rạp hát rằng có lửa cháy (2).

Bình sinh, không ai cấm đoán ngăn trở tự do của bạn, nhưng trong một số trường hợp, nhất là trước cơn đại dịch nguy hiểm đang hủy diệt, tàn phá nhân mạng và kinh tế toàn cầu, mỗi người nên tự nguyện hy sinh chút quyền tự do cá nhân để góp phần bảo vệ sinh mệnh và quyền lợi của số đông. Một mực đòi hỏi quyền tự do và lợi ích cho bản thân khi bao nhiêu nhân mạng lần lượt nằm xuống là đã rơi vào vị ngã, ích kỷ. Đó không phải là hành xử của người nhân đức. Đó không phải là tâm thế của người học đạo.

Rồi mùa thu cũng sẽ qua đi như những mùa thu trước. Nhưng năm sau, thu trở lại. Còn những người lẳng lặng ra đi không lời từ biệt thân nhân, nơi hành lang bệnh viện, nơi những thùng xe đông lạnh, nơi những lò thiêu và giàn thiêu đã chiến, trong những ngôi nhà to lớn hay những gác trọ ọp ẹp nghèo khó... những người ấy, sẽ không quay lại bao giờ. Cái chết đến nhanh, như lá thu rơi xuống thêm chỉ qua một cơn gió nhẹ — nhanh đến nỗi người ở lại không kịp rơi nước mắt, nhanh đến nỗi chưa kịp khóc người thân ra đi thì đã đến lượt mình phải lìa xa cõi thế này. Nước mắt trần gian mùa đại dịch, dường như đều chảy ngược vào tim.

Người con Phật với tinh thần Bi-Trí-Dũng: quán sát thế giới chúng sinh đều do nhân-duyên sinh-khởi; lắng nghe tiếng kêu cầu thống khổ của nhân sinh; cảm nhận vị mặn của giọt lệ tử biệt trong cõi vô thường mà phát đại-bi tâm, tu bồ-tát đạo; không từ nan làm mọi việc lành, tận tụy cứu khổ ban vui, chỉ duy một hoài bão là mang lại an lạc hạnh phúc chân thực cho con người và cuộc đời. Chí nguyện ấy là vô cùng, bản hoài ấy là vô biên; dừng mãi bước tới tận cùng vị lai, cho đến khi cùng tất cả pháp giới chúng sinh, một thời chứng đạt đạo quả vô thượng (3).

- 1) Ngày 4 tháng 7 là Ngày Độc Lập của Hoa Kỳ, đã có từ thế kỷ 18. Vào ngày 2 tháng 7 năm 1776, Quốc hội đã bỏ phiếu ủng hộ nền độc lập, và hai ngày sau, các đại biểu từ 13 thuộc địa đã thông qua Tuyên ngôn Độc lập, một văn kiện lịch sử do Thomas Jefferson soạn thảo. Từ năm 1776 đến nay, ngày 4 tháng 7 đã được kỷ niệm là ngày khai sinh nền độc lập của Mỹ (Theo history.com).
- 2) "*Shouting fire in a crowded theater*" - la lớn là có lửa cháy trong rạp hát đông người (mà thực ra không có đám cháy nào cả), là một thành ngữ đã được phổ biến trong luật pháp Hoa Kỳ (liên quan đến Tu chính án thứ nhất và thứ 14), qua đó giới hạn quyền tự do ngôn luận/phát biểu (freedom of speech) nếu nội dung phát biểu rõ ràng là không thực và tạo ra hoảng loạn, hoặc kích động bạo loạn.
- 3) "*Ngã kim phát tâm bất vị tự cầu nhân thiên phước báo, thanh văn, duyên giác, nãi chí quyền thừa chư vị bồ-tát, duy y tối thượng thừa, phát bồ-đề tâm, nguyện dữ pháp giới chúng sinh nhất thời đồng đắc a-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề,*" – Con nay phát tâm không vì cầu cho riêng mình phước báo của trời-người, Thanh văn, Duyên giác, cho đến chư vị quyền thừa Bồ-tát, chỉ y nơi tối thượng thừa mà phát tâm bồ-đề, nguyện cùng pháp giới chúng sinh một thời cùng chứng đắc quả vị vô thượng chánh đẳng chánh giác. (Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện)

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM *lược dịch*

CỘNG HÒA TUVA (Liên bang Nga): Bắt đầu việc lắp đặt tượng Phật Thích Ca trên núi Dogee linh thiêng

Gần đây, ông Sholban Kara-ool, chủ tịch chính phủ Tuva, đã thông báo trên mạng xã hội về việc lắp đặt pho tượng Đức Phật Thích Ca bằng vàng được mong đợi từ lâu trên sườn núi thiêng Dogee ở Tuva.

Dự án đã được thực hiện bởi các cư dân của nước cộng hòa Phật giáo này dưới sự lãnh đạo của Buyan Bashky, hội trưởng và đồng thời là chủ tịch Hội đồng quản trị của Hiệp hội Phật tử Tuva - tổ chức có chức trách về việc xây dựng pho tượng.

Ông Kara-ool nói, "Việc làm một pho tượng như vậy và việc đưa tượng lên đỉnh ngọn núi lịch sử là một biểu tượng cho sự hồi sinh của đức tin Phật giáo và sự phát triển tâm linh của người dân Tuva."

Núi Dogee là một biểu tượng của sự phục hưng Phật giáo ở Tuva, với thân chú của lòng tử bị Om Mani Padme Hung (Ân Ba Ni Bát Ni Hồng) được khắc trên một khu vực rộng 120 m x 20 m vào sườn núi phía tây nam bằng cách sử dụng đá sơn màu trắng vào năm 2006.

Việc dựng tượng đức Phật Thích Ca bằng vàng trên đỉnh Dogee có ý nghĩa tôn giáo lớn đối với người Tuva: Đức Phật nhìn về phía thủ đô Kyzyl được kỳ vọng sẽ mang lại năng lượng tích cực, hòa bình, thịnh vượng và may mắn cho tất cả cư dân của nước cộng hòa. Vị trí tốt cũng có nghĩa là pho tượng

Phật sẽ có thể nhìn thấy được từ khắp thành phố và ngoại ô Kyzyl.

(Buddhistdoor Global - August 2, 2021)



Nhóm công tác lắp đặt đầu tượng Phật trên núi Dogee



*Thần chú Om Mani Padme Hung trên sườn núi Dogee
Photo: ru.wikipedia.org*

NHẬT BẢN: Những bức tranh tường của chùa Horyuji bị thiêu rụi trong trận hỏa hoạn năm 1949 sẽ được xem độc quyền

IKARUGA, tỉnh Nara - Một số ít người may mắn sẽ được xem độc quyền những bức bích họa bị lửa làm hư hại, được trưng bày giới hạn tại chùa Horyuji ở Ikaruga, tỉnh Nara.

Những bức tranh tường này được gọi là một trong số những kho tàng nghệ thuật Phật giáo quan trọng nhất của châu Á.

Tổng cộng 500 người quyên góp 10,000 Yen (\$90) cho chiến dịch huy động vốn từ cộng đồng sẽ được mời đến xem các bức tranh tường nói trên tại ngôi chùa Horyuji, một Di sản Thế giới UNESCO.

Cuộc tham quan đặc biệt này sẽ đánh dấu bước đầu tiên hướng tới việc công chúng trong tương lai được xem những bức tranh (vốn bị phá hủy một phần bởi ngọn lửa vào năm 1949), và sẽ kéo dài 11 ngày trong khuôn viên của chùa Horyuji.

Mục tiêu của chùa Horyuji là gây quỹ để trang trải chi phí nghiên cứu nhằm chuẩn bị cho việc trưng bày không giới hạn các bích họa được hình dung nói trên trong tương lai.

Các bức tranh tường ở chánh điện Kondo của Horyuji tương truyền được tạo tác từ nửa sau của thế kỷ thứ 7 đến đầu thế kỷ thứ 8, và là tài sản văn hóa quan trọng được nhà nước chỉ định.

(Tipitaka Network - August 2-7, 2021)



Trong số các bức tranh tường được lưu giữ tại nhà bảo tàng của chùa Horyuji có bức tranh lớn số 10 (bên trái) miêu tả cõi Tịnh độ Bhaishajyaguru; bức tranh Phổ Hiền số 11 nhỏ hơn (ở giữa); và bức tranh tường Quán Thế Âm 11- mặt số 12



*Chùa Horyuji ở Ikaruga, tỉnh Nara
Photos: THE ASAHI SHIMBUN*

THÁI LAN: Các nhà sư ở Thái Lan mặc đồ bảo hộ để giúp đỡ công tác các ca nhiễm Covid-19 tăng đột biến

BANGKOK (AFP) - Khi các ca bệnh Covid-19 gia tăng ở Thái Lan, một số nhà sư Phật giáo đang mang trang bị thiết bị bảo hộ cá nhân trên bộ áo cà sa đặc biệt của mình. Các sư cung cấp bình oxy, lấy mẫu mũi để giúp xét nghiệm, và ngay cả giúp đưa người chết đến lò hỏa táng.

Kể từ ngày 21-7, nhà sư này đã làm việc tại các khu dân cư nghèo hơn của Bangkok, phân phát bình dưỡng khí, thực phẩm và vật tư y tế cho những người khó khăn, cũng như lấy mẫu để xét nghiệm.

Supornchaithammo, một nhà sư ở chùa Chin Wararam Worawiharn, giúp làm công tác đưa thi thể vào lò thiêu, nói, "Tôi sẵn sàng chấp nhận rủi ro ở đây. Nếu tôi nhiễm virus, thì tôi sẵn sàng chấp nhận nó mà không hề hối hận."

(The Straits Times - August 1, 2021)



Các nhà sư Phật giáo tự khử trùng sau khi thực hiện nhiệm vụ hỏa táng cho các nạn nhân coronavirus ở Bangkok vào ngày 30-7-2021



*Các tu sĩ Phật giáo đáng kính của Thái Lan đang ở tuyến đầu chống dịch
Photos: AFP*

HOA KỲ: Tổ chức Phật giáo có trụ sở tại Hoa Kỳ ra mắt với số tiền 500,000 USD quyên góp cho người Cam Bốt bị ảnh hưởng bởi COVID-19

Tổ chức Phật giáo Khmer, một tổ chức phi lợi nhuận mới có trụ sở tại San Francisco, Hoa Kỳ, gần đây đã thông báo ra mắt với

món quà trị giá gần 500,000 USD nhằm hỗ trợ những người ở Cam Bốt bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

Được thành lập bởi Lyna Lam, nhà từ thiện người Mỹ gốc Cam Bốt và là người ủng hộ, quỹ này nhằm mục đích cải thiện cuộc sống của người Khmer thông qua việc bảo tồn truyền thống và văn hóa của họ.

Khoản quyên góp này sẽ được quản lý thông qua tổ chức phi lợi nhuận Friends International (Bạn bè Quốc tế) có trụ sở tại Cam Bốt. Quỹ sẽ được sử dụng để cung cấp các mặt hàng bao gồm nguồn cung cấp oxy, máy thở và thiết bị bảo vệ cá nhân (PPE) ở Cam Bốt.

Một phần của số tiền quyên góp cũng sẽ được dùng để cung cấp thực phẩm trực tiếp cho trẻ em và gia đình nghèo. Nhóm dân tộc Khmer chiếm khoảng 97% trong tổng số 15,9 triệu dân của Cam Bốt.

Hợp tác với Tổ chức Phật giáo Khmer là doanh nghiệp xã hội Dữ liệu Phân chia Kỹ thuật số (DDD), nhà tuyển dụng liên quan đến công nghệ lớn nhất Cam Bốt.

(HOME: Buddhistdoor lobal - August 1, 2021)



Lyna Lam, nhà từ thiện người Mỹ gốc Cam Bốt và là người sáng lập Tổ chức Phật giáo Khmer

Photo: akhmerbuddhistfoundation.org

THÁI LAN: Ngôi chùa nổi tiếng ở Phitsanulok đã đóng cửa trong 1 tháng

Chùa Wat Phra Si Rattana Mahathat Woramahawihan đóng cửa cho đến cuối tháng 8 này do các cơ quan y tế cố gắng ngăn chặn sự lây lan của Covid-19 ở Phitsanulok.

Wat Phra Si Rattana Mahathat Woramahawihan, một ngôi chùa Phật giáo nổi tiếng ở tỉnh miền trung bắc Phitsanulok, đã bị ủy ban các bệnh truyền nhiễm của tỉnh đóng cửa từ ngày 1 đến 31 tháng 8 để ngăn chặn đại dịch Covid-19.

Vào sáng Chủ nhật 1-8, tất cả 3 cổng trước của ngôi chùa đều được đóng lại. Các biển báo đã được dựng lên để thông báo cho công chúng về việc đóng cửa. Ngồi trên, vốn thường thu hút hàng trăm du khách và người đến chiêm bái mỗi ngày, đã hoàn toàn yên tĩnh.

Nằm ở bờ đông sông Nan, ngôi chùa Wat Phra Si Rattana Mahathat Woramahawihan nổi tiếng với tượng Phật bằng vàng, tên là Phra Phuttha Chinnarat, vốn được một số người Thái coi là đẹp nhất trong cả nước.

(BANGKOK POST - August 1, 2021)



Chùa Wat Phra Si Rattana Mahathat Woramahawihan đóng cửa để ngăn chặn sự lây lan của Covid-19 ở Phitsanulok

Photo: Chinnawat Singha

CỘNG HÒA KALMYKIA (Liên bang Nga): Bổ sung các nguyên tắc đạo đức Đạt lai Lạt ma vào các chương trình học của Nga

Bộ Giáo dục Kalmykia, một nước cộng hòa đa số theo đạo Phật của Liên bang Nga, có kế hoạch bổ sung các nguyên tắc đạo đức mà Đức Đạt lai Lạt ma thứ 14 Tenzin Gyatso đã công bố vào chương trình giảng dạy tại trường học của bộ này, một động thái có thể được lặp lại tại Nga.

Telo Tulku Rinpoche (Erdne Ombadikov), Lạt ma Tối cao của cộng hòa Kalmykia và là đại diện danh dự của Đức Đạt lai Lạt ma ở Nga, Mông Cổ và các nước cộng hòa thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập thuộc Liên Xô cũ, đứng sau sáng kiến này.

Trong cuộc trao đổi với một nhóm các nhà tâm lý học và sư phạm, Telo Tulku đã trình bày một đề xuất với Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Khoa học Kalmykia, Erdne Barinov.

Bộ trưởng Barinov hoan nghênh sáng kiến này, hứa sẽ bổ sung nó vào các chương trình phát triển của Bộ và các dự án liên bang.

(AsiaNews.it - August 11, 2021)



Telo Tulku Rinpoche (Erdne Ombadikov), Lạt ma Tối cao của cộng hòa Kalmykia và là đại diện danh dự của Đức Đạt lai Lạt ma

Photo: kalmykia.net

THÁI LAN: Bệnh viện dã chiến mở tại trường đại học Phật giáo ở tỉnh Ayutthaya

Ayutthaya, Thái Lan - Bệnh viện dã chiến thứ 10 của tỉnh Ayutthaya dành cho bệnh nhân Covid-19, bao gồm cả các nhà sư, đã được khai trương vào ngày 10-8 tại Đại học Maha Chulalongkorn Rajavidyalaya ở quận Wang Noi.

Nằm trong một tòa nhà của Trường Cao đẳng Nghiên cứu Phật học Quốc tế bên trong khuôn viên trường đại học, bệnh viện dã chiến này được chính thức khai trương bởi Phra Thamvacharabundhit, hiệu trưởng trường đại học và tỉnh trưởng Panu Yaemsri.

Bệnh viện dã chiến có 537 giường bệnh cho bệnh nhân nhẹ. Tầng trệt được dành làm bãi đậu xe. Có 305 giường bệnh cho bệnh nhân nữ trên tầng 2. Tầng 3 có 232 giường, - gồm 178 giường cho nam cư sĩ và 54 giường cho tăng sĩ Phật giáo. Các nhà vệ sinh của các nhà sư ở tầng 4.

Nhân viên y tế từ Bệnh viện Rajthanee đã được chỉ định làm việc tại bệnh viện. Khoảng 100 bệnh nhân, hầu hết đến từ quận Wang Noi, đã được nhận vào điều trị trong ngày đầu tiên.

(Bangkok Post - August 11, 2021)



Đại học Maha Chulalongkorn Rajavidyalaya ở quận Wang Noi, Ayutthaya (Thái Lan)

Photo: wikimedia.org

HOA KỲ: Viện Nghiên cứu Phật học trở thành thành viên của Liên minh Thần học Cao học

Viện Nghiên cứu Phật học (IBS) ở Berkeley, California, đã thông báo rằng họ sẽ gia nhập Liên minh Thần học Sau đại học (GTU), cũng đặt tại Berkeley. Sau 36 năm là chi nhánh của GTU, động thái này sẽ đưa IBS trở thành trường thành viên thứ 9 của liên minh.

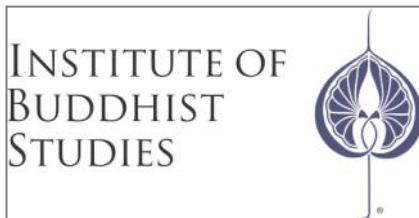
IBS, một trường cao đẳng và trường sau đại học trực thuộc Tịnh Độ Chân tông (Jodo Shinshu), sẽ là trường thứ hai ngoài Cơ đốc giáo tham gia GTU.

Được thành lập vào năm 1966, IBS trở thành một trong những trung tâm Phật giáo lâu đời nhất ở Bắc Mỹ dành cho giáo dục đại học. Cùng với các nghiên cứu về Tịnh Độ Chân tông, họ cung cấp các khóa học về Tào Động Thiền tông (Soto Zen) và Phật giáo Nguyên thủy. Họ cung cấp các chuyên môn về tăng đoàn, tuyên úy, tâm lý học và nghiên cứu liên tôn giáo.

IBS đạt được chứng nhận đầu tiên vào năm 2020 thông qua Ủy ban Cao cấp WASC của các trường Đại học và Cao đẳng (WSCUC).

Tư cách thành viên của Viện Nghiên cứu Phật học trong GTU bắt đầu vào tháng 9 và bắt đầu học kỳ mùa thu năm 2021.

(Buddhistdoor Global - August 12, 2021)



Biểu trưng của Viện Nghiên cứu Phật học (IBS) ở Berkeley, California (Hoa Kỳ)
Photo: shin-ibs.edu

TRUNG QUỐC: Bức tranh cuộn (thangka) truyền thống của Phật giáo Tây Tạng dài nhất thế giới

Bức thangka (tranh cuộn truyền thống của Phật giáo Tây Tạng) dài 618 mét tại Bảo tàng Văn hóa Tây Tạng Thanh Hải ở thành phố Tây Ninh, tỉnh Thanh Hải, là bức thangka dài nhất thế giới.

Có chiều rộng 2.5 mét và bao phủ hơn 1,500 mét vuông, tranh cuộn khổng lồ này có hơn 700 bức tranh, hơn 183,000 ký tự và hơn 3,000 loại hoa văn barbola. Cuộn giấy được xem như một bộ bách khoa toàn thư Tây Tạng, vì nó mô tả lịch sử, tôn giáo, văn hóa, nghệ thuật, y học, thiên văn học, địa lý, thần thoại và phong tục của nhóm dân tộc Tây Tạng.

Được dẫn dắt bởi Tsondu Rabgye, một họa sư về hội họa và thủ công truyền thống ở hạt Xunhua của tỉnh, 400 họa sĩ đã dành 27 năm để hoàn thành bức tranh nói trên. Các họa sĩ đã sử dụng những chất màu khoáng chất và hữu cơ có nguồn gốc từ vàng, bạc, ngọc trai, san hô, mã não, nghệ tây và những chất khác trong phần tô màu của bức tranh cuộn này.

(NewsNow - August 12, 2021)

Bức tranh thangka dài nhất thế giới tại Bảo tàng Văn hóa Tây Tạng (Thanh Hải, Trung Quốc)

Photo: people.cn



HOA KỲ: Hơn 1,000 người ăn mừng việc hoàn thành bức tượng Phật lớn tại Marshalltown

Marshalltown, Iowa - Hơn 1,000 người tham dự đã đến Hội Giáo Pháp Nguyên thủy Iowa, một ngôi chùa Phật giáo ở Marshalltown, để kỷ niệm việc hoàn thành một trong những bức tượng Phật lớn nhất ở Hoa Kỳ sau hơn 2 năm thực hiện dự án xây dựng.

Vào ngày Chủ nhật 8-8-2021, các gia đình đã lũ lượt đến để chụp ảnh, cầu nguyện và cúng dường bức tượng Phật lớn - cao 18 feet, rộng 12 feet vuông - này.



Tượng Phật lớn tại Hội Giáo Pháp Nguyên thủy Iowa ở Marshalltown

Photo: Tipitaka Network

Sau một buổi lễ tôn giáo vào buổi sáng, các nghệ sĩ, bao gồm các ca sĩ và vũ công đại diện cho các nhóm dân tộc khác nhau trong xã hội, đã lên sân khấu trình diễn. Hơn 30 nhà sư Phật giáo từ khắp tiểu bang và trên toàn quốc đã tham dự lễ kỷ niệm, với ít nhất một du khách từ mỗi tiểu bang trong số gần 50 tiểu bang tham dự.

(Tipitaka Network - August 13, 2021)

TIẾNG MỠ KINH CẦU

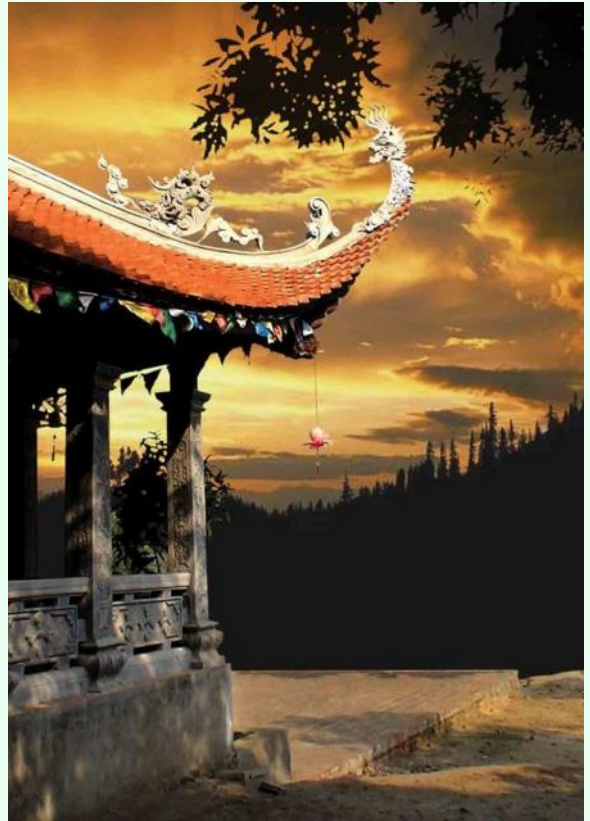
Vang đều tiếng mõ gọi xa
Gói tròn kinh tụng thiền ca vọng về
Rớt vào hố thăm cơn mê
Lay người tỉnh mộng bên lê trầm luân
Ám ba chuỗi ngọc lan dân
Bao nhiêu vọng tưởng nghe chùng rưng rơi
Chân Tâm đã thức dậy rồi
Bỗng nhiên miệng nở nụ cười xuân xanh
Tuy rằng sống giữa phù sinh
Nhưng mình cảm thấy bình minh sáng lâu
Đi trong hơi thở nhiệm mầu
Nhẹ nhàng kinh tụng kết sâu mối tình.

BÊN ÁN SƯƠNG LAM

Khói sương cuộn cuộn lên đồi
Màn sương phủ kín chân trời cô thôn
Đôi thông lặng đứng sương ôm
Cỏ cây áp ủ mặn nồng tình xuân
Nghe như sức sống lên đường
Đất trời rung chuyển nguồn thương nảy mầm
Nghe như thế giới hoà âm
Thiền ca điệp khúc ngàn năm nhiệm mầu
Trần ai lắng đọng sạch lâu
Lăng Già ảnh hiện nhịp cầu thiên thai
Thiền trà thấm giọt sương mai
Hương thơm Diệu Pháp vị đây Chân Như
Đèn tâm soi sáng án thư
Hiên ngoài sương dệt vần thơ Niết Bàn.

BÊN THÈM CHÂN NHƯ

Lăng Già trắng tỏ ngoài hiên
Sáng soi công án bên thềm Chân Như
Niết Bàn hiển lộ vô dư
Thiền hương thơm ngát vần thơ nhiệm mầu
Dòng sông tịnh thủy dạt dào
Từ bi chất liệu thấm vào nguyên sinh
Con thuyền Bát Nhã chân minh
Quay về bến giác lộ trình Không Môn
Kim Cang đỉnh ngự vân am
Bảo châu hoà khúc Pháp Âm diệu thường
Hoa Nghiêm duyên khởi mở đường
Nói liền chân vọng, khơi nguồn trí năng
Mệnh môn thế giới ba ngàn
Hạt sương thấu giọt nằm trang kinh cầu
Nụ cười giải thế niềm đau
Tiếng chuông tỉnh mộng sạch lâu trần ai
Thành thoi đạo gót trang đài
Qua cầu vọng nguyệt hát bài Vô Ngôn.



thơ THẮNG HOAN

BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo
và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

Bài Tụng:

"Mười Ba La Mật Đa gồm có: Thí, Giới, An Nhẫn, Tinh Tấn, Định, Bát Nhã, Phương Tiện, Nguyện, Lực, Trí. Nhiều Ích, Bất Hại, Thọ, Tăng Đức, Năng Nhập, Thoát, Vô Tận, Thường Khởi, Định, Tha Thọ Dụng Thành Thục."

Giải Nghĩa:

Trong bài Tụng đây, bốn câu trước là tỏ bày danh xưng mười Độ, bốn câu sau là giải nghĩa mười Độ. Mười Độ gồm có: 1, Bồ Thí nghĩa là đem tài vật ra bố thí, đem Phật Pháp ra bố thí và đem không lo sợ ra bố thí. 2, Trì Giới nghĩa là ngưng việc ác làm việc lành, như Luân Lý Học thế gian gọi là mô phạm của đạo đức. 3, An Nhẫn nghĩa là ở trên đời có thể an tâm thọ nhận các pháp khổ lạc và chứng đặng pháp vô sanh, cho nên có thể an trụ. 4, Tinh Tấn nghĩa là nỗ lực hướng đến pháp vô lậu xuất thế và còn *Căn* nghĩa là chỉ nỗ lực những việc của thế gian cho nên không được gọi là Tinh Tấn. 5, Thiền Định tức là chỉ cho Tứ Thiền, thuộc cơ bản của Phạm Thánh cùng nhau tu tập, còn Bát Định là thuộc về xuất thế của ba Thừa, nghĩa là chỗ tu của Thánh Định trong đó có các thứ Bất Cộng. 6, Bát Nhã nghĩa là trí tuệ; theo nghĩa rộng Bát Nhã bao gồm năm Độ, nhưng hiện tại đang trình bày mười Độ cho nên chỉ riêng cộng thêm bốn Độ sau đây thì thành mười Độ. Bốn Độ sau đây gồm có Phương Tiện, Nguyện, Lực và Trí. Riêng Trí ở đây là chỉ cho Căn Bản Trí của Huệ Vô Phân Biệt, tức là Như Lý Trí. Chữ *Độ* đây ở trong Pháp Đại Thừa thì trọng yếu phi thường, có thể



HT Thắng Hoan

phủ định để thành Thánh Đạo, nghĩa là xem như đã phát khởi không có trí vô phân biệt, đã phát khởi chính là Thánh Trí, chưa phát khởi chính là phàm trí. Phàm Phu tuy quán không, nhưng còn dùng tâm phân biệt để quán, cho nên không được gọi là chân kiến đạo. Còn chân chánh không đây tức là chân kiến đạo, thông đạt tánh không của tất cả các pháp, thông đạt đi khắp chân như, thông đạt không có năng chứng sở chứng, nghĩa là năng và sở cả hai đều không, đây mới là Bát Nhã chân chánh. 7, Phương Tiện nghĩa là nhờ trí vô phân biệt mà thông đạt tất cả pháp không và nương nơi trí vô phân biệt đây mà phương tiện tu tất cả hạnh. Trong thời gian tu tập các hạnh thì không nên trụ nơi tướng, nguyên vì nơi các hạnh để tu cũng hoàn toàn là không, như Kinh Kim Cang nói rằng: "*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*," chỉ sợ tâm có chỗ trụ các pháp thì chỗ tu các hạnh trở nên bị giới hạn, như trụ nơi Thí thì việc tu thí có giới hạn, do đó sẽ không được công đức vô lượng, cho nên phải nương tựa nơi trí vô phân biệt để tu tất cả hạnh. 8, Nguyện, nghĩa là chỉ cho tứ hoằng thệ nguyện. Muốn tu tứ hoằng thệ nguyện thì phải nương nơi trí vô phân biệt mà tu và trong khi tu tập phát nguyện độ vô lượng chúng sanh mà thật tế phải thấy rằng không có một chúng sanh nào được độ cả. 9, Lực, nghĩa là mười lực của chư Phật và Bồ Tát, đây cũng chính là phán đoán các lực phải dựa trên trí mà trình bày. 10, Trí, chính là trí tuệ thấu suốt tất cả pháp, nhân vì trí vô phân biệt đối với tất cả phiền não đều đã giải thoát sở tri chướng thì đối với tất cả cảnh sở tri thấy đều thông suốt và đối với tất cả tâm

hạnh chúng sanh trong sát na thấy đều thông đạt, đây tức là chỉ cho Trí. Danh nghĩa của mười Độ trên đại khái là như thế.

Giờ đây lại giảng mười thứ công đức của mười Ba La Mật Đa: 1, Nhiều Ích, nghĩa là lợi ích phong phú hữu tình, như không có tiền của vật dụng khiến được tiền của vật dụng. 2, Bất Hại, nghĩa là không làm thương hại, không não hại hữu tình. 3, Thọ, nghĩa là không chỉ không hại người khác mà có thể nhận chịu người khác làm thương hại đến mình. 4, Tăng Đức, nghĩa là riêng mình có thể tăng tiến công đức và tất cả hữu tình cũng có thể tăng tiến công đức, không như Già Tiến Hoá Luân của thế gian cho tăng đức đây là lưu chuyển, mặc dù là tạm tiến hoá mà chung cuộc là thối hoá. Như con người từ ấu thơ mà trưởng thành gọi là tăng tiến, nhưng chuyển biến trong nháy mắt từ tráng niên mà trở thành già yếu và từ già yếu mà đi đến diệt vong, đây gọi là thối hoá. Cho nên đứng ra tiến hoá đây chỉ là công đức tăng tiến mà thôi. Ở trong các Thánh giả, chỉ có Phật thì công đức đã viên mãn không cần tăng tiến; Tiểu Thừa chỉ cầu giải thoát mà không cầu tăng tiến; riêng Bồ Tát thì mới cầu tăng tiến chân chánh. 5, Năng Nhập (khả năng vào trong), chính là Thiền Định, do sức kham nhẫn cho nên có thể vào trong thiền định, do sức thần thông lại có thể khiến người khác vào trong Phật Pháp. 6, Thoát, tức là giải thoát, nghĩa là nhờ Bất Nhã có thể đối trị hai chướng phiền não và sở tri nên được giải thoát. 7, Vô Tận, nghĩa là nhờ năng lực phương tiện có thể khiến công đức chỗ tu được rộng lớn vô cùng vô tận. 8, Thường Khởi, tức là phát đại nguyện, một niệm không thối lui, khiến công đức chỗ tu được không bị tiêu diệt, có thể hồi hướng vô thượng Bồ Đề. 9, Định, tức là nghĩa quyết định, như năng lực phán đoán đã giải thích ở trước, có thể phán đoán chỗ đúng chỗ không đúng, đây chính là Trí Lực. Do dự không thể phán đoán hoặc ép buộc cho là hiểu biết, đây tức là không có trí lực, cho nên phải tư duy chọn lựa thì ngay lập tức mới quyết đoán được, đây đều là do trí lực chỗ tu tập mới được. 10, Tha Thọ Dụng Thành Thục, nghĩa là đối với tất cả pháp đã hiểu biết phổ biến, thọ dụng một thứ pháp lạc thù thắng, đồng thời cũng đem chỗ pháp lạc thọ dụng được đi thành thục cho tất cả hữu tình; những thứ pháp lạc tha thọ dụng thành thục đây chính là Chánh Hạnh tối thắng thứ nhất trong mười



thứ Chánh Hạnh. Tự thể của nó tức là mười Độ, cho nên trở thành là sáu Đáo Bỉ Ngạn (Sáu Đáo Bỉ Ngạn gồm có: Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Tuệ), chính là lý do có mười thứ tối thắng cùng tương ứng với nó.

b, Tác Ý Chánh Hạnh:
Bài Tụng:

“Bồ Tát dùng ba Huệ, luôn luôn tư duy Đại Thừa, như chỗ thiết lập pháp, gọi là Tác Ý Chánh Hạnh. Tăng trưởng thiện pháp đây, vào nghĩa và

sự thành.”

Giải Nghĩa:

Dưới đây là giảng Tác Ý Chánh Hạnh thứ hai trong sáu thứ Chánh Hạnh. Tác Ý đây, nghĩa là người nghe pháp, sau khi nghe pháp đem nghĩa lý đã nghe đã hiểu phát khởi xu hướng mong tâm chú ý, khiến tâm và tâm sở chung nhau phát khởi, điều khiển tâm ngưng lại chuyên chú gọi là tác ý. Giải thích nghĩa đây cộng có bốn bài Tụng. Sáu câu Tụng ban đầu chính là giải thích Tác Ý Chánh Hạnh. Bồ Tát do nơi văn mà được thành huệ, do nơi tư mà được thành huệ, do nơi tu mà được thành huệ, gọi chung là ba Huệ, dùng ba huệ đây luôn luôn tư duy Phật Pháp Đại Thừa, như các hạnh Bồ Tát của mười Ba La Mật Đa, các pháp Đại Thừa của Khế Kinh đã thiết lập, nên gọi là Tác Ý Chánh Hạnh. Ba Huệ Bồ Tát do nghe mà được thành huệ, như bài Tụng nói rằng: Tăng trưởng thiện giới đây, chữ Giới như trước đã nói tức là nghĩa của chúng tử. Chính là nhờ lắng nghe Phật Pháp Đại Thừa cho nên có thể tăng trưởng chủng tử thiện căn. Trong Phật Pháp Đại Thừa thường có nghĩa này, nếu có thể lắng nghe một câu Phật Pháp Đại Thừa, dù cho chưa có sáng suốt, nhưng cũng thành chủng tử, với chúng tử đây chính là pháp giới thanh tịnh đặng lưu huân tập và do chúng tử pháp giới đây có thể tăng trưởng hạt giống thiện, cho nên Pháp Đại Thừa có một thứ năng lực oai đức vô thượng như thế. Như Tụng Kinh, Trì Chú, v.v... cũng có thể tăng trưởng thiện căn, hà huống là đã lắng nghe, lại còn hiểu rõ, tự nhiên có thể tăng trưởng thiện căn. Vì Nghe Phật Pháp mà có thể tin hiểu chính là tăng trưởng thiện căn; đề cập đến ba huệ do Nghe đây tức là do nghe mà được thành huệ. Nghĩa là hoàn toàn căn cứ nơi ý nghĩa ngôn từ câu văn trên Kinh có thể ghi nhận được, có thể giải thích được, đó là do Nghe mà được thành huệ. Do Tư mà được thành huệ đây, Tụng nói rằng: vào nghĩa. Vào Nghĩa chính là có thể dùng câu văn của nghe để lý

khai mà đi vào trong núi rừng của ý nghĩa tư duy, tư duy đến chỗ nghe pháp mà hiểu rõ một cách thấu triệt, dung hoá thấu suốt mà ngộ vào ý nghĩa tinh thâm của nó. Lúc bấy giờ căn cứ nơi nghĩa mà không căn cứ nơi văn, chỉ căn cứ nơi nghĩa đã hiểu rõ, có thể biến hoá thành các thứ ngôn ngữ văn tự đi truyền bá những điều đã giải thích, đây tức là công năng của Tư đã được thành huệ. Còn do Tu mà được thành huệ đây, tức là Tụng nói rằng: Sự Thành. Bởi vì chỗ tu đây chính thật là nơi luyện tập, giả sử Tư đây là tư duy đúng như lý thì chỗ Tu cũng là tu tập đúng như pháp, cho nên Tụng nói rằng Sự Thành. Tức là do Tu mà được thành huệ, nghĩa là Tu Thí, v.v... được pháp Đại Thừa thì có thể khiến chỗ sự nghiệp của hy vọng được thành tựu viên mãn. Như sau khi nghe pháp Bồ Thí, liền căn cứ nơi chỗ Nghe đi tư duy quán sát, đã hiểu rõ nghĩa của nó, trong tâm đối với chân lý của Bồ Thí hiểu biết xác thực không sai lầm, sau đó lại đi thật hành, lại được thân chứng, cho nên chỗ tu đã được thành huệ, tức là Huệ của tri hành hợp nhất; thêm nữa căn cứ nơi Tam Học giải thích thì Huệ đây cùng với Giới và Định đồng thời phát khởi, hiện nay ở nơi Tam Học đây đều cho là Tác Ý Chánh Hạnh. Cho nên ba Huệ của Văn, Tư, Tu (Ba Huệ của Lăng Nghe, Tư Duy và Tu Tập) đều là tự thể của Tác Ý Chánh Hạnh.

Bài Tụng:

“Giúp bạn nên biết đây, tức là mười thứ pháp hạnh gồm có: viết sách, cúng dường, bố thí cho người, nghe, giờ ra xem, thọ trì, khai diễn chánh đáng, và tư duy tu tập. Hành mười thứ pháp hạnh này được phước quy tụ vô lượng, vì thù thắng, vì vô tận, do nhiếp kẻ khác không dứt.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là chỗ giải thích mười thứ pháp hạnh, là giúp bạn ba Huệ. Chỗ gọi là giúp bạn nên biết, tức là chỉ cho mười thứ pháp hạnh. Mười thứ pháp hạnh có rất nhiều Kinh Luận đều nói đến, chẳng qua không được hoàn toàn đầy đủ. Như Kinh Kim Cang nói rằng: “Nếu có thể thọ trì, đọc tụng, vì người khác giải thích, v.v...”, đây chỉ là nói ba phần trong mười phần; lại như Kinh Pháp Hoa nói: Năm thứ Pháp Sư, cũng chỉ nói năm phần trong mười phần. Mười pháp hạnh đây chỉ có Biện Trung Biện Luận và Du Già Sư Địa Luận, v.v... là giải thích hoàn toàn đầy đủ. Còn Kinh Luận của Tiểu Thừa thì chưa bàn đến, nhân vì mười hạnh này chỉ nương theo thứ lớp của pháp Đại Thừa mà tu tập, riêng Nhị Thừa thì không có mười hạnh này, cho nên gọi là Đại Thừa Thập Pháp Hạnh. Mười Pháp Hạnh đây gồm có:

1, Viết Sách: nhân vì khi Phật còn tại thế, lúc bấy giờ đều không có điều khắc in

ấn, kinh điển phổ biến phải nhờ sao chép. Tuy nhiên sau khi Phật nhập diệt, lời giảng của Phật mới được sao lục ghi chép trở lại thành Kinh Điển, đây chẳng qua là đem chỗ đã nghe nhờ năm trăm A La Hán tập hợp lại cùng nhau đọc tụng, nhờ các vị cùng nghe chứng minh, tạo thành một thứ căn bản nhất định cụ thể. Thật ra khi Phật thuyết pháp lúc bấy giờ đều có ghi chép, chuyển đạt phổ biến, cho nên viết sách là một của mười pháp Hạnh. Hiện tại có ấn loát đồng thời cũng có viết sách giống nhau, cho nên cần phải in ấn cho nhiều để phổ biến, công đức này và viết sách thì đồng nhau.

2, Cúng Dường: nghĩa là sau khi được kinh điển không nên sanh tâm khinh mạn, cần phải cung kính cúng dường thì tự mình có được phước đức vô lượng.

3, Bồ Thí cho người: nghĩa là thường đem sách vở đã viết đi bố thí giúp cho người khác, khiến những kẻ không được pháp nhờ công đức này có thể được thiện tri thức đến giảng giải trao truyền và bạn hữu cùng nghiên cứu. Ở ngày nay nếu có thể khi in ấn kinh điển, ấn tặng bố thí cho người khác thì công đức đây cũng giống nhau.

4, Lăng Nghe: nghĩa là trước khi chưa hiểu nghĩa, người khác giảng giải, tự mình đến lắng nghe, giống như học sinh đọc sách và lắng nghe giảng sách cả hai giống nhau, Tiên Sanh đọc một biến và giảng giải một biến, tự mình đã lắng nghe và sau đó thì có thể thuộc lòng.

5, Giờ Ra Xem: nghĩa là đem một tờ văn đi học lại tờ đó và học cho đến khi nào thuộc lòng, rồi sau đó có thể tư duy nghĩa của nó.

6, Thọ Trì: nghĩa là đem chỗ văn nghĩa đã lắng nghe luôn luôn ghi nhớ thọ trì không cho quên.

7, Khai Diễn Chánh Đáng: nghĩa là căn cứ nơi nghĩa đã lắng nghe ghi nhớ thọ trì không cho quên những điều người khác giảng giải tinh tường.

8, Đọc Tụng: nghĩa là học ôn những điều tu tập đã học được khiến cho văn nghĩa thường ghi nhớ mãi trong tâm, nhờ đây đọc tụng có thể đạt đến pháp lạc phi thường, văn nghĩa đây có thể thâm nhập sâu cạn, cho nên Đọc Tụng có lợi ích rất lớn.

9, Tư Duy: nghĩa là đem chỗ nghĩa đã nghe được lãnh thọ vào tâm và tinh tế tư duy chỗ thâm y của nghĩa.

10, Tu Tập: nghĩa là căn cứ nơi chỗ thâm ý của nghĩa đã tư duy được và dùng thân tâm tu tập để thể nghiệm, khiến cho Huệ của Văn và Tư được thành tựu, đây là Huệ xác thực tinh tường. Tu Huệ, trước đã thông suốt nơi Gia Hành Vị khi chưa vào Thánh Quả; trước khi hành trì Gia Hành Vị, nếu dựa theo mười Pháp Hạnh mà tu tập thì có thể trợ giúp cho ba Huệ sớm thành tựu. Sử dụng tám thứ pháp hạnh ở trước có thể trợ giúp Văn thành

tự để huê được thành tự; còn hai pháp hạnh ở sau thì có thể trợ giúp hai pháp Tư và Tu thành tự để Huê được thành tự, cho nên nói rằng, mười pháp hạnh dùng ba Huê để làm tự thể. Lại nữa đứng ra thật hành mười thứ pháp hạnh mà chỗ được phước đức hội tụ thì vô lượng vô biên, đây có được là đặc biệt của Đại Thừa, nhưng Nhị Thừa thì không thể so sánh giống như Đại Thừa, là điều gì? Chính là chỗ đầy đủ hai điều kiện: Điều kiện thứ nhất là Tối Thắng, nghĩa là pháp Đại Thừa thì phải phổ biến để nhiếp hoá tất cả hữu tình vô lượng vô biên. Điều kiện thứ hai là Vô Tân, nghĩa là pháp Đại Thừa mặc dù sau khi đã thành Phật thì lại vẫn tiếp tục lợi lạc độ hết tất cả hữu tình không bao giờ dừng nghỉ, do đó công đức của pháp Đại Thừa thì vô cùng vô tận, vô lượng vô biên.

c, Tỳ Pháp Chánh Hạnh:

c/1- Hai Loại Tỳ Pháp:

Bài Tụng:

“Hai thứ Hạnh Tỳ Pháp: các thứ không tán loạn, không điên đảo chuyển biến, các Bồ Tát nên biết.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là tỏ bày hai thứ Tỳ Pháp Chánh Hạnh. Hai thứ Tỳ Pháp Chánh Hạnh gồm có: 1, Vô Tán Loạn Chuyển Biến Tỳ Pháp Chánh Hạnh; 2, Vô Điên Đảo Chuyển Biến Tỳ Pháp Chánh Hạnh. Hai Thứ Chánh Hạnh đây Bồ Tát cần phải nên biết, dưới đây sẽ giải thích.

c/2, Giải Thích Hai Tỳ Pháp:

1>- Vô (không) Tán Loạn Chuyển Biến Tỳ Pháp Chánh Hạnh:

Bài Tụng:

“Xuất định, nơi cảnh lưu, vị trầm trạo, biểu thị lừa dối, tâm thấp kém, các bậc trí phải biết.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích Vô Tán Loạn Tỳ Pháp Chuyển Biến Chánh Hạnh thứ nhất. Vô Tán Loạn Tỳ Pháp Chuyển Biến Chánh Hạnh nghĩa là Chánh Hạnh không tán loạn chuyển biến theo pháp. Do bởi sáu thứ tán loạn có thể khiến Tâm không theo Pháp Hạnh, vì muốn loại trừ cho nên nêu ra lỗi lầm của nó:

a, Một là ra khỏi Định, nghĩa là nói tự tánh của năm Thức Trước là tán loạn. Năm Thức trước sau khi vào định thì không hiện hành và sau khi ra khỏi Định thì lại hiện hành, chúng không cùng Tâm Định tương ưng cho nên trở thành tán loạn.

b, Hai là Nơi Cảnh Lưu Chuyển, tức là năm Tâm Thức Trước tùy theo cảnh lưu chuyển mà phóng túng buông lung, hướng ngoại chạy tán loạn, không thể chuyên chú vào một cảnh.

c, Ba là Vị Trầm Trạo, Vị tức là đắm trước mùi vị an lạc của thiền định có thể dẫn sanh hai phiền não tham si tương ưng; Trầm tức là

hôn trầm không sáng suốt, xác thực cùng với Định rõ ràng tương phản; Trạo tức là trạo cử, như tay nâng lên một vật bỗng nhiên trên dưới khiến nội tâm không thể an định. Vị Trầm Trạo đây đều là tán loạn nội tâm.

d, Bốn là biểu thị lừa dối, tức là dối trá giả hiện ngụy tướng, như thật ra không tu hành mà giả hiện tướng tu hành, mặc áo Bá Nạp xin ăn nhờ bản, v.v... đều là biểu thị lừa dối mà gạt gẫm người khác.

e, Năm là ngã chấp, tức là tán loạn thô trọng, do có ngã chấp thì tâm sanh kiêu mạn, không thể bình đẳng mà theo pháp chánh hạnh.

g, Sáu là Tâm hạ liệt, tức là mất đi ý chí hành pháp Đại Thừa, không thể nương nơi pháp Đại Thừa mà phát tâm Bồ Đề, nhưng đối với bậc Nhị Thừa thì khởi tâm vui thích. Sáu thứ như thế đều là tán loạn, cho nên các Bồ Tát có trí tuệ cần phải thấu rõ hoàn toàn và cấp tốc diệt trừ đi.

2>- Vô (không) Điên Đảo Chuyển Biến Tỳ Pháp Chánh Hạnh:

a)- Liệt Kê Mười Tên Không Điên Đảo:

Bài Tụng:

“Trí thấy nơi văn, nghĩa (cảnh giới), tác ý, và bất động, hai tướng, nhiễm, tịnh, khách, không sợ, cao không đảo.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là giải thích Vô Điên Đảo Chuyển Biến Tỳ Pháp Chánh Hạnh. Vô Điên Đảo Chuyển Biến Tỳ Pháp Chánh Hạnh nghĩa là Chánh Hạnh không điên đảo chuyển biến theo pháp. Không Điên Đảo liệt kê tiêu biểu có mười thứ tên. Mười thứ tên không điên đảo là: 1- Nơi văn không điên đảo, 2- Nơi nghĩa không điên đảo, 3- Nơi tác ý không điên đảo, 4- Nơi bất động không điên đảo, 5- Nơi tự tướng không điên đảo, 6- Nơi cộng tướng không điên đảo, 7- Nơi nhiễm tịnh không điên đảo, 8- Nơi khách không điên đảo, 9- Nơi không sợ không điên đảo, 10- Nơi không cao không điên đảo. Thứ năm và thứ sáu của mười thứ không điên đảo đây là chỉ cho hai tướng không điên đảo. Hai tướng không điên đảo của thứ năm và của thứ sáu trong bài Tụng được mở bày thêm cho nên thành mười thứ. Văn không điên đảo nghĩa là thấy không điên đảo. Thấy không điên đảo chính là nương nơi Trí để thấy, chỗ gọi là biết văn biết nghĩa, v.v... Nương nơi Trí để thấy hoặc có chỗ dùng phổ thông, hoặc có chỗ dùng riêng biệt, như có chỗ đích thực là thấy mà không phải Trí, có chỗ đích thực là Trí mà không phải thấy, v.v..., tức là nó có chỗ sai biệt.

(còn tiếp)



SỰ CẢN TRỞ CỦA COVID-19

*Hai năm Cô-Vít * khổ quá trời,
Đóng cửa nằm nhà chẳng thành thơ,
Giáo hội khó bề, ... không sinh hoạt,
Tăng Ni thừa thớt, ... chẳng yên vui...
Vu Lan sắp đến, lòng thốn thức
Phật đàn qua rồi, dạ bồi hồi
Phật tử, Đồng hương cùng tâm niệm:
Nhất tâm tu học, mới an vui.*

*An vui phát nguyện: niệm Phật thôi,
Tất cả do tâm chẳng do ai,
Muốn được bình an, tâm tĩnh lặng,
Cần nên thiền tọa, tỉnh thành thơ.
Ngồi nằm đi đứng tin lời Phật,
Lui tới ra vào thuận ý trời.
Vạn sự do duyên và nghiệp quả,
Hai năm Cô-Vít khổ quá trời...*

Mạnh hạ Tân sửu - Aug. 10, 2021

(*) COVID-19

thơ ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA

TRỞ VỀ MỤC LỤC

NGUYỆN CẦU ĐỂ LÀM NGƯỜI CƠN SỢ HÃI VÌ BỆNH DỊCH

Những vần thi kệ đã cứu tu viện Sakya khỏi bệnh tật

Tác giả: **THANGTONG GYALPO**

Anh dịch: **Sean Price** (Tenzin Jamchen), 2014

Chuyển ngữ: **Tuệ Uyên**

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Nguyện tất cả những tật bệnh quấy rầy tâm thức của chúng sanh,
Và những thứ do kết quả tử nghiệp chướng và những điều kiện tạm thời,
Chẳng hạn như những tổn hại do quý thần, đau ốm, và sức mạnh thiên nhiên,
Không bao giờ xảy ra khắp mọi nơi trên thế giới này.

Nguyện cho bất cứ khổ đau nào phát sinh qua những tật bệnh đe dọa sự sống,
Những thứ giống như người đồ tể đưa con vật đến lò sát sinh,
Tách rời thân thể khỏi tâm thức trong một khoảnh khắc
Không bao giờ xảy ra khắp mọi nơi trên thế giới này.

Nguyện cho tất cả những biểu hiện của chúng sanh không bị tổn hại
Bởi những tật bệnh kịch liệt, kinh niên, và lây nhiễm,
Chỉ những tên ấy cũng có thể gọi đến những khủng khiếp như vậy
Như có thể rơi vào nanh vuốt của Diêm Ma, Thần Chết.

Nguyện cho 80,000 loại những kẻ chướng ngại tổn hại,
360 quý thần ác độc gây tai họa mà không báo trước,
404 loại bệnh tật (1), và vân vân
Không bao giờ làm hại bất cứ người nào!

Nguyện cho bất cứ khổ đau nào sinh khởi qua sự xáo trộn trong bốn yếu tố (2),
Cướp đi mọi niềm an ổn của thân thể và tâm thức,
Hoàn toàn được bình yên, và nguyện cho thân - tâm được uy lực và sáng lạng,
Và được ban cho trường thọ, mạnh khỏe, và cát tường.

Qua lòng từ bi của Tam bảo và chư đạo sư,
Năng lực của chư vị không hành, hộ pháp và bảo vệ
Và qua sức mạnh không sai chạy của nghiệp lực và kết quả của nó,
Nguyện cho những hồi hướng và cầu nguyện này được toại nguyện.

Một lần nọ, một trận dịch đã lây lan từ người này sang người khác tại tu viện lớn của truyền thống Sakya Vinh quang. Bất cứ điều gì mà các bậc thầy mật tông cố gắng — hình nộm, tormas (3), thuốc men, thần chú, bùa hộ mệnh, v.v... — đều không có tác dụng, và tu viện có nguy cơ bị hủy diệt. Vào thời điểm đó, đại sư Mahāsiddha Thangtong Gyalpo đã thực hiện lời cầu nguyện quy y bắt đầu, "Chúng sinh với số lượng bao la như không gian", sau đó trì tụng một số thần chú Mani, và nói theo lời của các vị Thầy, "Những nguyện vọng này trở thành hiện thực..." Vào thời điểm đó, toàn bộ dịch bệnh ngay lập tức chấm dứt do việc thực hiện lời cầu nguyện này. Qua đó, nó trở nên nổi tiếng như bài diễn văn kim cang tỏa ra những phước lành như đám mây có tựa đề 'Lời nguyện cầu đã cứu Sakya khỏi bệnh tật.'

Ấn Tâm Lộ, Monday, June 7, 2021



Nguyên bản: [The Verses that Saved Sakya from Sickness - A Prayer for Pacifying the Fear of Disease](#)

(1) Có nhiều cách khác nhau để liệt kê 404 loại bệnh. Theo một phương pháp, có 101 loại bệnh do tà ma gây ra, 101 loại bệnh do hoàn cảnh tức thời mang lại, 101 loại bệnh do mất cân bằng nhân đức và 101 loại bệnh do nghiệp quá khứ gây ra. Một hệ thống khác đếm 101 loại liên quan đến gió, 101 liên quan đến mật, 101 liên quan đến đờm và 101 liên quan đến sự kết hợp của tất cả chúng. Tuy nhiên, một hệ thống khác đếm 101 loại bệnh bắt nguồn từ giận dữ, lửa và mật; 101 phát xuất từ vô minh, đất và đờm; 101 sinh ra từ ghen tuông và gió; và 101 bắt nguồn từ ham muốn, nước và sự kết hợp của cả ba tính khí.

(2) Đất, Nước, Không khí, Lửa

(3) Torma là những hình được làm chủ yếu từ bột và bơ được sử dụng trong các nghi lễ Mật tông hoặc làm lễ vật trong Phật giáo Tây Tạng.



VAI QUẢN MẸ ĐI

mẹ già qua ngõ tre làng
thương con gánh nặng vai quản mẹ đi
đường xa trận gió lê thê
cuốn trong tâm tưởng lối về nhẹ thênh
đường lên thị tứ chông chênh
gánh hàng trĩu một khối tình yêu con
da nhàu nắng, tóc phai sương
nụ cười móm mém chiều hôm mẹ về.

MẸ GẦY

mẹ gầy như hạc như mai
như sương đầu núi, như mây đầu ghềnh
như vàng trắng tỏa lênh đênh
vòng tay ấm áp bao tình thương con
mẹ gầy vì nhớ ùì thương
bao năm tàn tảo sớm hôm chợ đời
đàn con giờ tản khắp nơi
vẫn còn lưu giữ nụ cười mẹ yêu
mẹ gầy như khói trong chiều
vuơng trong cõi nhớ thật nhiều tình thương.

CÁNH HẠC KHUYA

con chờ khách dưới trăng trôi
bến hẹn phai sương vắng bóng người
hiu hắt trời khuya vang tiếng hạc
người từ đâu về trong xa xôi.

CẢM TỨC GIÁC CHIỀU

đầu sông xuôi một chuyến đò
nhà ai cuối bến bấp lờ khói bay
hững hờ mặt nước bóng mây
cánh diều mục tử loay hoay giữa đồng
chiều rồi, bầy nghé qua sông
nước chao mây vỡ trăm giòng lênh đênh
bám đàn nghe chút buồn tênh
bên hiên chiều muộn gọi tên cuộc đời.

thơ PHÙ DU

TU TÂM TỪ ĐỂ HỘ THÂN, NGỦ AN LÀNH

Nguyễn Giác

TU TƯỜNG PHẬT HỌC

Đại dịch đang tàn phá quê nhà. Đất nước như trong nhà lửa. Mọi người đều đang sống trong nỗi lo. Nhiều người bất an, kể cả trong giấc ngủ, hễ chớp mắt là những hình ảnh đáng sợ hiện ra. Có những bài kinh nào để hộ thân, và để có giấc ngủ bình an? Bài viết này sẽ tìm các bài kinh đơn giản, dễ nhớ, dễ thực hành – vừa để hộ thân, vừa có giấc ngủ bình an. Người viết không có thẩm quyền gì, nơi đây chủ yếu là chép lời Đức Phật dạy. Các sai sót, nếu có, xin được sám hối. Công đức chép kinh xin hồi hướng về quê nhà cho tất cả mọi người bình an.



những ai tu tâm từ giải thoát và quảng diễn ý nghĩa này, sẽ được ngủ yên, lìa ác mộng, được chư thiên bảo vệ, thoát nhiều nạn. Trích bản dịch của hai Thầy Tuệ Sỹ, Đức Thắng ghi lời Đức Phật dạy như sau.

“Nếu chúng sanh nào tu hành từ tâm giải thoát, quảng bố ý nghĩa ấy, diễn nói cho người khác nghe, sẽ thu hoạch được mười một quả báo. Những gì là mười một? Nằm ngủ yên, tỉnh giấc yên, không thấy ác mộng, chư thiên hộ vệ, mọi người yêu mến, không bị độc, không bị binh đao,

không bị nước, lửa, giặc cướp; thầy đều không bị xâm hại; sau khi thân hoại mạng chung sanh lên trời Phạm thiên. Đó gọi là Tỷ kheo tu hành từ tâm sẽ có được mười một phước này.” (2)

Tương tự, trong Kinh AN 11.15, bản dịch của Thầy Minh Châu, trích như sau:

“Này các Tỷ-kheo, từ tâm giải thoát được thực hành, được tu tập, được làm cho sung mãn, được tác thành cỗ xe, được tác thành căn cứ địa, được tiếp tục an trú, được tích tập, được khéo khởi sự thời được chờ đợi là mười một lợi ích. Thế nào là mười một? Ngủ an lạc, thức an lạc, không ác mộng, được loài người ái mộ, được phi nhân ái mộ, chư Thiên bảo hộ, không bị lửa, thuốc độc, kiếm xúc chạm, tâm được định mau chóng, sắc mặt trong sáng, mệnh chung không hôn ám; nếu chưa thể nhập thượng pháp (A-la-hán quả); được sanh lên Phạm thiên giới.” (2)

--- Giữ giới, mang an vui cho người, sẽ được chư thiên bảo vệ

Chúng ta có thể tự hộ thân bằng cách giữ giới, và mang an vui cho người. Đức Phật dạy trong Kinh T211.9 (Pháp Cú Thí Dụ Kinh - Song Yếu Phẩm, Đề Cử), rằng hễ mình giữ giới và mang an vui cho người, sẽ được chư thiên bảo vệ. Nơi đây sẽ dịch theo bản tiếng Anh của Samuel Beal:

“Người mang tới an vui bây giờ, sẽ được hạnh phúc về sau. Sống giới hạnh, sẽ được hạnh phúc gấp hai lần --- người này hạnh phúc và an vui; nhìn thấy chính niềm hạnh phúc của mình, tâm người này sẽ an lạc. Người này hạnh phúc bây giờ, người này sẽ hạnh phúc về sau; làm những điều công chính, người này có niềm vui gấp hai lần; người này được chư thiên bảo vệ nơi đây, và sẽ được quả lành và được an lạc về sau.” (1)

--- Tu tâm từ, sẽ ngủ ngon, được chư thiên hộ vệ, thân tâm bình yên

Trong Kinh EA 49.10, Đức Phật dạy rằng

--- Dứt bỏ hơn thua, sẽ ngủ bình an

Kinh SA 1153, bản dịch của hai Thầy Tuệ Sỹ, Đức Thắng, ghi lời Đức Phật dạy rằng lìa bỏ hơn thua, là ngủ bình an. Nơi đây, bài kệ

sẽ viết theo văn xuôi cho tiện trình bày:

"Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ: Người hơn liền thêm oán, Người thua nằm không yên. Hơn thua đều buông xả, Là được ngủ an lành." (3)

--- Từ bỏ sân hận, sẽ ngủ bình an

Đức Phật dạy, hễ từ bỏ sân giận thì giấc ngủ sẽ bình an, và được hỷ lạc trong tâm. Trong Kinh SA 1309, bản dịch của hai Thầy Tuệ Sỹ & Đức Thắng, ghi lời Đức Phật dạy (tương đương với Kinh này cũng có Kinh SA 1116):

"Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ đáp: Nếu giết hại sân nhuế, Giấc ngủ được an ổn. Sự giết hại sân nhuế, Khiến người được hỷ lạc. Sân nhuế là gốc độc, Ta khen người giết được. Giết sân nhuế kia rồi, Đêm dài không lo lắng." (4)

--- Lìa tham sân si, sẽ ngủ ngon

Tâm có tham sân si sẽ ngủ không yên, tâm lìa tham sân si sẽ ngủ bình an. Đó là lời Đức Phật dạy trong Kinh EA 28.3, bản dịch của hai Thầy Tuệ Sỹ, Đức Thắng.

"Thế Tôn bảo: «Như ý dục người kia đang mạnh, trong khi Như Lai diệt tận không còn dư tàn, gốc rễ không sinh trở lại, không trở lên lại nữa. Thế nào, con trai của trưởng giả, nếu người mà tâm sân nhuế, ngu si khởi lên, há ngủ ngon được sao?»

Đồng tử thưa: «Không ngủ ngon được. Sở dĩ như vậy là vì do tâm có ba độc.»... (5)

--- Trú niệm, tỉnh giác, sẽ ngủ an lành, được chư thiên hộ vệ

Bạn muốn ngủ ngon, được chư thiên hộ vệ, cần phải giữ chánh niệm tỉnh giác trong mọi thời liên tục. Kinh AN 5.210, bản dịch của Thầy Minh Châu, Đức Phật dạy rằng:

"Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này đối với người thất niệm, không tỉnh giác rơi vào giấc ngủ. Thế nào là năm? Ngủ một cách khổ sở; thức dậy một cách khổ sở; thấy ác mộng; chư Thiên không phòng hộ; bất tịnh chảy ra, mộng tỉnh, dĩ tịnh. Này các Tỷ-kheo, có năm nguy hại này đối với người thất niệm, không tỉnh giác rơi vào giấc ngủ."

*Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này đối với người trú niệm, tỉnh giác rơi vào giấc ngủ. Thế nào là năm? Ngủ một cách ngon lành; thức dậy một cách ngon lành; không thấy ác mộng; **chư Thiên phòng hộ**; bất tịnh không chảy ra. Này các Tỷ-kheo, có năm lợi ích này*

đối với người trú niệm, tỉnh giác rơi vào giấc ngủ." (6)

--- Thà là thường ngủ, hơn là thức mà tâm loạn tưởng

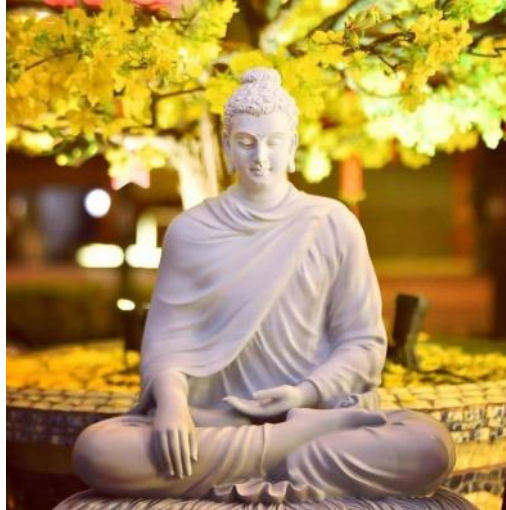
Những người dễ thất niệm, dễ vọng tưởng sẽ gặp nhiều nguy hiểm, rồi sẽ sanh vào đường dữ. Do vậy, cần phải canh chừng tâm mình liên tục. Kinh EA 51.6, Đức Phật dạy cụ thể, theo bản dịch của hai Thầy Tuệ Sỹ, Đức Thắng:

"Chẳng thà cứ thường hay ngủ nhiều, chớ đừng trong khi thức mà tư duy loạn tưởng, để rồi thân hoại mạng chung sanh vào nẻo dữ. Chẳng thà để cho dùi sắt đang rực cháy in vào mắt, chớ không để nhìn sắc mà nổi lên loạn tưởng. Tỷ kheo khởi loạn tưởng như vậy bị bại hoại bởi thức. Tỷ kheo bị hủy hoại bởi thức sẽ rơi vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Điều Ta muốn nói là như vậy."

Người kia chẳng thà cứ thường hay ngủ, chớ đừng khi thức mà tư duy loạn tưởng. Thà lấy dùi bén đâm vào lỗ tai cho nó hư hoại chứ không để vì nghe tiếng mà nổi lên loạn tưởng. Tỷ kheo nổi lên loạn tưởng sẽ bị bại hoại bởi thức. Chẳng thà cứ thường xuyên ngủ chớ đừng để khi thức mà tư duy loạn tưởng. Chẳng thà lấy kim nóng làm hư hoại mũi, chớ đừng vì ngửi mùi mà nổi lên loạn tưởng. Tỷ kheo nổi lên loạn tưởng thì bị bại hoại bởi thức. Do bị bại hoại bởi thức mà rơi vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Điều mà Ta muốn nói là như vậy. Chẳng thà lấy gươm bén cắt đứt lưỡi, chớ không để vì lời nói hung dữ, thô bạo, mà rơi vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Chẳng thà thường ngủ, chớ đừng để trong khi thức mà nổi lên tư duy loạn tưởng. Chẳng thà lấy tấm lá đồng nóng đỏ quấn quanh thân mình, chớ không giao thông với phụ nữ của trưởng giả, cư sĩ, bà-la-môn. Nếu cùng giao thông, qua lại chuyện trò, tất phải rơi vào ba nẻo dữ, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ." (7)

--- Giữ tâm tỉnh thức trong mọi thời, kể cả khi ngủ

Kinh SA 622 kể về trường hợp, một nàng kỹ nữ xinh đẹp tuyệt trần tới cúng dường Đức Phật, lúc đó Thế Tôn đang thuyết pháp cho đại chúng vây quanh. Đức Phật thấy nàng kỹ nữ Am-la sắp tới, mới dạy đại chúng phải nhiếp tâm trong mọi thời đi đứng nằm ngồi, kể cả trong giấc ngủ. Bản dịch của hai Thầy Tuệ Sỹ, Đức Thắng trích như sau:



"Này các Tỳ-kheo, các ông nên tinh cần nhiếp tâm an trụ, chánh niệm, chánh trí. Nay có cô gái Am-la đến, nên phải giáo giới các ông.

"Thế nào là Tỳ-kheo tinh cần nhiếp tâm an trụ? Nếu Tỳ-kheo nào đối với pháp ác bất thiện đã sanh thì nên đoạn trừ, phát khởi ý chí, phương tiện, tinh tấn, nhiếp tâm; đối với pháp ác bất thiện nếu chưa sanh, thì đừng để sanh. Đối với pháp thiện chưa sanh thì nên làm cho phát sanh; nếu pháp thiện đã sanh, thì khiến an trụ không để mất. Tu tập đầy đủ, phát khởi ý chí, phương tiện, tinh tấn, nhiếp tâm. Đó gọi là Tỳ-kheo tinh cần an trụ nhiếp tâm.

"Thế nào gọi là Tỳ-kheo chánh trí? Nếu Tỳ-kheo nào trong những oai nghi tới, lui, thường theo chánh trí; quay nhìn, trông, ngắm, co, duỗi, cúi, ngược, cầm y bát, đi, đứng, nằm, ngồi, **ngủ**, nghỉ, thức, nói, im lặng, đều an trụ với chánh trí. Đó là chánh trí.

"Thế nào là chánh niệm? Nếu Tỳ-kheo nào an trụ chánh niệm quán thân trên nội thân, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian; an trụ chánh niệm quán thọ, tâm, pháp trên pháp, tinh cần, phương tiện, chánh trí, chánh niệm, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là Tỳ-kheo chánh niệm. Cho nên, các ông hãy tinh cần nhiếp tâm an trụ, chánh niệm, chánh trí. Nay có cô gái Am-la đến, nên phải giáo giới các ông." (8)

--- Tinh thức nơi 6 căn: xả ly, lìa ưa ghét, sẽ được tôn kính

Làm thế nào để được các cõi trời và người tôn kính và hộ vệ? Đức Phật dạy trong Kinh AN 6.1 rằng những người luôn tinh thức nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và giữ được tâm buông xả (không ưa, không ghét) sẽ được các cõi trời và người tôn kính. Đây cũng là ý chỉ "ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm" của Kinh Kim Cang. Bản dịch của Thầy Minh Châu viết (người viết ghi thêm trong ngoặc cho rõ nghĩa):

"Thành tựu sáu pháp, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo khi mắt thấy sắc, không có ưa thích, không có ghét bỏ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác; khi tai nghe tiếng (không có ưa thích, không có ghét bỏ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác)... khi mũi ngửi hương (không có ưa thích, không có



ghét bỏ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác)... khi lưỡi nếm vị (không có ưa thích, không có ghét bỏ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác)... khi thân cảm xúc (không có ưa thích, không có ghét bỏ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác)... khi ý biết pháp, không có ưa thích, không có ghét bỏ, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Thành tựu sáu pháp này, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là vô thượng phước điền ở đời." (9)

---- Khi ngủ, hãy giữ tâm từ, thương chúng sanh

Trong Kinh SN 4.13, ghi lại chuyện "chân Thế Tôn bị phiến đá gây thương tích. Thế Tôn cảm xúc khốc liệt, toàn thân đau đớn, nhói đau, đau nhức mãnh liệt, không thích thú, không vừa ý. Và Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, nhẫn chịu không để tâm tư buồn nản." Thế rồi, lúc đó Ác ma tới, hỏi chuyện. Đức Phật mới trả lời rằng Đức Phật không nằm vì sầu muộn hay làm thơ, mà lúc nào cũng giữ tâm từ, thương xót chúng sanh. Bản dịch của Thầy Minh Châu ghi lời Đức Phật (nơi đây, viết theo văn xuôi):

"Ta không uể oải nằm, Không tìm thơ, tìm vận, Mục đích Ta đã đạt, Đâu có sầu muộn gì! Ta nằm ngồi một mình, Trên ghế giường vắng lặng, Yên tĩnh Ta nằm nghỉ, Tâm từ, thương chúng sanh. Những kẻ, ngực bị đâm, Hồn hén tim dồn dập, Vẫn tìm được giấc ngủ, Dầu bị thương tích nặng. Sao Ta lại không ngủ, Khi không bị thương tích, Khi thức không âu lo, Khi ngủ chẳng sợ hãi, Ngày đêm không khởi lên, Phiến nảo bận lòng Ta? Ta không thấy tai hại, Một chỗ nào trên đời, Do vậy, Ta nằm nghỉ, Tâm từ, thương chúng sanh." (10)

--- Tu tâm từ sẽ chắc chắn chứng quả

Không chỉ là được chư thiên hộ vệ và ngủ bình an, người tu tâm từ sẽ chứng quả thánh thứ ba (A na hàm) hay cao hơn (tức A la hán). Trong Kinh MA 15, Đức Phật nói rằng khéo tu tâm từ sẽ "chắc chắn chứng quả" --- theo bản dịch của Thầy Tuệ Sỹ:

"Do đó, người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ, thường phải siêng tu từ tâm giải thoát. Nếu người tại gia hay xuất gia, nam hay nữ ấy, tu từ tâm giải thoát, thì không còn mang thân này đi đến đời sau mà chỉ theo tâm đi khỏi cõi này. Tỳ-kheo nên nghĩ như vậy: 'Ta vốn vì buông lung mà tạo

nghiệp bất thiện. Tất cả nghiệp ấy có thể thọ báo trong đời này, chớ không thể đi đến đời sau nữa'. Nếu có người thực hành từ tâm giải thoát rộng lớn vô lượng, khéo tu tập như vậy, **chắc chắn chứng quả A-na-hàm, hoặc chứng cao hơn nữa.**" (11)

--- Tu tâm từ có công đức hơn cúng dường vô lượng tỳ kheo bốn phương

Trong Kinh MA 155, Đức Phật dạy rằng cúng dường vô lượng tỳ kheo bốn phương cũng không bằng trong khoảng khắc tu tâm từ hướng về tất cả chúng sanh. Bản dịch của Thầy Tuệ Sỹ, trích:

"Này Cư sĩ, Bà-la-môn Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm vị Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật, tạo phòng nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương, tâm hoan hỷ quy y Ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp, chúng Tỳ-kheo, và thọ giới; nếu lại có người trong khoảng khắc thực hành từ tâm đối với tất cả chúng sanh, cho đến trong khoảng thời gian vắt sữa bò, thì so với sự bố thí kia, việc này hơn nhiều lắm.

"Này Cư sĩ, Bà-la-môn Tùy-lam đã thực hành đại bố thí, bố thí thức ăn cho phàm phu toàn cõi Diêm-phù, bố thí thức ăn cho một trăm Tu-đà-hoàn, một trăm vị Tư-đà-hàm, một trăm vị A-na-hàm, một trăm vị A-la-hán, một trăm vị Bích-chi-phật, tạo phòng, nhà bố thí cho chúng Tỳ-kheo bốn phương, tâm hoan hỷ quy y Ba ngôi tôn quý là Phật, Pháp, chúng Tỳ-kheo, thọ giới và trong khoảng khắc thực hành từ tâm đối với tất cả chúng sanh, cho đến trong khoảng thời gian vắt sữa bò, như thế; nếu lại có người quán được tất cả pháp là vô thường, khổ, không và vô ngã, thì so với sự bố thí kia, việc làm này hơn nhiều lắm." (12)

--- Sống an lạc hiện tại, thương xót chúng sanh đời sau

Đức Phật nói trong Kinh MA 77 rằng ngài muốn đời sau có chúng sanh học theo hạnh của ngài, để sống an lạc hiện tại và thương cho chúng sanh đời sau. Bản dịch của Thầy Tuệ Sỹ ghi lời Đức Phật dạy:

"Này A-na-luật-đà, không phải vì muốn đạt được những gì chưa đạt đến, vì muốn thu hoạch những gì chưa thu hoạch, vì muốn



chúng ngộ những gì chưa chứng ngộ mà Như Lai sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bật tiếng tăm, xa lánh, không sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tinh tọa. Này A-na-luật-đà, Như Lai chỉ vì hai mục đích sau đây nên mới sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bật tiếng tăm, xa lánh, không sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tinh tọa. **Một là, sống an lạc ngay trong đời hiện tại. Hai**

là, vì thương xót chúng sanh đời sau. Đời sau hoặc có chúng sanh học theo Như Lai, sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bật tiếng người, tùy thuận tinh tọa. Này A-na-luật-đà, vì những mục đích ấy mà Như Lai sống nơi rừng vắng, trong núi sâu, dưới gốc cây, thích ở non cao, vắng bật tiếng tăm, xa lánh, không sự dữ, không có bóng người, tùy thuận tinh tọa". (13)

--- Nhìn mọi người như mẹ, như cha đời quá khứ

Nếu mình nhìn thấy một ai mà tự nhiên thấy trong tâm khởi lên "ái niệm hoan hỷ" thì hãy nhớ rằng người đó trong kiếp trước từng là thân quyến của mình. Do vậy, kiếp này hãy tinh tấn xa lìa sanh tử luân hồi. Kinh SA 945, bản dịch của hai Thầy Tuệ Sỹ, Đức Thắng, ghi lời Đức Phật dạy:

"Chúng sanh tử vô thì sanh tử luân chuyển mãi, mà không biết biên tế tối sơ của khổ. Các Tỳ-kheo, nếu thấy chúng sanh mà khởi ái niệm hoan hỷ, thì nên nghĩ rằng: 'Chúng sanh như vậy, trong đời quá khứ chắc hẳn đã từng là cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, thầy bạn, tri thức của chúng ta, cứ mãi mãi luân chuyển sanh tử như vậy, không biết biên tế tối sơ của khổ. Cho nên các Tỳ-kheo, nên học như vậy: Hãy nỗ lực tinh cần, đoạn trừ các hữu, chớ cho tăng trưởng.'" (14)

--- Dù bị bạo hành, vẫn giữ tâm từ vô lượng

Đức Phật dạy rằng cho dù bị bọn ác chặt tay chân mình, cũng chớ khởi tâm sân hận, mà hãy hướng tâm từ về ác đó. Bản dịch Kinh MA 193 của Thầy Tuệ Sỹ trích như sau:

"Các người hãy học như vậy: nếu có giặc cướp đến, dùng lưới cửa bên cửa xẻ tay chân các người chi tiết, mà tâm không biến đổi,

miệng không phát ra lời thô ác, hướng đến người cắt xả ấy, duyên nơi người cắt xả ấy mà khởi tâm từ mẫn, tâm tương ưng với từ, biến mẫn một phương, thành tựu an trụ. Cũng vậy, hai, ba, bốn phương, tứ duy trên dưới, bao trùm tất cả tâm tương ưng với từ, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn, vô lượng, vô biên, khéo tu tập, biến mẫn khắp cả thế gian, thành tựu an trụ. Cũng vậy, bi và hỷ. Tâm tương ưng với xả, không kết, không oán, không nhuế, không tránh, rộng lớn, vô lượng, vô biên, khéo tu tập, biến mẫn khắp cả thế gian, thành tựu an trụ. Các người hãy học như vậy." (15)

--- Kinh Từ Bi: Đi đứng nằm ngồi đều giữ chánh niệm từ bi

Như thế nào để tu tâm từ? Trong Kinh Từ Bi (Metta Sutta), Đức Phật dạy rằng người tu phải giữ giới (thẳng thẳng, khiêm cung, từ ái, không làm điều bị chê cười), khởi tâm nguyện cho tất cả mọi người, mọi loài sống an toàn (thân an), hạnh phúc (tâm vui), tự thấy mình như bà mẹ nhìn tất cả mọi người, mọi loài như đứa con duy nhất của mình, và giữ tâm như thế trong đi đứng nằm ngồi.

Sau đây là bản văn Thầy Nhất Hạnh dịch Kinh Từ Bi (Metta Sutta):

"Những ai muốn đạt tới an lạc thường nên học hạnh thẳng thắn, khiêm cung, biết xử dụng ngôn ngữ từ ái. Những kẻ ấy biết sống đơn giản mà hạnh phúc, nếp sống từ hòa, điềm đạm, ít ham muốn, không đua đòi theo đám đông. Những kẻ ấy sẽ không làm bất cứ một điều gì mà các bậc thức giả có thể chê cười.

Và đây là điều họ luôn luôn tâm niệm:

Nguyện cho mọi người và mọi loài được sống trong an toàn và hạnh phúc, tâm tư hiền hậu và thành thơi.

Nguyện cho tất cả các loài sinh vật trên trái đất đều được sống an lành, những loài yếu, những loài mạnh, những loài cao, những loài thấp, những loài lớn, những loài nhỏ, những loài ta có thể nhìn thấy, những loài ta không thể nhìn thấy, những loài ở gần, những loài ở xa, những loài đã sinh và những loài sắp sinh.

Nguyện cho đừng loài nào sát hại loài nào, đừng ai coi nhẹ tính mạng của ai, đừng ai vì giận hờn hoặc ác tâm mà mong cho ai bị đau khổ và khốn đốn.

Như một bà mẹ đang đem thân mạng mình che chở cho đứa con duy nhất, chúng ta hãy đem lòng từ bi mà đối xử với tất cả mọi loài.

Ta hãy đem lòng từ bi không giới hạn của ta mà bao trùm cả thế gian và muôn loài, từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, lòng từ bi không bị bất cứ gì làm ngăn cách, tâm ta không còn vương vấn một chút hờn

oán hoặc căm thù. Bất cứ lúc nào, khi đi, khi đứng, khi ngồi, khi nằm, miễn là còn thức, ta nguyện duy trì trong ta chánh niệm từ bi. Nếp sống từ bi là nếp sống cao đẹp nhất.

Không lạc vào tà kiến, loại dần ham muốn, sống nếp sống lành mạnh và đạt thành trí giác, hành giả sẽ chắc chắn vượt thoát khỏi tử sinh." (16)

--- Thiên tâm từ

Thiền về tâm từ không đơn giản, đó là nói theo Kinh Phật (thí dụ Kinh Bát Thành, MN 52, dạy về 11 pháp để giải thoát). Thiền về tâm từ trong nhiều Kinh có vẻ phức tạp, nhưng cũng không phức tạp bằng Thiền về tâm từ như được dạy trong Thanh Tịnh Đạo (Visuddhimagga) và nhiều luận thư khác, nơi đó dạy cách quán niệm, rải tâm từ về chính mình trước, rồi tới người thân hay bạn hữu, rồi tới một người mình không ưa cũng không ghét, rồi tới người mình có bất bình hay xích mích, rồi tới cả các nhóm người đó, rồi tới tất cả chúng sanh các cõi, mười phương. Đặc biệt, Đức Đạt Lai Lạt Ma trong thời buổi sáng lại có thêm pháp Tonglen (quán tưởng nhận vào niềm đau của chúng sinh, và gửi niềm vui tới chúng sinh).

Chúng ta trong thời kỳ căng thẳng này (và thời kỳ rất khẩn cấp này), nên tìm cách làm cho mọi chuyện đơn giản, dễ nhớ, dễ tu và dễ hướng dẫn bạn hữu. Nếu cần tóm tắt thì là: **giữ giới, tinh thức nơi sáu căn (không ưa, không ghét, xả ly, không dính mắc), xa lìa tham sân si, thương xót chúng sanh.** Trong trường hợp Phật tử là công nhân nhà máy, đang chống dịch với lệnh "3 tại chỗ" (sản xuất tại chỗ, ăn tại chỗ, nghỉ tại chỗ) thì hiển nhiên, không thể nào giữ được bất kỳ nghi thức nào gọi là hài lòng.

Do vậy, chúng ta có thể tóm lược Kinh Từ Bi vào một vài ý dễ nhớ: *"Nguyện cho con giữ giới trọn vẹn, thân không hại ai, lời nói hòa nhã, tâm ý trong sạch. Nguyện cho con và chúng sanh khắp các cõi được thân an lành, tâm hạnh phúc. Nguyện cho con có tâm từ vô lượng, thương xót khắp các cõi, trong mọi thời đi đứng nằm ngồi."*

Nên tự nhắc trong tâm vài câu như thế. Không cần nhớ chính xác từng chữ. Bạn có thể suy nghĩ, nghiền ngẫm từng ý tóm lược trong đó, hay nghiền ngẫm từng câu trong bài Kinh Từ Bi đầy đủ, không nhất thiết phải tụng có kệ, có vần, có chuông mõ. Theo các luận thư, Kinh Từ Bi cũng là kinh hộ thân, do Đức Phật dạy chư tăng khi vào ngôi tu trong rừng để không bị giới phi nhân quấy phá. Và trong thời đại dịch này, có được *thân an lành* và *tâm hạnh phúc* là ước mơ nhiều rồi, huống gì đã tu học với tâm từ nhất định sẽ tới lúc giải thoát, không đời này thì cũng đời sau.

Nguyễn Giác - 28/7/2021

CHÙM THƠ THIỀN

-
trắng
trắng lên khỏi núi trắng tà
ta không leo núi ta già hơn trắng?
1 vòm sông 1 khúc sông
chân cầu sóng vỗ tình mênh mộng dài

-
nụ hoa
thôi toàn núi cùng đèo
ở giữa toàn cỏ áy
em có còn trông theo
ngày chiều lên hun hút
hồ sâu sâu hông đường
đốc lên vòng khúc khuỷu
bây giờ sao nhớ thêm
chúng mình thân hạt bụi
bay theo ánh thập phương
mấy ngàn năm chưa gặp
gặp rồi chớm hoàng hôn
thôi đường muôn ngã rẽ
gửi nụ hoa trong hôn

-
thời gian
bến ô lâu vẫn đó
cây đa bến cộ còn
2 bờ sông vẫn vậy
người chèo đò
trẻ già nam nữ
thay đổi luôn

-
đây là con cóc
con cóc trong hang
con cóc nhảy ra
con người ở đâu?
con người về đó
nhìn quanh 1 vùng
chôn nào cũng khô

con cóc nhảy vào
trong hang toàn đá
con người bước đi
chôn nào cũng lạ
chỉ 1 sát na
rừng cây trụi hết lá

con cóc nhảy đi
ta đứng nhìn theo
4 phía trời nam bắc
chả thấy gì?
toàn là sương mờ mịt



thơ **CHU VƯƠNG MIỆN**

Ghi chú cho bài "Tu Tâm Từ để Hộ Thân, Ngủ An Lành":

(1) Pháp Cú Thí Dụ Kinh: <https://suttacentral.net/t211.9/en/beal>

(2) Kinh EA 49.10: https://suttacentral.net/ea49.10/vi/tue_sy-thang

Kinh AN 11.15: https://suttacentral.net/an11.15/vi/minh_chau

(3) Kinh SA 1153: https://suttacentral.net/sa1153/vi/tue_sy-thang

(4) Kinh SA 1309: https://suttacentral.net/sa1309/vi/tue_sy-thang

(5) Kinh EA 28.3: https://suttacentral.net/ea28.3/vi/tue_sy-thang

(6) Kinh AN 5.210: https://suttacentral.net/an5.210/vi/minh_chau

(7) Kinh EA 51.6: https://suttacentral.net/ea51.6/vi/tue_sy-thang

(8) Kinh SA 622: https://suttacentral.net/sa622/vi/tue_sy-thang

(9) Kinh AN 6.1: https://suttacentral.net/an6.1/vi/minh_chau

(10) Kinh SN 4.14: https://suttacentral.net/sn4.13/vi/minh_chau

(11) Kinh MA 15: https://suttacentral.net/ma15/vi/tue_sy

(12) Kinh MA 155: https://suttacentral.net/ma155/vi/tue_sy

(13) Kinh MA 77: https://suttacentral.net/ma77/vi/tue_sy

(14) Kinh SA 945: https://suttacentral.net/sa945/vi/tue_sy-thang

(15) Kinh MA 193: https://suttacentral.net/ma193/vi/tue_sy

(16) Kinh Từ Bi: <https://thuvienhoasen.org/a10456/kinh-tu-bi-metta-sutta>

Nước non cách mấy buồng thêu

TUỆ SỸ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Một ngày nóng, rồi một ngày lạnh. Người ta cứ mãi triền miên giữa những cơn nóng lạnh bức bách. Bức bách đến kỳ cùng, cho đến khi lòng người vĩnh viễn đắm chìm tận lòng biển. Không nghe và không thấy, người ta chỉ biết nói chuyện bằng những ngón tay, khi nào trời đã tối hẳn. Đến như thế thì đất đá lại biết nói chuyện hơn người. Để bàn tay bắt động trên mặt bàn, mỗi một từ mây trang sách sẽ từ từ chun ra. Trên mặt bàn sẽ hiện nhiều vết máu. Mùi tanh hôi từ các đồng trống kết tụ về có tiếng quí cái đọc thơ trên những xác lá.

Đừng nói chi đến mùa thu này đi mùa thu khác đến. Chỉ có mùi vị tức tưởi tanh hôi của những cảm khái trong cái phong vận hư phù của tuế nguyệt. Những người quen thói chờ đợi và níu cái gì đến tức phải đến, những người ấy một khu người người phải mùi vị ấy thì lão đảo ngây ngất như nhập đồng cốt, rồi sẽ chấp chờ đứng dậy kêu gào, khản giọng kêu gào như quí đối. Quí đối thì cầu xin một bát cháo ở ngã ba đường, vạch cỏ mà tìm những hạt gạo muối.

Cũng thế, người ta có bốn phận tìm và lựa một đôi lời vụn vặt, nhưng nghe được, rồi đảo qua đảo lại để sắp đặt câu chuyện sinh tồn. Quí đối còn biết vạch cỏ để kiếm ăn để sống, người ta sao lại không? Tuy vậy, đã vì sinh tồn sao lại quên được cái cách điệu đong đưa tuế nguyệt.

Nhưng nói gì đến cái chỉ biết khóc và cười của sẵn bìm và sương tuyết? Dù sao, từng đoàn người cũng đã lũ lượt, chờ khi đêm tối, kéo nhau vào những chốn rừng thiêng nước độc, ghé mắt trông chừng những hang đá, mỗi hốc cây. Họ đi tìm ở đâu? Người ta nói, họ đi tìm tình yêu và sự chết. Có kẻ nói gọn hơn, họ đi tìm sự sống. Cũng có thể thực và cũng có thể không thực. Sự thực thì có đấy, nhưng tình thực thì không. Sự tình nào thì chẳng nông và nổi. Cái sự của tình nó nông như vũng nước của dấu chân trâu, cái tình của nó nổi như bong bóng.

Rồi cứ thế mà nó mãi. Từng đoạn và từng đoạn xô bồ như đoàn người vội vã xô đẩy nhau. Gắng gượng chống chế để kéo dài

được mọi sự. Tóc càng dài càng trắng. Đoàn người càng dài càng tối đen, chuyện được kể lẽ càng dài càng sắc mùi quí quái tanh hôi. Cũng còn có những lời nói dài bất tận, dài đến độ trời trở nên xanh và lạnh, lá tre trở thành đỏ và rụng xuống như máu:

*Man nương ngâm lông màn hàn không
Cửu Sơn tinh lục lệ hoa hồng*

Bài hát của cô gái mọi trên đỉnh Cửu Sơn, trong vùng đất Thương Ngô, chỉ hát cho một người nghe, và người độc nhất trong lịch sử văn học Trung Quốc có thể nghe, là vua Thuấn. Cái tinh anh và thể phách của ngài không ngự trị trên lịch sử văn minh Trung Quốc, mà chỉ phảng phất trên môi của cô gái mọi. Người ta bắt chước điệu nói hư phù của quí mới nói ra như vậy, chứ như điệu nói của người thực thì không bao giờ. Bởi vì nhìn lên thì thấy một xe quí, nhìn xuống thì thấy một con heo ủ đất. Thế là trong cái phong vận tiêu tao của tuế nguyệt, một khi trời đất mở ra chỉ thấy toàn heo và đất bùn, khi khép lại, chỉ thấy toàn có quí.

Trung Hoa có ba người tài: Tiên tài Lý Bạch, Nhân tài Đỗ Phủ, Quí tài Lý Hạ. Tiên tài không thấy có sự nghiệp của Nghiêu Thuấn gì hết, mà có Hằng Nga, có Dao trì, thành ra chỉ có đàn bà và rượu.

Nhân tài thì có cười có khóc; có sao hôm sao mai.

Quí tài chỉ có cái xác chết của vua Thuấn và những bài ca vu vơ của cô gái mọi thôi sao?

Nhưng có thể chắc chắn là không có mỗi tư lự nào nùng giữa những cái còn cái mất của ngày qua tháng lại. Quí mà sống thì cũng đồng như không sống? Chờ quí một xe? (Kinh Dịch) chẳng khác nào chờ cái không hư đạo giữa cõi tuần hoàn có sinh có diệt. Quí chỉ biết khóc mà thôi, và tiếng khóc của nó làm cho người ta sợ hãi thực. Biết sợ như thế rồi sau đó mới biết cười và biết ngêu ngao trong Du hí tam muội. Tóc trắng da mồi là tinh thể của Du hí tam muội vậy: Bạch phát thương nhan, chính thị Duy-ma cảnh giới (Tô Đông Pha).

Nơi cõi đó có một mùa xuân vĩnh cửu kết tụ thành bụi phân hoa liễu:

Chi thượng liễu miên suy hựu thiếu

Thiên nhai hà xứ vô phương thảo

(Tô Đông Pha)

Sự kết tụ ấy đã khơi mở một nguồn suối tuôn trào, thành một niềm tương ứng vừa gần gũi vừa xa xôi của kẻ ở góc biển này và người ở chân trời nọ:

Ngồi kể lại chuyện ngày xưa cũ kỹ

Em không nghe vì

anh cũng không nghe

Hồn hoa phấn xông hương sầu dị dị

Tóc vàng tơ tì mi ngón tay đề.

Vì ngọc trắng cất lăm thu xiêu lệch

Gió bằng trời xin thổi bụi bay theo

Ngàn xuân rộng

Vô ngần trong bóng nguyệt

Đầu xanh em tư lự suốt sông đèo

(Bùi Giáng, Mưa Nguồn)

Vì sự bức bách của nóng và lạnh, cho nên cái chuyện chưa từng xảy ra, bỗng chốc đã trở thành cũ kỹ. Từng ngày từng ngóng buổi chiều để đi suốt qua một cánh đồng cỏ, ghé mắt trông chừng bóng liễu rủ. Trời sáng người làm qui, trời tối qui làm người. Người và qui cứ gây phiền muộn mãi cho nhau đến thế thì thôi.

Nước non cách mấy buồng thêu

Những là trộm nhớ thăm yêu chốc mộng

Trong buồng thêu đầy những mối mọt.

Chúng không còn tham lam dăm đuối vật vờ với mùi giầy mùi mực của đồng sách này chổng lên đồng sách nọ như nấc thang dài vô tận đưa thẳng lên trời. Bây giờ chúng mê

mẩn tâm thần chết lên chết xuống với cái mùi vị hương nồng của tóc cũ tóc mới, từ tóc ngắn chấm vai cho đến tóc dài chấm gót chân đỏ, chấm đến một vùng đất bạc.

Đứng mãi đây hay đi? Và đi đâu để đạp chân lên miền tương ứng? Tương ứng của xa với trong gang tấc và của gang tấc trong xa với? Hay một lần từ giả chỗ đứng đó để mà đi tức là đi mãi, đi cho biết hết cõi sinh tồn, hết cõi hủy diệt?

Gác kinh viện sách đôi nơi

Trong gang tấc lại gặp mười quan san

Câu chuyện sau đây nghe được từ sau tấm vách của một gia đình nọ. Cái gia đình ấy không tối nào mà vắng tiếng to tiếng nhỏ. Họ là hai anh em ruột thịt. Bằng cái tuổi ấy, nếu không nhìn được, ai cũng có quyền lập gia đình riêng, tội gì mà phải gấn bó, rồi chung đụng để cứ gây phiền toái cho nhau hoài. Họ làm phiền nhau thì có, mà làm phiền hàng xóm thì không. Bởi vì, dù họ có cãi nhau thực đấy, nhưng nghe rành rõi; không vội vàng gay gắt.

- Sao chú không bảo nó xéo đi nơi khác, thế có hơn không?

- Có gì mà phiền? Hẳn đến đó vì chuyện riêng của hẳn, can dự đến ai.

- Ừ, thì đã can dự gì đến ai. Sao chú không lấy mắt của chú treo lên trên cành cây mà nhìn nó có hơn không? Tội gì thấp thỏm trông chừng.



QUÁN NIỆM

Lăn trong tiếng suối reo
Nghe mềm lời đá cuội
Lăn trong vườn cỏ dại
Hạt vô ưu chín muồi

Vạt nắng trong kẽ lá
Thấp những lời ban mai
Câu kinh rơi hờ hững
Mé ngô giấc mộng dài

Hít vào ngưng loạn động
Thở ra dừng lãng xăng
Soi lên từng niệm tưởng
Tan đâu rồi tham sân...

QUY MỆNH

Ta Bà nhũ dạ bất ghét thương
Tử sinh sinh tử mãi chán chường
Men lối sen thanh tâm quê cũ
Mười muôn ức cõi đệp tuyết sương

Quy mệnh trời tây Vô Lượng Thọ
Tâm tâm khản thiết chẳng dẫn đo
Đi đứng nằm ngồi không xen hờ
Bụi trần chẳng nhiễm chẳng sâu lo

Dụng tâm chẳng khác nào ngu phụ
Ai khinh ai giễu chẳng hiểm thù
May mắn thân người nay có đặng
Vô thường mau chóng rắng công phu

Tâm nương u tịch nhàm danh lợi
Thân gá trần lao chốn chợ đời
Mật tịnh huyền vi hương đạo vị
Am mây lâu vắng bóng trăng chơi...

ƠN NGƯỜI...

Hoa nào là hoa chiêm bao
Bụi trần vô nhiễm thanh cao giữa đời
Giọt sương hữu ý vô lời
Tan thân trước một ánh trời vừa lên

Rõ rồi muôn sắc chẳng bền
Biết rồi muôn sự lãng quên vô thường
Ơn Người để một tình thương
Cỏ hoa khác lối chung đường uyên nguyên

Cát lằm bụi lỗ truân chuyên
Chân trời ảo vọng hiện thuyên Ma ha
Ơn Người tay đóa liên hoa
Quang minh nhiếp dẫn sáng lò kim thân...

CHÙA QUÊ

Xanh đê hôn cỏ bật mầm
Mưa về trên mái nâu trầm im thình
Chùa quê nếp sống yên bình
Hoàng hôn mờ sớm bình minh chuông chiều

Gió đồng hương nội tịch liêu
Chòm mây vô định lãng phiêu nơi nào
Câu kinh bay vút trời cao
Cánh đồng sóng lúa âm hao rì rầm

Nắng mưa quyện khói nhang trầm
Chuôi lằn tràng hạt niệm thâm nam mô
Kinh chiều rưng tiếng hư vô
Chuông chùa loang sóng gương hồ vô âm...

thơ **TỊNH BÌNH**

NHỮNG DẤU HIỆU ĐỂ NHẬN BIẾT VỊ THÁNH A-LA-HÁN

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Hầu hết chúng ta là người phàm nên mắt thường không thể nhận biết các bậc Thánh, nhất là bậc Thánh A-la-hán "lậu hoặc đã đoạn tận, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích của mình, đã dứt sạch các kết sử của hữu, với chánh trí đã giải thoát".

Chỉ có Đức Phật và các vị A-la-hán mới có đủ khả năng và thẩm quyền để xác chứng Thánh quả cao tột này.

Ấy vậy mà đời nay có người đã tự nhận, các đệ tử tung hô thầy mình đã chứng đắc A-la-hán. Dĩ nhiên, nếu ai chưa chứng A-la-hán mà nói đã chứng thì mắc tội Đại vọng ngữ. Còn vị đã chứng Thánh quả A-la-hán rồi, thực sự đó là phước lành cho thế gian, dù các ngài chẳng nói ra nhưng chúng ta cũng có thể nhận diện được qua một số dấu hiệu bên ngoài. Đức Phật nói có chín dấu hiệu để nhận diện một vị Thánh A-la-hán.

"Một thời, Phật ở tại nước Ca-duy-la-vê, trong khu rừng của Ưu-bà-tắc Miến-kỳ, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo 1.250 người..."

Chư Hiền, có Tỳ-kheo là lậu tận A-la-hán, điều cần làm đã làm xong, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích của mình, đã dứt sạch các kết sử của hữu, với chánh trí đã giải thoát; vị ấy không làm chín việc. Những gì là chín? Một là không giết. Hai là không lấy trộm. Ba là không dâm. Bốn là không nói dối. Năm, không xả đạo. Sáu, không bị dục chi phối. Bảy, không bị sân chi phối. Tám, không bị sợ hãi chi phối. Chín, không bị nghi chi phối. Chư Hiền, ấy là vị lậu tận A-la-hán đã làm xong điều cần làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã đạt được mục đích của mình, đã dứt sạch kết sử của hữu, chánh trí giải thoát, xa lìa chín sự." (Kinh Trường A-hàm, kinh Thanh tịnh, số 17 [trích])

Pháp thoại này cho thấy, người trần mắt thịt như chúng ta cũng có thể dựa vào những biểu hiện bên ngoài để nhận biết một vị Thánh. Bậc Thánh A-la-hán ngoài các phẩm chất tuệ sáng, tâm sạch bên trong rất khó

thấy thì hành vi và ứng xử trọn lành lại dễ dàng nhận ra.

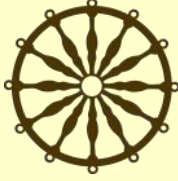
Trước hết, các ngài sống với đầy đủ phạm hạnh "không giết, không lấy trộm, không dâm, không nói dối". Thế mới biết, những giềng mối đạo đức mà một cư sĩ tại gia đã phát nguyện giữ gìn, những trọng giới của hàng xuất gia nguyện suốt đời thọ trì, đến khi chứng Thánh quả mới thực sự trong sạch. Bấy giờ, sự toàn thiện biểu hiện một cách tự nhiên như nước đã lọc, thuần khiết và thanh tịnh.

Với bậc đã chứng Thánh, đời sống của các ngài chính là đạo nên "không xả đạo". Tuy các ngài vẫn sống trong cuộc đời ô trược với chúng ta nhưng tất cả đều rực rỡ, lung linh và sáng sạch của cõi Tịnh độ. Những ngày tháng còn duyên ở đời thì miệt mài hoằng hóa, lợi ích chúng sinh. Hết duyên thì hóa Vô dư Niết-bàn.

Chúng sinh thì muôn kiếp ngập lặn trong dục và sân. Ưa thích thì mong cầu, chạy theo và sở hữu. Không ưa thích thì chạy trốn, cố xua đuổi, ghét bỏ, bực bội, tức giận. Với bậc Thánh thì thấy tất cả là huyền hóa, vô thường nên chỉ tùy duyên tiếp vật mà không một mảy may dính mắc. Ngay cả những chuyện tốt cũng tùy duyên, thuận pháp nói gì đến chuyện không hay. Tham dục và sân hận rất dễ bộc phát, chúng đến bất thành linh nên không phải bậc Thánh thì dù khéo đến mấy cũng có lúc biểu hiện ra. Thế nên, đừng bao giờ nghe đồn hay a dua đồng ca hợp xướng mà hãy sống gần chư vị một thời gian, tất sẽ hiểu vị ấy có đích thực là bậc Thánh hay không?

Đặc biệt, bậc Thánh thì "không bị sợ hãi, không bị nghi chi phối". Đối với đạo thì đã sáng tỏ, không còn mảy may nghi ngờ. Đối với mọi sự biến động thuận nghịch ở đời thì an nhiên chẳng hề dao động. Bậc Thánh sống tùy duyên thuận pháp tự tại với ngay cả chuyện trọng đại nhất của đời người là sinh tử. Ai có chín biểu hiện này thì đó là những dấu hiệu giúp ta nhận ra được bậc Thánh đang hiện hữu ở đời.





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH - EXECUTIVE COUNCIL
CENTRAL OFFICE
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC - STANDING OFFICE
4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. Tel.: (714) 548-4148

THÔNG BÁO
v/v Tổ Chức Lễ Cầu Nguyện
cho Đồng Bào VN trong nước, hải ngoại và nhân loại
sớm thoát khỏi cơn đại dịch

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,
Kính bạch Chư tôn Trưởng Lão, chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni,
Kính thưa quý Cư Sĩ thành viên Giáo Hội,

Tiếp theo Tâm Thư Vu Lan ngày 12.07.2021, Thông Tư Cứu Trợ Lương Thực và Nhu Yếu phẩm cho đồng bào trong nước bị đóng cửa chống dịch COVID19 ngày 19.07.2021 và Thông Bạch Vu Lan PL 2565, Thông Báo hôm nay để nhắc nhở các đơn vị Giáo Hội tùy duyên tổ chức lễ cầu nguyện cho Đồng bào VN trong nước, hải ngoại cũng như tất cả nhân loại khắp năm châu sớm thoát khỏi cơn đại dịch.

Đứng trước thảm trạng vô cùng đau đớn này, Giáo Hội tha thiết kêu gọi các Tự Viện, Niệm Phật Đường, Tịnh Thất, các tổ chức, đoàn thể Phật Giáo... xin tùy hoàn cảnh sở tại, thiết lễ cầu nguyện cho những người đang lâm bệnh sớm phục hồi sức khỏe, những người quá cố được sớm thác sanh vào thế giới an lành. Chúng ta cũng không quên nhất tâm cầu nguyện cho người còn sống được khỏe mạnh, yên vui để biết yêu thương nhau hơn, mà không gây ra thảm cảnh như trên trong xã hội con người.

Chân thành kính cảm ơn Chư Tôn Đức Tăng Ni, quý Cư Sĩ thành viên Giáo Hội luôn được thân tâm an lạc, tuệ đăng thường chiếu, Phật sự viên thành.

Nam Mô Cứu Khổ Cứu Nạn Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Santa Ana, ngày 28 tháng 7 năm 2021

Văn Phòng Thường Trục
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN HK
Chủ Tịch
(ấn ký)

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

Nơi Nhận:

- Hội Đồng Giáo Phẩm “để kính tường”
- Hội Đồng Điều Hành “để thực hiện”
- Hồ Sơ - Lưu

BÁT CHÁNH ĐẠO

“CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN CHẤM DỨT ĐAU KHỔ”

THE NOBLE EIGHTFOLD PATH “Way to the End of suffering”

Nguyên tác **BHIKKHU BODHI**

Dịch Việt: **Tỳ khưu Tâm Hạnh & Phật tử Tâm Cảnh**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

Chánh Kiến Siêu Thế

Chánh kiến về nghiệp và kết quả của nó cho ta lý do để làm những hành động thiện và đạt đến đời sống cao quý trong vòng sinh tử, nhưng chỉ như thế thì sẽ không đưa đến giải thoát. Một người có thể chấp nhận định luật về nghiệp nhưng vẫn giới hạn mục đích vào những thành đạt ở thế gian. Động cơ khiến cho người ta làm những việc cao quý, có thể là để tích lũy nhiều phước đức cho thiện nghiệp dẫn đến thịnh vượng với kết quả tại đây và bây giờ, hay may mắn được làm người trong kiếp tái sinh, hay được thụ hưởng hạnh phúc ở cõi trời trong những cảnh giới thiên đường. Trong lý luận về quan hệ nhân quả của nghiệp không có gì bắt buộc thúc dục mọi người thoát ra chu kỳ nghiệp báo và kết quả của nó. Sự thôi thúc được giải thoát hoàn toàn ra khỏi vòng sinh tử tùy thuộc sự có được một quan điểm khác biệt và sâu sắc hơn, quan điểm đem lại sự thấu hiểu tận cùng về những khiếm khuyết tồn tại trong mọi hình thức hiện hữu của nghiệp, ngay cả trong đời sống cao quý nhất.

Chánh kiến siêu thế dẫn đến giải thoát là sự hiểu biết Tứ Diệu Đế. Chính loại chánh kiến này đại diện cho nhân tố thứ nhất của Bát Chánh Đạo trong ý nghĩa chính xác: chánh kiến cao thượng. Thế nên, Đức Phật định nghĩa nhân tố của đường tu tập trong chánh kiến một cách rõ ràng bằng bốn chân lý: *“Này, Chánh kiến là gì? Đó là hiểu biết khổ (dukkha), hiểu biết nguồn gốc của khổ, hiểu biết sự chấm dứt khổ, hiểu biết con đường đưa đến chấm dứt khổ.”*[7] Bát Chánh Đạo bắt đầu với sự hiểu biết bằng khái niệm

về Tứ Diệu Đế với sự nhận thức chưa rõ ràng qua phương tiện tư tưởng và suy tư. Khi chánh kiến đạt đến tột đỉnh trong hiểu biết trực giác về bốn chân lý đó, thấu suốt một cách rõ ràng thì tương đương với giác ngộ. Như vậy, chúng ta có thể nói rằng chánh kiến về Tứ Diệu Đế gồm cả hai hình thái là bắt đầu và điểm cuối của con đường đưa đến chấm dứt khổ.



Chân lý cao thượng thứ nhất là chân lý về khổ (dukkha), sự bất mãn cố hữu của đời sống, thấy rõ trong vô thường, đau đớn và bản chất không bao giờ hoàn hảo trong mọi hình thức của đời sống.

“Đây là chân lý về khổ. Sinh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; sầu não, than van, đau đớn, thương tiếc và tuyệt vọng là khổ; gần những gì thù ghét là khổ; xa những gì thương yêu là khổ; không được những gì mình muốn là khổ; nói tóm lại,

chấp thủ vào năm uẩn là khổ.” [8]

Lời tuyên bố trên là sự khẳng định chung, kêu gọi chúng ta phải chú ý. Sự chấp thủ vào năm uẩn (pañcupādānakkandhā) là một sơ đồ phân loại để hiểu đúng bản chất của loài người. Chúng ta là gì? Đức Phật dạy con người là một tập hợp của năm nhóm: thân thể vật lý, cảm giác, tri giác, phản ứng của tâm và nhận thức (sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn. ND). Chúng đều liên quan nhau bằng sự chấp thủ. Ta là năm uẩn và năm uẩn là ta. Những gì chúng ta đồng nhất hóa với chính ta, bất cứ những gì chúng ta nắm giữ như là của ta, đều rơi vào năm uẩn. Tập hợp năm uẩn này sinh ra cả danh sách gồm tư tưởng, tình cảm, ý tưởng và thái độ, ta sống trong tập hợp đó và trở thành “thể giới của chúng ta.”

Như vậy, lời tuyên bố của Đức Phật về năm uẩn là khổ, thật ra bao gồm tất cả trải nghiệm, toàn bộ đời sống của chúng ta, vào trong phạm vi khổ đế.

Nhưng, ở đây xuất hiện câu hỏi: Tại sao Đức Phật nói năm uẩn là khổ? Lý do Ngài nói năm uẩn là khổ vì chúng vô thường. Chúng thay đổi liên tục từng giây phút, sinh rồi diệt, không có thực thể nào tồn tại, luôn luôn thay đổi. Bởi vì những nhân tố tạo thành con người chúng ta luôn luôn thay đổi, hoàn toàn không có thực chất trường tồn, không có một cái gì trong đó mà chúng ta có thể bám vào để làm nền tảng cho an toàn. Năm uẩn chỉ là một dòng chảy liên tục thay đổi nên khi bám vào nó với khát khao trường tồn thì chúng ta tự đưa mình lao vào đau khổ.

Chân lý cao thượng thứ nhì chỉ rõ nguyên nhân của khổ. Từ tập hợp những phiền não đưa đến khổ, Đức Phật nêu rõ khát vọng (tanhà) là nguyên nhân chi phối và lan rộng nhất, "nguồn gốc của khổ."

Đây là chân lý cao thượng về của nguồn gốc của khổ. Chính sự khát vọng này đưa đến tái sinh và bị trói buộc vào khoái cảm và nhục dục, tìm kiếm vui thú chỗ này chỗ kia. Đó là khát vọng tìm lạc thú trong dục (Dục giới. ND), khát vọng được hiện hữu (Sắc giới. ND) và khát vọng không còn hiện hữu (Vô sắc giới. ND). [9]

Chân lý cao thượng thứ ba chỉ là sự ngược lại của sự tạo thành quan hệ trên. Nếu khát vọng là nguyên nhân của khổ thì để giải thoát ra khỏi khổ, chúng ta phải loại bỏ khát vọng. Vì vậy, Đức Phật nói:

"Đây là chân lý diệt khổ. Chính sự hoàn toàn xa lìa và chấm dứt khát vọng, từ bỏ và đoạn tuyệt với nó, giải thoát khỏi nó và không còn lệ thuộc vào nó nữa." [10]

Trạng thái bình an tuyệt đối khi loại bỏ được khát vọng là Niết bàn (Nibbàna - Nirvāna), trạng thái tự do tuyệt đối được trải nghiệm với sự dập tắt những ngọn lửa tham, sân, si trong lúc còn sống. Chân lý thứ tư chỉ cho ta con đường đưa đến chấm dứt khổ, con đường đưa đến sự giác ngộ niết bàn. Con đường đó chính là Bát chánh Đạo.

Chánh kiến về Tứ Diệu Đế phát triển trong hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất gọi là chánh kiến phù hợp với chân lý (saccānulomika sammā ditthi); giai đoạn thứ hai, chánh kiến thâm nhập chân lý (saccapavedha sammā ditthi). Để có được chánh kiến phù hợp với chân lý Tứ diệu đế, đòi hỏi chúng ta hiểu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của chân lý ấy trong cuộc sống của chúng ta (Thánh đế hiện quán. ND). Để có hiểu biết như vậy, đầu tiên, chúng ta phải học hỏi và nghiên cứu chân lý này. Tiếp sau đó, hiểu biết của chúng ta sẽ đi sâu hơn bằng cách trải nghiệm về chúng trong ánh sáng của kinh nghiệm cho đến khi chúng ta đạt

được niềm tin tưởng vững chắc về sự thật của chúng.

Nhưng ngay cả ở điểm này, chân lý Tứ diệu đế vẫn chưa được hiểu trọn vẹn, cho nên sự hiểu biết đạt được còn khiếm khuyết, nó chỉ là khái niệm chưa phải nhận thức. Để đạt đến hiểu biết chân lý bằng trải nghiệm chúng ta cần phải thực tập thiền, trước hết phải đạt được định lực liên tục, rồi phát triển tuệ quán. Năng lực tuệ quán sẽ phát sinh do quan sát năm uẩn, những nhân tố của thực tại, nhằm mục đích nhận ra những đặc tính thật sự của chúng. Ở cao điểm của sự trải nghiệm như thế, con mắt của tâm không còn nhìn những pháp hữu vi được tập hợp trên năm uẩn mà chuyển sang tập trung vào pháp vô vi, Nibbàna, có thể chứng ngộ được qua khả năng thâm sâu của tuệ quán. Với sự dời đổi này, cùng lúc mắt của tâm thấy Niết Bàn, Tứ thánh đế cao thượng cũng được thấu hiểu rõ ràng. Khi chứng ngộ được Niết Bàn, trạng thái vượt ra ngoài đau khổ, chúng ta đã có tầm nhìn trọn vẹn mà từ đó chúng ta quan sát năm uẩn và thấy chúng là khổ, vì chúng bị trói buộc, phải chịu thay đổi không ngừng. Cùng lúc chứng ngộ Niết Bàn, khát vọng cũng không còn. Chúng ta bừng hiểu ra khát vọng thật sự là cội nguồn của khổ. Khi chứng ngộ được Niết Bàn, chúng ta hiểu đó là trạng thái an bình, thoát khỏi sự quay cuồng của quá trình tái sinh. Bởi vì sự thể nghiệm này đạt được bằng thực hành Bát Chánh Đạo. Cho nên, hành giả biết rõ Bát Chánh Đạo là con đường thật sự đưa đến chấm dứt đau khổ.

Chánh kiến siêu thể thấu triệt Tứ Diệu Đế ở cuối con đường tu tập chứ không phải từ đầu. Chúng ta phải bắt đầu với chánh kiến phù hợp với chân lý tứ diệu đế, đạt được qua học tập và củng cố bằng sự quán chiếu. Quan điểm này gây cảm hứng cho chúng ta chấp thuận việc tu học, khởi sự tu tập tam học giới, định và tuệ. Khi chương trình tu tập viên mãn, tuệ nhãn tự nó mở ra, nhìn thấu rõ chân lý này và tâm hoàn toàn tự tại.

(còn tiếp)

Chú Thích:

7. Trường bộ kinh 22; Word of the Buddha, trang 29.
8. Trường bộ kinh 22, SN 56:11, Word of the Buddha, trang 3.
9. Như trên. Word of the Buddha, trang 16.
10. Như trên. Word of the Buddha, trang 22.

THẬP KHÚC LỤC BÁT

Kính dâng Hương linh Mẹ Tâm Tấn
nhân mùa Vu Lan PL 2565

ỚP TÂM

Từng dòng pháp ngữ chuyển rung
Câu thơ từ ái lạ lòng miên man
Gieo trong bể khổ phủ phàng
Huyền ngôn ướp tâm Anh Vàng thiêng liêng.

TỊNH TÀI

Gói hoa mềm giầu tịnh tài
Tiền dâng bạc biếu tiêu xài nữa chi?
Đứa nghèo được giúi vào tay
Đứa lâm ngặt khó thì đây lộc Bà!

BÊN ĐÈN

Trăm năm trọn một kiếp người
Tình Thơ Ý Đạo gửi Đồi thẳng nghiêng
Muôn vãn hương sắc nhân duyên
Cuối đời rửa bút bên đèn với kính.

VƯỜN HOA

Vườn Duyên mười bốn sắc hình
Tròn câu lục bát đậm tình Mẹ Cha
Sớm chiều vuốt lá nâng hoa
Gần xa lớn nhỏ vẫn là con thơ!

HÀNH KHÁT

Đường trần trả nghiệp xưa xa
Bước chân hành khát qua nhà đạo tâm
Xin cho năm gạo lạng thâm
Cho con no dạ tháng năm đọa đầy...

TÂM HƯƠNG

Lòng son bao chuyển vẫn dài
Lệ tuôn thơ điệu trong ngoài tiếc thương
Đỏ bầm từng nén tâm hương
Hôm nay tay phát xả buông mà về!



CỬA ĐỀ DÀNH

Hình xưa thư cũ im lìm
Người đời chỉ trọng kim tiền lợi danh
Rưng rưng gìn giữ tịnh thanh
Mai sau vắng bóng mẹ dành cho con.

LÊN ĐƯỜNG

Xong rồi duyên nợ nhân gian
Bài kinh câu chú nhịp nhàng tiễn đưa
Mênh mang âm tiếng chuông chùa
Nhịp chân thanh thoát theo thơ lên đường.

VỀ

Con về lúc Mẹ chưa đi
Con đi thoáng chốc nhằm khi Mẹ về
Về nơi an tĩnh bốn bề
Bụi trần vương lại hiên hè trống trơn...

CHỜ

Con chờ tháng Tám dâng thơ
Trung Thu trăng sáng còn chờ Ngày Sinh
Giờ đây đã khuất bóng hình
Mồ côi khóc trước hương linh Mẹ già!



TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

(Con trai thứ 11)

TRỞ VỀ MỤC LỤC

KHI TÔI NÓI TÔI LÀ MỘT PHẬT TỬ

Giáo sư **RICHARD GOMBRICH**

Tiểu Lục Thần Phong soạn dịch



ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Khi tôi nói tôi là một Phật tử, đây không có nghĩa là tôi thanh khiết hay tử tế hơn những người khác, mà đây có nghĩa là tôi có quá nhiều sự mê muội vô minh và sự ô nhiễm (tinh thần) cần phải tẩy bỏ đi. Tôi cần trí huệ của Phật đà.

Khi tôi nói tôi là một Phật tử, nó không có nghĩa là tôi khôn ngoan hơn những người khác mà có nghĩa là tôi bị sai xử quá nhiều của sự kiêu ngạo. Tôi cần phải học sự khiêm tốn và làm tăng trưởng cái quan điểm rộng mở hơn.

Khi tôi nói tôi là một Phật tử, cũng không có nghĩa là tôi tốt hơn hay tệ hơn người khác, nhưng tôi hiểu rằng tất cả chúng sanh bình đẳng với nhau.

Khi tôi nói tôi là một Phật tử, tôi biết rằng tôi chỉ yêu thích những ai vừa ý mình, trong khi đức Phật yêu thương cả những người không thích mình, chỉ dẫn họ đầy đủ khôn ngoan và tử bi. Đây là lý do tại sao tôi chọn con đường đi theo những lời dạy của đức Phật.

Khi tôi nói tôi là một Phật tử, nó không phải là mục đích nhận những cái mà tôi thích quan tâm, mà đây là buông bỏ sự bám víu dính mắc vào những thèm khát của thế gian.

Khi tôi nói tôi là một Phật tử, không có nghĩa là tôi theo đuổi đời sống suôn sẻ, mà là

chấp nhận sự vô thường và điềm tĩnh, tự tin như một ông vua đối mặt với những sự đổi nghịch bất lợi.

Khi tôi nói tôi là một Phật tử, tôi không có ý định tác động đến kẻ khác để tự tư tự lợi cho bản thân, mà là sử dụng trí huệ khôn ngoan để làm lợi ích cho mạng sống cũng như cho người, đồng thời cảm thông với tất cả hữu tình chúng sanh.

Khi tôi nói tôi là một Phật tử, không có nghĩa là tôi lánh đời ly khỏi thế gian theo đuổi sự hư vô, mà là tôi biết sống mỗi ngày với giáo pháp, sống với hiện tại và thực hành giáo pháp.

Khi tôi nói tôi là một Phật tử, điều ấy không có nghĩa là cuộc đời tôi sẽ không còn những thất bại nữa, với giáo pháp thì những thất bại sẽ chuyển hóa thành nguyên nhân cho sự trưởng thành của tôi.

Khi tôi nói tôi là một Phật tử, trái tim tôi được chứa đầy lòng biết ơn vô hạn. Tôi nghĩ tôi vốn được sinh ra với tư cách một con người, có đầy đủ cơ hội để thực hành giáo pháp trong đời này, có nhiều cơ hội gặp được những vị thầy thông thái và nghe những lời dạy của đức Phật. Tôi xúc động sâu xa với nghiệp ái lực khó tin này.

Khi tôi nói tôi là một Phật tử, không có nghĩa là thượng đế ở bên ngoài tôi, mà là tôi tìm thấy Phật tánh trong trái tim tôi.

PHỤ LỤC:

Giáo sư Richard Gombrich sinh ngày 17/7/1937 tại London, nước Anh. Ông là giáo sư dạy tiếng Sanskrit ở đại học Oxford từ 1976-2004. Ông cũng là người sáng lập và là chủ tịch của trung tâm nghiên cứu Phật học ở đại học Oxford "Oxford Centre of Buddhist Studies", là cựu chủ tịch Hội Văn Bản Kinh Điển Pali (1994-2002). Ông là tổng biên tập của "Clay Sanskrit Library". Giáo sư Richard Gombrich là một người uyên bác, thông tuệ Phật pháp, là một nhà ngôn ngữ chuyên môn về tiếng Pali và Sanskrit. Ông viết rất nhiều sách về Phật giáo nguyên thủy và Phật giáo





Theravada. Ông lấy bằng B.A. tại đại học Oxford năm 1961, và năm 1970 lấy tiếp bằng Tiến sĩ (Ph.D.). Năm 1963 thì nhận bằng M.A, tại đại học Harvard. Một vài tác phẩm tiêu biểu của ông:

1. *How Buddhism Began* - 1996
2. *What the Buddha Taught* - 1959
3. *Buddhism Transformed* - 1988
4. *Theravada Buddhism: A Social History from Ancient Benares To Modern Colombo* - 1988
5. *Buddhist Precept and Practice* - 1995
6. *What the Buddha Thought* - 2009
7. *Complete SanKrit A Teach Yourself Guide* - 2011

Giáo sư Richard Gombrich là một nhà Phật học, một nhà nghiên cứu ngôn ngữ Pali, Sanskrit tài ba. Ông đã dành hơn bốn mươi năm để nghiên cứu, giảng dạy và thực hành Phật giáo. Có thể nói ông là một Phật tử lớn, một học giả nghiên cứu Phật học lớn của thời đại hôm nay, đặc biệt là nghiên cứu ngôn ngữ cổ: Pali và Sanskrit, đây cũng là hai ngôn ngữ chính của kinh điển Phật giáo. Ngày 17.7.2021 này, giáo sư sẽ tròn tám mươi tư tuổi. Tôi xin dịch bài viết này của ông để tặng quý bạn đọc hữu duyên, mong tất cả an lạc và cũng thăm kính chúc giáo sư khỏe mạnh, an lạc và minh mẫn.

TIỂU LỤC THẦN PHONG
Ất Lã thành, 07/2021

SEN SẼ NỞ

(Tặng anh Nguyên Giác - Phan Tấn Hải)

Mỗi một đùn lên từng tri kiến
Sông dài tầm tã tiếng mưa ngâu
Chừng như vạn pháp cùng chu biến
Phàm thánh cùng nghe bát ngát sâu.

Ngồi đây em và sen sẽ nở
Tóc tai cỏ dại sẽ thơm lừng
Mùi hương đã ngát từ vô thị
Cớ gì lũ sáo cứ băng khuâng.

Thì cứ ngồi đây tan với biển
Ngôn ngữ trùng dương, đẹp lạ thường
Bao la tâm tưởng hê, nguyên vẹn
Đất trời đương rớt nắng trăm hương.

Lăn lóc câu thơ rên tiếng hí
Chẳng cuồng, mà dạ ngân ngơ
Thềm xuân ngậy ngát màu hoa bí
Bò tát không đưng lệ mịt mờ.

TREO DƯỚI MỖI SỢI TÓC

Treo dưới mỗi sợi tóc một hành tinh
đong đưa nhịp võng
người bước qua dốc địa cầu
mang trăm sắc cầu vòng trong con mắt mùa hạ
và trên mỗi nấc thang long đình
lũ áu trùng vẫn không ngừng rên than.

Mỗi hạt mưa vẫn chứa đầy màu nhiệm
trang sách chứa đầy thóc lúa
những bữa ăn
com gạo nở rên trăm cỗ máy.

Em cứ bước lên chuyến tàu nào đó
chạy vòng quanh núi đồi
lắng nghe tiếng rạn vỡ hàm sâu nham thạch
màu lửa đỏ
chờ đợi lúc tuôn trào.

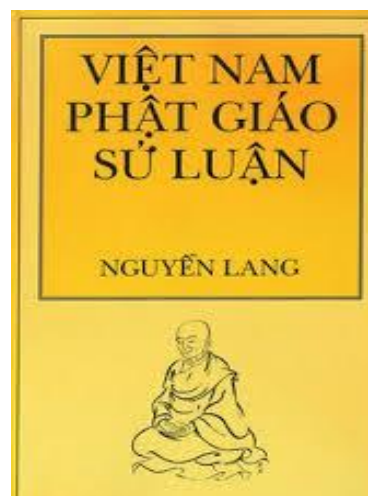
Vẫn có tiếng thở dài trong mỗi căn nhà
tiếng nô đùa trẻ thơ
và mỗi tinh sương trên luống đất vàng rom rạ
những bụi cải trô bông
thơ vẫn nảy mầm.

thơ LÝ THỪA NGHIỆP

CUỘC VẬN ĐỘNG CHỐNG CHẾ ĐỘ NGÔ ĐÌNH DIỆM

(Chương XXXVIII,
VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang



LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

PHẬT HỌC VÀ PHẬT GIÁO

Cuộc vận động năm 1963 của Phật giáo đã được phát khởi từ Huế, trung tâm chỉ đạo của Phật giáo miền Trung. Lúc đó đứng làm lãnh đạo hội Phật giáo Việt Nam tại Trung Phần là thiền sư Giác Nhiên, một vị cao tăng 84 tuổi, và hai vị thiền sư phụ tá: Trí Thủ và Trí Quang.

Thiền sư Giác Nhiên là đệ tử của thiền sư Tâm Tịnh, và là sư đệ của thiền sư Giác Tiên, người có công đầu trong phong trào Phục hưng Phật giáo tại Huế trước đó hai mươi lăm năm. Ông được cung thỉnh vào chức vị này trong kỳ đại hội đồng năm 1957 sau ngày chính quyền ra lệnh không công nhận ngày lễ Phật Đản là một ngày lễ chính thức của quốc

gia. Biết Phật giáo đang bước tới một giai đoạn vô cùng khó khăn, ông đã tuyên bố trong đại hội ngày 10.3.1957 tại chùa Từ Đàm: "Nếu cần, tôi sẽ hy sinh tính mạng để ủng hộ quý vị trong công việc Phật sự" (1). Ông ngồi ở chức vị này cho đến khi chế độ sụp đổ. Thiền sư Trí Quang từ năm 1957, với tư cách phụ tá hội trưởng, tiếp tục nắm lấy guồng máy điều hành của tổng trị sự mà ông đã phụ trách từ năm 1954. Chủ định của ông là xóa bỏ Đạo dụ số 10. Một trong những việc làm đầu tiên của ông là vận động đổi danh xưng hội Việt Nam Phật học thành hội Phật giáo Việt Nam tại Trung Phần. Chìa khóa của sự thay đổi là sự khác nhau giữa chữ Phật học và Phật giáo. Một hội Phật học có thể được chính quyền cho là một tổ chức học Phật chứ không phải là một giáo hội tôn giáo. Đồng thời ông chuẩn bị các cấp trị sự tổ chức lễ Phật Đản, nỗ lực làm sao cho ngày Phật Đản trở thành, trên hình thức, ngày lễ tôn giáo lớn nhất ở Việt Nam, dưới con mắt các quan sát viên quốc tế.

Tại miền Nam, Giáo hội Tăng già Nam Việt suy tôn một vị cao tăng khác là thiền sư Khánh Anh, 62 tuổi, lên ngôi pháp chủ, và tạp chí Phật Giáo Việt Nam mở đầu cuộc vận động thống nhất Phật giáo thành một lực lượng nhất trí và đoàn kết.

Việc đổi danh xưng của hội Việt Nam Phật học chưa được bàn đến và biểu quyết tại đại hội đồng năm 1957, cho nên thiền sư Trí Quang đã bị một số Phật tử chống đối. Các cư sĩ Lê Văn Định và Tráng Đình có mặt trong sự chống đối này. Nhờ có sự phù hộ của thiền sư Giác Nhiên, sự chống đối êm dần. Thiền sư Trí Quang đã nhờ thiền sư Mãn Giác đi du hành tại các tỉnh hội để giải thích thâm ý của tổng trị sự. Từ đó, hội Phật học



được gọi là hội Phật giáo, và chùa Phật học (tức là trụ sở hội) được gọi là chùa Phật giáo. Thực ra danh xưng "chùa Phật giáo" cũng ngớ ngẩn như danh xưng "chùa Phật học".

Thông minh, nhưng có quá nhiều tự tin, thiền sư Trí Quang gặp phải ít nhiều trở lực từ nội bộ. Ông đã nhường trách vụ chỉ huy cơ quan điều hành của hội cho thiền sư Thiện Minh trong đại hội đồng năm 1959. Thiền sư Thiện Minh cũng là người thông minh xuất chúng, có biệt tài ngoại giao và tổ chức. Nhận trách vụ tại tổng trị sự, ông phú thác Phật sự tại các tỉnh miền Nam Trung Phần cho các thiền sư Trí Thủ, Thiện Siêu và Huyền Quang. Nha Trang lúc đó đã trở nên một trung tâm Phật giáo lớn với sự hiện diện của Phật học Viện Hải Đức.

Thiền sư Thiện Minh với kinh nghiệm thu thập được từ 1948 đến 1959 tại các tỉnh miền Nam Trung Phần, đã thúc đẩy mạnh việc kiện toàn tổ chức hội Phật giáo Việt Nam tại Trung Phần. Đến năm 1962, ông xin tạm nghỉ và thiền sư Trí Quang được mời trở về trách vụ.

BẢO VỆ LÁ CỜ NĂM SẮC

Thiền sư Trí Quang làm việc được hơn một năm thì cuộc tàn sát tín đồ Phật giáo bằng xe tăng và súng đạn xảy ra trước đài phát thanh Huế. Nguyên do của cuộc tàn sát là lệnh cấm treo cờ Phật giáo của chính quyền trước ngày Phật Đản năm ấy.

Cờ Phật giáo là một lá cờ ngũ sắc tượng trưng cho năm sức mạnh gọi là ngũ lực: *Tín* (lòng tin), *Tấn* (sự cần mẫn), *Niệm* (phép quán niệm), *Định* (sự tập trung tâm ý) và *Tuệ* (ánh sáng giác ngộ). Lá cờ này do một Phật tử cư sĩ tên là Henry Steel Olcott đề nghị tại Tích Lan vào cuối thế kỷ thứ mười chín và đã được các nước Phật giáo chấp nhận (2). Đây là một lá cờ nhiều màu sắc rực rỡ, tươi vui, thường được Phật tử Việt Nam in ra hàng triệu lá trên giấy hoặc trên vải để tô điểm cho những ngày lễ, những ngày hội và những đám rước Phật giáo. Lệnh loại bỏ ngày Phật Đản 1957 là một trong những động lực thúc đẩy Phật tử cương quyết củng cố kiện toàn tổ chức của họ. Sự biểu diễn lực lượng của Phật tử vào những dịp lễ lớn trước mắt quan sát viên quốc tế đã làm ngửa mặt chế độ, vì hồi đó chính quyền đang vận động với tòa thánh La Mã để đức giám mục Ngô Đình Thục được cất nhắc lên địa vị hồng y. Để đạt tới mục tiêu này, chính quyền phải chứng tỏ cho tòa thánh thấy Việt Nam đang đi rất mau trên đường Cơ Đốc hóa. Ký giả tờ *Information Catholiques Internationales* kể rằng đức tổng giám mục Ngô Đình Thục đã nói cho ông ta rằng ở Việt Nam có nhiều làng đòi làm lễ rửa tội tập thể một lần tất cả dân chúng trong làng, và giáo hội không đủ sức cung cấp số người dạy đạo cho

họ... (3) Lá cờ ngũ sắc của Phật giáo, như vậy, là một trở lực hiển nhiên cho đức tổng giám mục.

Trong khi đó, lá cờ này đối với Phật tử tượng trưng cho con đường Phật giáo đứng trung lập giữa hai thế lực hận thù đang tranh chấp trên thế giới. Lá cờ này tượng trưng cho tôn giáo của họ, cho niềm tin nơi đức từ bi, sự khoan dung và ước mơ hòa bình. Lá cờ cũng tượng trưng cho khối các nước Phật giáo không liên kết.

Năm 1963, tại Vĩnh Hội, Sài Gòn có hỏa hoạn lớn, và hàng ngàn gia đình lâm vào cảnh màn trời chiếu đất. Thiền sư Tịnh Khiết, hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam, kêu gọi Phật tử toàn quốc "tổ chức lễ Phật Đản một cách tôn nghiêm như mọi năm, nhưng cố gắng thế nào để ít tốn kém nhất, nên dành dụm số tiền thu góp được mà cứu trợ nạn nhân hỏa hoạn".

Tại cố đô Huế, lễ Phật Đản được trần thiết rực rỡ bằng những phương tiện sẵn có: khắp mọi nhà, ở mọi nẻo đường, đều có treo cờ, treo đèn; ở các công trường thì có hương án bái vọng và cổng chào kết bằng hoa lá. Vào chiều ngày 7.5.1963, tức là ngày 14 tháng 4 âm lịch (4) mọi công tác trần thiết và trang hoàng vừa thực hiện xong xuôi thì đúng vào lúc 5 giờ chiều lực lượng cảnh sát thành phố Huế, theo lệnh khẩn cấp từ Sài Gòn đánh ra, đã đi khắp thành phố và buộc dân chúng tháo bỏ tất cả những lá cờ Phật giáo xuống.

Một số đồng bào nghe theo, nhưng đa số đã cương quyết bất phục tùng. Thấy vậy, hai vị đại lão thiền sư Tịnh Khiết và Giác Nhiên bèn lãnh đạo một phái đoàn Phật giáo tới ngay tư dinh của tỉnh trưởng Thừa Thiên kiêm thị trưởng thành phố Huế, để chất vấn về lệnh triệt hạ cờ Phật giáo. Đồng thời quần chúng, vào khoảng năm ngàn người, tụ tập tại trước tỉnh đường, trưng biểu ngữ phản đối chính quyền. Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Đăng thấy cơ sự như vậy liền tuyên bố tạm là "cảnh sát Huế làm sai thượng lệnh", và cho phép đồng bào treo Phật kỳ trở lại. Đêm



đó, theo lời yêu cầu của thiền sư Tịnh Khiết, ông cho loa phóng thanh đi khắp thành phố để loan báo lệnh này.

Vào lúc 6 giờ 30 sáng ngày Phật Đản, đoàn rước Phật trên con đường từ chùa Diệu Đế lên chùa Từ Đàm đã phải dừng lại vào khoảng nửa giờ, bởi vì trong quần chúng một số biểu ngữ chống đối chính quyền được giương lên. Thiền sư Mật Hiển, trưởng ban tổ chức, ra lệnh thu hồi tất cả những biểu ngữ này và chỉ để lại một biểu ngữ: "Cơ Phật giáo Quốc tế không thể bị triệt hạ". Đoàn người tiếp tục lên đường, nhưng sau đó không lâu, những biểu ngữ khác lại tiếp tục xuất hiện:

** Kính mừng Phật Đản.*

** Phật giáo đồ nhất trí bảo vệ chánh pháp dù phải hy sinh.*

** Yêu cầu chính phủ thi hành chính sách tôn giáo bình đẳng.*

** Chúng tôi không từ chối một hy sinh nào.*

** Phản đối chính sách bất công gian ác.*

** Đã đến lúc chúng tôi bắt buộc tranh đấu cho chủ trương tôn giáo bình đẳng.*

Quần chúng tụ tập trước chùa Từ Đàm để đón đoàn rước Phật trông thấy những biểu ngữ này thì vỗ tay vang dậy. Tuy nhiên, đại lễ Phật Đản được cử hành rất trang nghiêm và thành kính dưới sự hướng dẫn của thiền sư Đôn Hậu. Các bậc tôn túc trưởng lão đều có mặt. Trước khi hành lễ, thiền sư Đôn Hậu đã mời thiền sư Trí Quang đến trước máy vi âm để phát biểu về vấn đề triệt hạ cờ Phật giáo. Thiền sư Trí Quang tuyên bố rằng nguyện vọng của Phật giáo đồ phát biểu rất chính đáng và có tính cách xây dựng, có lợi ích cho Phật giáo mà cũng có lợi ích cho chính quyền và các tôn giáo khác.

VỤ TÀN SÁT TRƯỚC ĐÀI PHÁT THANH HUẾ

Như thường lệ mỗi năm, buổi lễ đã được thu thanh để rồi sẽ phát thanh lại vào tám giờ tối hôm ấy trên đài phát thanh Huế. Nhưng tối đó, đài đã không phát thanh chương trình Phật giáo. Quần chúng tụ tập quanh đài phát thanh thấy vậy tỏ ý bất mãn. Quần chúng tại nhà không nghe phát thanh buổi lễ, lấy làm lạ; nhiều người tìm tới đài phát thanh để tìm hiểu nguyên do. Phút chốc quanh đài phát thanh đã có khoảng 10.000 người tụ tập. Chính quyền cho xe cứu hỏa tới để xịt nước giải tán. Quân vụ thị trấn ra lệnh quân đội cắm trại một trăm phần trăm. Thiếu tá Đặng Sĩ, phó tỉnh trưởng nội an và tiểu khu trưởng Thừa Thiên, huy động lực lượng thiết giáp bảo an, đại bác quân cảnh, hiến binh và cảnh sát thành phố tới vây đám quần chúng mà họ gọi là "đám biểu tình".

Thiền sư Trí Quang đến được đài phát thanh, len giữa quần chúng và đi thẳng vào đài mà chất vấn. Ban đầu, nhân viên đài đổ

lỗi cho máy móc phát thanh bị hư, cuối cùng thú thực rằng chính quyền ra lệnh cấm truyền đi buổi phát thanh Phật giáo.

Ông tỉnh trưởng đến, cùng thiền sư Trí Quang đi vào đài phát thanh. Trong khi đó, quần chúng yêu cầu xe cứu hỏa ngừng xịt nước để họ thông thả giải tán. Thiếu tá Đặng Sĩ ra lệnh bắn đạn mã tử khiến đám đông náo động. Lựu đạn cay, lựu đạn nổ được tung vào. Đồng thời súng trường và xe thiết giáp được sử dụng vào việc đàn áp. Lúc đó là đúng chín giờ rưỡi tối. Tiếng la hét của quần chúng át cả tiếng súng và tiếng lựu đạn.

Một số người ra về nửa chừng nghe tiếng la hét và tiếng súng nổ, đã quay trở lại đài phát thanh để tìm hiểu. Họ bị các xe thiết giáp chặn lại. Khi thiền sư Trí Quang và ông tỉnh trưởng từ trong đài phát thanh ra tới thì máu đã đổ: Tám người đã thiệt mạng vì lựu đạn và bốn người bị thương. Xe thiết giáp cán vỡ đầu một thiếu nhi, số em nát vụn. Một thiếu nhi khác bị cán mất nửa đầu và một em khác nữa mất hẳn đầu. Xe hồng thập tự được gửi tới để mang những người bị thương về bệnh viện.

Quần chúng phần uất đứng cả lại, không chịu ra về. Thiền sư Trí Quang đứng ra yêu cầu họ giải tán. Sau nhiều lần khuyên nhủ, quần chúng mới chịu ra về, và đến hai giờ sáng đám đông mới giải tán hết.

Sáng hôm sau, chính quyền loan tin Việt Cộng đã trà trộn vào đám đông trước đài phát thanh và đã ném lựu đạn khiến tám người chết và bốn người bị thương. Thiếu tá Đặng Sĩ họp hội nghị quân sự tại Quân vụ Thị Trấn. Sau đó lính nhảy dù, biệt động quân, bảo an binh cùng xe thiết giáp, xe lội nước, tập trung đông đảo trước căn cứ Tiểu Khu và nhiều toán quân nhân súng găng lưỡi lê đi tuần hành trong thành phố. Cảnh sát vũ trang bằng tiểu liên và lựu đạn cay túc trực ở các ngã đường.

HOẠCH ĐỊNH ĐƯỜNG HƯỚNG VÀ PHƯƠNG PHÁP VẬN ĐỘNG

Ngày 10.5.1963, các vị lãnh đạo Phật giáo họp tại chùa Từ Đàm, hoạch định đường lối và phương pháp tranh đấu bảo vệ Phật giáo và đòi hỏi công bình xã hội. Một bản tuyên ngôn được soạn thảo, nêu ra năm nguyện vọng của Phật giáo đồ. Bản tuyên ngôn này được gửi tới tổng thống Ngô Đình Diệm qua trung gian ông đại biểu chính phủ Trung Nguyên Trung Phần. Năm nguyện vọng là:

1- Yêu cầu chính phủ Việt Nam Cộng hòa thu hồi vĩnh viễn công điện triệt hạ giáo kỳ Phật giáo.

2- Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng một chế độ đặc biệt như các hội truyền giáo Thiên Chúa giáo đã được ghi trong Đạo dụ số 10.

3- Yêu cầu chính phủ chấm dứt tình trạng bắt bớ và khủng bố tín đồ Phật giáo.

4- Yêu cầu cho tăng ni Phật giáo được tự do truyền đạo và hành đạo.

5- Yêu cầu chính phủ đền bồi một cách xứng đáng cho những kẻ chết oan vô tội, và kẻ chủ mưu giết hại phải đền tội xứng đáng.

Bản tuyên ngôn nói trên mang chữ ký của thiền sư Tịnh Khiết, hội chủ của Tổng hội Phật giáo Việt Nam, thiền sư Mật Nguyên, đại diện Giáo hội Tăng già Trung Phần, thiền sư Trí Quang, đại diện hội Phật giáo Việt Nam Trung Phần, thiền sư Mật Hiền, đại diện Phật giáo Thừa Thiên và thiền sư Thiện Siêu, đại diện Tỉnh hội Phật giáo Thừa Thiên. (5)

Ngày 15.5.1963, tại chùa Từ Đàm, một Bản Phụ Đính của Tuyên Ngôn 10.5.1963 được công bố, giải thích rõ ràng năm nguyện vọng nói trên. Văn kiện này rất quan trọng, vì trong ấy, lập trường và bản chất của cuộc tranh đấu được nêu ra rõ rệt. Đường lối bất bạo động và mục tiêu cuộc tranh đấu được giải bày rất cặn kẽ. Theo Bản Phụ Đính này:

1- Phật giáo Việt Nam không chủ trương lật đổ chính phủ để đưa người của mình lên thay thế mà chỉ nhằm đến sự "thay đổi chính sách" của chính phủ.

2- Phật giáo Việt Nam không có kẻ thù, không xem ai là kẻ thù cả. Đối tượng của cuộc tranh đấu tuyệt đối không phải là Thiên Chúa giáo mà là chính sách bất công tôn giáo. "Chúng tôi tranh đấu cho lý tưởng Công Bình, chứ không phải tranh đấu với tư cách một tôn giáo chống một tôn giáo".

3- Cuộc tranh đấu của Phật giáo đồ cho bình đẳng tôn giáo được đặt "trong khuôn khổ của lý tưởng công bằng xã hội".

4- Cuộc tranh đấu của Phật giáo đồ được thực hiện theo đường lối bất bạo động. Chúng tôi phải thể hiện tư tưởng Phật giáo ngay trong công cuộc tranh đấu của chúng tôi. Vì lý do đó, chúng tôi chấp nhận một sự hy sinh đến tột độ và lấy sự hy sinh ấy làm sức mạnh để rung chuyển tận lòng người chứ không phải rung chuyển chính sách mà thôi. Ngay từ bây giờ, chúng tôi có thể tuyên bố mình bạch rằng những người tăng sĩ của Phật giáo là những người sẵn sàng noi theo gương Gandhi - vị thánh của sức mạnh bất bạo động - Chúng tôi lại xác định thêm: Với phương pháp bất bạo động, chúng tôi sẽ tranh đấu trong phạm vi hợp pháp được ngăn nào tốt ngăn đó".

5- Phật giáo Việt Nam không chấp nhận sự lợi dụng của bất cứ ai vào cuộc tranh đấu cho bình đẳng tôn giáo và công bình xã hội. Phật tử từ chối sự lợi dụng của "những người Cộng sản và của những kẻ mưu toan chức vị chính quyền".

Về Đạo dụ số 10, Bản Phụ Đính đề nghị chính quyền rút tất cả các tôn giáo ra khỏi



phạm vi ràng buộc của Đạo dụ này và ban hành một chế độ đặc biệt cho tất cả các tôn giáo, trong đó có Phật giáo và Gia Tô giáo.

Bản Phụ Đính kết luận rằng: Nếu các nguyện vọng nói trên của Phật giáo đồ được thực hiện trên lý thuyết, văn kiện và thực thi thì quần chúng Phật giáo sẽ "công khai hoan nghênh tổng thống và chính quyền như đã công khai tranh đấu cho nguyện vọng của họ" (6).

Mười hôm sau, vào ngày 25.5.1963, một Phụ Trương của Bản Phụ Đính được công bố. Mục đích của văn kiện này là nhắc cho quốc dân nhớ lại vai trò lập quốc và xây dựng nền văn hóa quốc gia trong quá trình lịch sử dân tộc của Phật giáo và nói rõ lập trường tranh đấu của Phật giáo cho công bình xã hội (7).

Tại thủ đô Sài Gòn, ngày 15.5.1963, một phái đoàn Tổng hội Phật giáo Việt Nam phối hợp với đại diện của các tổ chức Phật giáo khác đã đến dinh Gia Long để yết kiến tổng thống Ngô Đình Diệm và trao cho ông bản Tuyên Ngôn ngày 10.5.1963, đồng thời giải thích cho ông rõ về năm nguyện vọng của Phật giáo đồ. Ba giờ đồng hồ thảo luận chỉ đưa đến một vài hứa hẹn mơ hồ của vị nguyên thủ quốc gia. Tổng thống còn đổ trách nhiệm vụ tàn sát ở Huế cho những người Cộng sản.

Ngày hôm sau, phái đoàn Phật giáo mở cuộc họp báo tại chùa Xá Lợi, công bố bản Tuyên Ngôn 10.5.1963 và các Bản Phụ Đính và Phụ Trương, đồng thời tố cáo trước dư luận những vụ đàn áp, giam cầm và giết chóc mà Phật tử đã phải chịu đựng trong nhiều năm qua.

Một tài liệu 45 trang được gửi tới chính quyền ngày 20.5.1963 trong đó có liệt kê những vụ đàn áp, bắt bớ và thủ tiêu nói trên.

Ngày 21.5.1963, một lễ cầu siêu cho các nạn nhân vụ thảm sát tại Huế được tổ chức khắp nơi trên toàn quốc, theo lệnh của đại lão thiền sư Tịnh Khiết, hội chủ Tổng hội Phật giáo Việt Nam. Trước đó, bộ trưởng Công Dân Vụ là Ngô Trọng Hiếu đã tìm mọi cách để ngăn cản việc tổ chức lễ cầu siêu và yêu cầu

Phật tử đợi đến ngày rằm tháng Bảy (ngót ba tháng sau) rồi hầy tổ chức. Nhưng toàn quốc đã cử hành lễ này một cách long trọng đúng ngày thiền sư Tịnh Khiết chỉ định. Riêng tại thủ đô Sài Gòn, số lượng tăng ni tập trung tại chùa Ân Quang để hành lễ đã lên tới một ngàn vị; tín đồ cư sĩ đứng chật trong ngoài. Một cuộc diễn hành của tăng ni để rước linh vị các nạn nhân về chùa Xá Lợi đã được tổ chức sau đó và một ngàn vị tăng ni mặc áo cà sa vàng đã nghiêm trang diễu hành nhiều đường phố giữa những hàng rào cảnh sát có cả thiết giáp túc trực và dưới mắt quần chúng thủ đô đông đặc hai bên vệ đường. Trong khi đoàn này đang diễu hành, một đoàn tăng ni khác gồm 350 vị xuất phát từ chùa Xá Lợi, bắt đầu một cuộc diễu hành khác, trang nghiêm và lặng lẽ, hướng về trụ sở Quốc hội.

Tại chùa Từ Đàm Huế, ngay sau lễ Cầu Siêu, toàn thể tăng ni có mặt bắt đầu một cuộc tuyệt thực. Hơn hai ngàn người, trong số đó có nhiều giáo sư và sinh viên Viện Đại học Huế, tham dự cuộc tuyệt thực này.

(còn tiếp)

(1) Tạp chí *Phật Giáo Việt Nam* số 8, Đinh Dậu, 1957, trang 47.

(2) Chính H.S. Olcott là người đã khuyến khích và ủng hộ triệt để đại đức Dharmapala trong việc phát khởi phong trào Phục hưng Phật giáo Ấn Độ và Tích Lan vào khoảng năm 1885.

(3) *Information Catholiques Internationales*, Paris, số 188, ra ngày 15.3.1963.

(4) Ngày Phật Đản từ năm 1958, đã được Tổng hội Phật giáo Việt Nam đổi từ ngày mồng tám tháng Tư thành ngày trăng tròn tháng Tư để cho được thống nhất với các nước Phật giáo trên thế giới.

(5) Đọc toàn văn bản Tuyên Ngôn trong danh sách *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam* do Quốc Tuệ biên soạn, Sài Gòn, 1964.

(6) Đọc toàn văn bản Phụ Đính trong sách *Công Cuộc Tranh Đấu Của Phật Giáo Việt Nam*. Quốc Tuệ, Sài Gòn, 1964.

(7) Nguyên văn trong sách vừa dẫn.

THẦY (4)

*Vỗ đôi cánh hạc phong trần
Đất trời khoáng đạt thanh tân lạ thường
Tấu lên khúc nhạc cúng dường
Thế Tôn cùng với mười phương Phật đà*

*Thanh âm một cõi Sa Bà
Ba ngàn thế giới cũng là tại tâm
Nước non chung một cung trầm
Máu sa lệ sót những lâm than đau*

*Dấn thân mưa gió dãi dầu
Đạp rừng lửa cháy đội đầu gian nan
Cát lồi tâm huyết ruột gan
Duy trì chánh pháp phục quang án truyền*

*Ra tay lèo lái con thuyền
Đạo pháp dân tộc gắn liền Phật môn
Hằng tâm nhiệt huyết bảo tồn
Dịch kinh viết sách tâm hồn thăng hoa*

*Đêm trường Thị Ngạn sáng lò
Núi đồi nảy nở một tòa sen xanh
Từ bi, trí dũng tinh anh
Tinh thần vô úy mà thành đạo sư*

*Lời lời trác tuyệt chơn như
Đạo-đời phụng sự đại từ Phật tâm
Trải qua thế sự thăng trầm
Độc hành chẳng ngại thảng năm giữ gìn*

*Trí huệ Bát-nhã tâm kinh
Tượng vương bản thể mang hình sậy lau
Phước phần còn có về sau
Trùng hưng Phật đạo bên lâu với đời*

*Trượng phu đứng giữa đất trời
Tòng lâm thạch trụ cho người dựa nương
Đức hạnh ngược gió tỏa hương
Nước non một dải vô thường thịnh-suy.*

thơ ĐỒNG THIÊN

Ất Lăng thành, 06/2021



NGƯỜI TẠI GIA

(*Phật Pháp Thứ Năm*— bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Chúng ta từng biết, ngay trong thời kỳ Phật tại thế, hàng đệ tử của Phật đã có hai giới: xuất gia và tại gia. Như chúng ta là giới tại gia. Nhưng thế nào là tại gia, cũng ít ai xác định được rõ ràng, có hiểu rõ chúng ta mới hoàn thành bốn phận của mình.

I. THẾ NÀO LÀ NGƯỜI TẠI GIA:

Trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế. Giáo hội đã được gồm 4 Chúng đồng tu:

- Tỳ kheo (nam), Tỳ kheo ni (nữ): xuất gia
- Ưu Bà Tắc (nam), Ưu Bà Di (nữ): tại gia.

Người tại gia tức là người không thoát ly gia đình, không tách rời hình thức sinh hoạt thế gian mà phải thực hiện cơ bản của Phật pháp ngay trong hình thức sinh hoạt hàng ngày.

Đây mới là vấn đề Phật chú trọng, vì đạo Phật không phải là đạo tách rời cuộc sống của thế gian mà phải đi vào cuộc đời để cải hóa cuộc đời, biến đổi cuộc đời đau khổ thành an vui.

II. MỤC ĐÍCH TU HỌC CỦA NGƯỜI TẠI GIA:

Vậy mục đích tu học của người Phật tử tại gia không chỉ cho bản thân mình giải thoát khổ đau (hoán cải tự thân) mà phải đem an lạc cho gia đình (Phật hóa gia đình) và mang lại tươi nhuận cho xã hội (gieo vui cho xã hội).

III. NẾP SỐNG CỦA NGƯỜI PHẬT TỬ TẠI GIA:

Để đạt mục đích đó, người Phật tử tại gia phải có nếp sống như thế nào?

1. Hoán cải tự thân:

Muốn hoán cải tự thân theo đường hướng Phật giáo, trước hết phải có niềm tin vào đức Phật, vào giáo lý của Ngài và luôn luôn củng cố bồi đắp niềm tin để thành một đức tin bền vững và sáng suốt về Tam Bảo.

- Đã có niềm tin chúng ta phải quy y

Tam Bảo (xem Ý nghĩa Quy y Tam Bảo).

- Thọ trì 5 giới là phương tiện vừa làm thước đo để hoán cải tự thân.

(Riêng người Huynh trưởng thì phải lấy 5 giới, 5 điều Luật để traу đời bản thân hàng ngày).

2. Phật hóa gia đình:

Đã là Phật tử tại gia lại càng có bốn phận đối với gia đình, phải ý thức trách nhiệm đối với gia đình.

- a. Kinh tế gia đình: siêng năng lo phát triển kinh tế gia đình.

- b. Cảm hóa giáo dục mọi người trong gia đình, vợ phải cảm hóa chồng, chồng phải cảm hóa vợ, rồi cảm hóa con cái.

- c. Hỗ trợ nhau, khích lệ tinh thần tiến tu.

3. Gieo vui cho xã hội:

Chỉ việc giữ 5 giới mà tất cả mọi người đều giữ được thì xã hội biến thành một xã hội thanh bình rồi.

Xã hội là một tập hợp của gia đình mà mỗi gia đình đều là Phật hóa thì xã hội làm sao không an vui. Sự thật thì không phải dễ dàng đơn giản.

Vì vậy ngoài việc Phật hóa gia đình, người Phật tử tại gia còn phải tìm cách đem giáo lý Phật đà gieo rắc quanh thôn xóm. Điều quan trọng là chính bản thân mình là tấm gương sáng.

Nếu chúng ta là một người rượu chè cờ bạc, thì còn cảm hóa được ai? Nếu gia đình chúng ta luôn luôn gây gỗ cãi vả nhau thì làm thế nào khuyên răn người khác? Sau khi tu sửa bản thân trở thành con người hiền thiện (đương nhiên một chừng mực nào đó, rồi thăng tiến dần lên) ta nên áp dụng Tứ Nhiếp Pháp để nhiếp hóa những người xung quanh.

Trong Tứ Nhiếp Pháp đó chúng ta phải luôn luôn sử dụng Bồ thí nhiếp và xem Bồ thí cũng là một hạnh nguyện, vừa là một phương thức tu hành của người tại gia, vì chính qua đó thực hành hạnh Từ bi.

Chúng ta phải nhìn mọi người bằng đôi mắt Từ bi, phải đối đãi với mọi người bằng

tấm lòng từ bi.

Nhưng để tu tập đúng đường hướng Phật giáo, để có thể thực sự yên vui hiện tại và mai sau thì chúng ta phải thâm hiểu đạo lý Phật đà. Vì vậy phải luôn luôn tinh tấn học hỏi giáo lý (Huynh trưởng GDPT chúng ta có thuận duyên trong vấn đề này). Cần phải có sự thăng tiến trong sự tu tập: Ví dụ: lúc đầu ăn chay 2 ngày dần dần tăng lên 4 ngày, 10 ngày v.v... Ban đầu thọ 5 giới, thỉnh thoảng tu Bát Quan Trai giới, rồi thọ Thập thiện giới... (triển khai các giới của người tại gia Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Bát Quan Trai, Thập thiện).

Ngoài ra người Phật tử tại gia còn phải biết báo đáp Tứ trọng ân một cách đúng pháp (xem lại Tứ ân).

Riêng đối với chư Tăng, người Phật tử tại gia luôn luôn phải nhớ nghĩ đến bốn phận của mình.

IV. BỐN PHẦN CỦA NGƯỜI PHẬT TỬ TẠI GIA ĐỐI VỚI NGƯỜI XUẤT GIA:

Quý vị xuất gia có sứ mạng hướng dẫn tín đồ tu tập giải thoát, đem sự an lạc đến cho mọi người, mọi gia đình thì bốn phận người tại gia phải biết hỗ trợ cho chư Tăng có phương tiện chuyên tâm tu thiền định, nghiên cứu giáo pháp, truyền bá giáo pháp.

Vậy chúng ta phải có bốn phận cúng dường lương thực, vải mặc, thuốc men khi bệnh và những tiện nghi phục vụ cho công cuộc tu hành. Hộ trì chư Tăng là hộ trì Chánh pháp, đóng góp vào sự an lạc của đời.

Chúng ta phải xem vị Bổn sư (truyền giới) của chúng ta là bậc cha tinh thần, luôn luôn gần gũi để học hỏi giáo lý, để được chỉ dạy những phương thức tu tập và có những khó khăn uẩn khúc trong cá nhân, trong gia đình, cũng bạch xin tôn ý của Bổn sư để chúng ta xử sự hợp chánh pháp, đem lại an ổn cho tâm hồn.

*(Tài liệu Tu Học Huynh Trưởng
Bậc Định)*

DUYÊN HỢP VÀ TAN

*Một ngày làm việc như mọi ngày
Buổi sáng bắt tay, húc ngực và chào hỏi nhau
Dù là đang mùa dịch nhiều thương đau
Kiếm được đồng tiền rất nhọc nhằn
Dù biết nó là vật ngoại thân
Nhưng không có nó thì làm sao sống nổi
Khi mình còn trong vòng ràng buộc
Kiếm tiền khó nhưng chi tiêu rất dễ
Tiền ra đi chẳng thấy quay về
Con người ta cũng thế
Ra đi biển biệt
Đọa lạc là nhiều
Người trở lại mà thắng thì có được bao nhiêu
Một khi mất khó lấy lại thân người
Phép lạ trong nhà Phật
Không phải đi trên nước
Không làm người chết sống lại được
Phép lạ là chuyển hóa con người
Từ tối tăm sang rực sáng
Từ mê muội mà trở nên tỉnh thức rõ ràng
Đạo Phật ngày nay có mặt khắp năm châu
Người con Phật giờ có đủ màu da sắc tộc
Dù khác biệt lối sống và văn hóa
Nhưng có cùng tánh giác
Thông cảm, khoan dung và nuôi dưỡng lòng từ bi
Học hỏi đôi trao để tăng trưởng trí
Người muôn vẻ nhưng cùng chung chân lý
Nhận rõ khổ, nguyên nhân khổ và con đường thoát khổ
Bát chánh đạo những con đường kiên cố
Ba mươi bảy phẩm bồ đề gồm sáu
Mỗi dòng truyền thừa có nhiều khác biệt
Có Bắc, Nam và có Tạng truyền
Nhưng thống nhất ở những điều căn bản
Đạo Phật là con đường sáng
Giúp con người tỉnh thức sống bình an
Đưa người về bến giác
Phép lạ trong nhà Phật là như thế
Mặc cho đời bàn luận khen chê
Mặt trời muôn đời rực rỡ
Tuy có đôi khi bị che chắn bởi mây mờ
Có sá chi ngăn ngại ngày giờ
Dòng thời gian vô biên và vẫn thế.*

thơ

TIỂU LỤC THẦN PHONG

Át Lăng thành, 06/2021



Bốn bà vợ quý

TN. NHƯ THỦY

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Thưở xưa, có một ông trưởng giả có đến bốn bà vợ. Thói thường người ta bảo: "Một vợ nằm giường lèo, hai vợ nằm chèo queo, ba vợ ngủ chuồng heo..." Thế nhưng ông trưởng giả của chúng ta là một người tốt số và khéo cư xử nên đối với bốn bà ông đều được thương yêu quý trọng.

Bà thứ nhất tức là bà cả ấy là người mà bố mẹ ông đã chọn và làm lễ đính hôn từ tấm bé, dù nhan sắc không diễm lệ lắm ông cũng hết dạ thương yêu, bao nhiêu thức ngon vật lạ ông đều tìm về cung cấp cho bà đầy đủ. Quần là áo lượt, bông tai phấn sáp, thứ chi cũng có. Trời vừa oi bức ông đã vội vàng quạt lấy quạt để, nửa đêm mưa gió lạnh lùng, dù bất cứ nơi đâu ông cũng vội vã tìm về để đắp chăn sưởi ấm cho bà.

Bà vợ thứ hai là người mà trưởng giả để tâm yêu dấu một cách lạ lùng. Tuy không sốt sắng quạt nong ấp lạnh như bà thứ nhất, ông vẫn quyến luyến không rời một bước. Nói đại nếu bà đi đâu vắng, ông khổ sở đến phát điên. Và có lẽ ông sẽ uống thuốc chuột mà tự vận nếu phải sống thiếu bà.

Bà vợ thứ ba tuy không được tốt phúc như hai bà trước nhưng thường cùng chồng chia sẻ vui buồn, ấm no hoạn nạn có nhau nên lâu ngày tình nghĩa cũng mặn nồng, keo sơn gắn bó.

Duy có bà thứ tư là người mà ông hờ hững nhất, dường như không ai màng đến chuyện có mặt của bà nhưng được cái tánh của bà cũng dễ dãi, ai sao mặc kệ, lúc nào bà cũng hết dạ trung thành lẻo đẻo theo ông như hình với bóng.

Ngày tháng dần qua, trăng tròn rồi khuyết. Giờ chia tay phải đến. Một hôm thấy mình không thể sống lâu hơn nữa, ông gọi các bà vợ đến bàn tính việc nhà và ngỏ ý với bà cả:

- Tấm lòng của tôi đối với bà ra sao thì ai ai cũng biết. Vậy hôm nay đến ngày từ giã cõi đời bà hãy sắp sửa hành lý để đi theo tôi... chồng đâu vợ đó.

Bà cả thân nhiên, vừa nhóch nhách nhai trầu vừa đáp:

- Nói gần nói xa chẳng qua nói thiệt, ông chết thì tôi cũng không sống nổi nhưng theo ông sang kiếp khác thì tôi không thể nào theo được. Thôi thì một miếng trầu này gọi là tiễn đưa và vĩnh biệt với ông vậy.

Sửng sốt ông trưởng giả hờn giỗi quay sang bà thứ hai:

- Còn mình, mình có theo tôi không?

Bà hai cũng đáp bằng một giọng ráo hoảnh:

- Làm sao mà theo ông được, sống chết có số mệnh và ngày giờ, lại khi ông còn đây, tôi cũng nói trước một lời: ông chết đi thì tôi cũng ở lại đây... nhưng nếu trong nhà này không còn chịu đựng tôi như lúc ông còn sống thì tôi cũng mạn phép xin ông được tìm chỗ khác mà núp bóng tùng quân, nương nhờ tấm thân liễu yếu.

Hết sức bất ngờ, ông trưởng giả lặng người giây lâu rồi quay sang bà thứ ba:

- Còn mình?

Bà ba liền sụt sịt khóc:

- Ông mất đi tôi đau lòng lắm... vợ chồng mình bao năm chia sẻ ngọt, ấm lạnh có nhau... nhưng mà đi theo ông thì tôi không thể nào theo được. Khi ông chết tôi sẽ đưa ông đến tận huyệt, rồi về nhà làm chay tuần thờ cúng ông cho đến hết đời của tôi.

Lòng buồn rười rượi, ông chồng đau khổ quay sang bà thứ tư, người vợ mà ông hết sức hững hờ và lạnh nhạt. Không đợi hỏi, bà này đã nhanh nhẩu:

- Mình yên tâm... Em sẽ theo mình đi đến bất cứ nơi đâu. Dù đó là thiên đàng hay địa ngục đi nữa.

Bạn thân mến!

Bà vợ thứ nhất là dụ cho xác thân của chúng ta, bà vợ thứ hai ám chỉ cho tiền tài của cải, bà thứ ba là thân bằng quyến thuộc của mỗi người. Duy có bà thứ tư là người có số phận hẩm hiu, hờ hững nhất là những tạo tác lành dữ của chính mình... bà này sẽ đi theo mỗi người chúng ta như hình với bóng đó bạn ơi!

(Trích *Hư Hư Lục*)

HỘI ĐỦ NHÂN DUYÊN

*Hội đủ nhân duyên dựng đạo tràng
Pháp duyên khai hoá chuyển mê trang
Dịu người lạc bước về chơn đạo
Dắt kẻ sa chân hướng thiện đàng
Giải hoá sầu đau khai trí sáng
Đoạn trừ khổ não mở tâm vàng
An nhiên tự tại vui ngày tháng
Hạnh nguyện viên tròn hương đức lan...!*

TRÚC NGUYỄN—THÍCH CHÚC HIỀN
(California, 05-03-2021)

Mến họa bài Hội Đủ Nhân Duyên
của thầy Chúc Hiền:

TU HÀNH

*Tu hành cần có một đạo tràng,
Chuyển hóa thân tâm được đoan trang,
Dịu dắt bao người đang mê muội,
Đưa đường dẫn kẻ đến thiện đàng.
Dứt trừ phiền não lên bờ giác,
Vượt thoát bờ mê đến đạo vàng.
Tu niệm gắng công theo thời khắc,
Công viên quả mãn giới đức lan...*

ĐIỀU NGỮ TỬ TÍN NGHĨA
(Mạnh xuân Tân sửu - March 06, 2021)

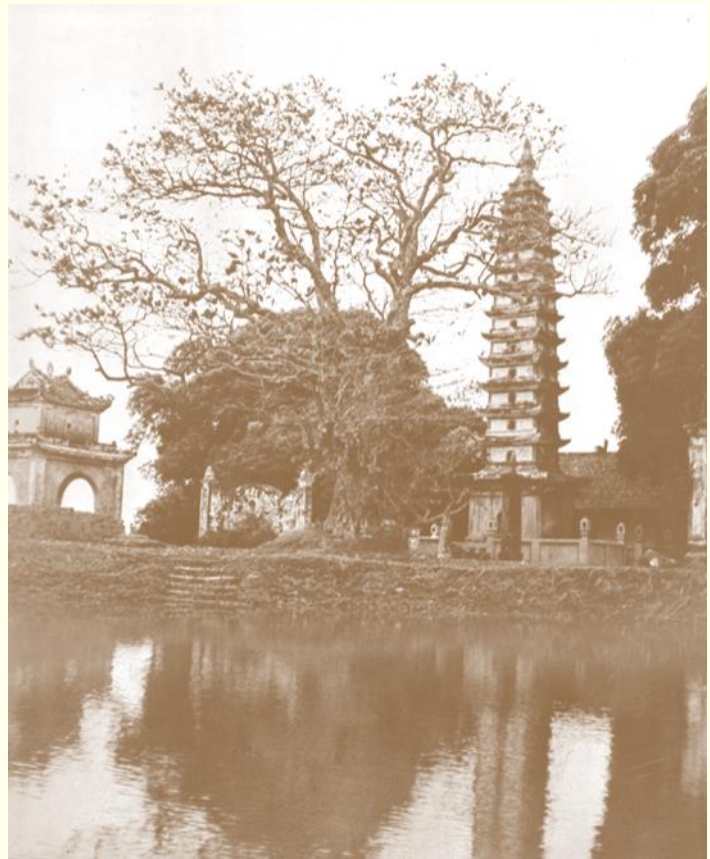
Kính đáp họa:

HUÂN TU

Thành Kính đáp họa bài: “Tu Hành”
của HT. Thích Tín Nghĩa.

*Niệm Phật trì kinh lần hạt tràng
Từng lời quán chiếu kết nghiêm trang
Trừ tà chuyển khổ xa mê thú
Mở sáng khai an hướng thiện đàng
Nhất niệm hồi quang về bến giác
Muôn đời học pháp hướng bờ an
Thân tâm hỷ lạc sâu đau cạn
Đạo nghiệp viên thành hương giới lan...!*

HẬU HỌC - THÍCH CHÚC HIỀN
(California, 07-03-2021)



thơ



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
TỔNG VỤ TỪ THIÊN XÃ HỘI
Chùa An Lạc – 5249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218 – U.S.A.
Tel.: (317) 545-1234 * (408) 329-3199

THÔNG TƯ

V/V CỨU TRỢ LƯƠNG THỰC VÀ NHU YẾU PHẨM CHO ĐỒNG BÀO BỊ ĐÓNG CỬA CHỐNG DỊCH COVID-19

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Thiên Đức Tăng - Ni,
Kính thưa Quý Đồng Hương Phật Tử,

Đại dịch Covid-19 tiếp tục lan tràn khắp thế giới với biến thể Delta, lây nhiễm nhanh gấp 2.5 các chủng loại coronavirus trước. Các quốc gia Đông Nam Á đều bị bùng phát với biến thể Delta này, và nguy cơ tử vong được tiên liệu là có thể tăng cao hơn đợt dịch Covid-19 ban đầu. Việt Nam hiện tại cũng nằm trong số các quốc gia bị lây nhiễm nhanh chóng, đã có lệnh cách ly toàn xã hội với Chỉ Thị 16 của chính phủ, đóng cửa thành phố Sài-gòn và tỉnh Bình Dương 15 ngày kể từ ngày 9/7/2021; và sẽ tiếp tục đóng cửa thêm 2 tuần nữa kể từ 0 giờ ngày 19/7 áp dụng cho 19 tỉnh thành miền Nam, cùng thành phố Hà Nội và một số tỉnh miền Trung. Đặc biệt là tại Sài-gòn trong thời kỳ cách ly, các đường phố, khu phố đều bị cấm ngặt giao thông, buôn bán, khiến hàng vạn gia đình phải lâm vào cảnh đói thiếu, dân lao động không thể đi làm, người buôn bán lẻ cũng ngưng ra đường. Chợ búa, hàng quán, tất cả cơ sở kinh doanh, công sở đều đóng. Toàn thành phố tê liệt và thiếu thốn lương thực khi việc vận chuyển rau quả, gạo và hải sản từ các tỉnh đều bị ngăn cấm hoặc giới hạn.

Trước thảm cảnh đói thiếu thê thảm và tâm trạng đầy âu lo vì đại dịch, đồng bào Sài-gòn, cũng như một số tỉnh khác chắc chắn phải chịu khổ nạn trong nhiều ngày tháng sắp tới. Do vậy, Tổng vụ Từ Thiên Xã Hội xin thiết tha kêu gọi sự đóng góp của chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử trong cũng như ngoài nước, đề cấp thời cung ứng lương thực, nước uống và nhu yếu phẩm đến tận tay từng gia đình trong vòng khốn khó.

Một số Tăng Ni trong nước đã lặng lẽ thực hiện việc cứu đói cho đồng bào khổ nạn trong những ngày qua. Nay, cán sự xã hội của Tổng vụ Từ Thiên Xã Hội sẽ liên kết với chư tôn đức Tăng Ni tại Sài-gòn và các tỉnh, tiếp tục thực hiện việc phân phối thực phẩm để đồng bào có thể cầm cự trong những ngày cách ly xã hội, không thể ra đường sinh nhai, mua bán.

Xin cùng lắng lòng, khởi Từ Bi quán, hướng về bao đồng bào khổ nạn trên quê hương.

Mọi đóng góp bằng chi phiếu, xin đề AN LAC TEMPLE hoặc HUYEN KHONG MONASTERY, gửi về một trong hai địa chỉ sau đây: 1) **Chùa An Lạc – 5249 E. 30th Street, Indianapolis, IN 46218**; hoặc 2) **Tu Viện Huyền Không - 14335 Story Road, San Jose, CA 95127**. Phần Memo xin vui lòng ghi: “Cứu trợ dịch Covid”. Mọi đóng góp của quý vị sẽ có biên nhận (receipt) với ID Tax của Chùa để quý vị có thể khai miễn thuế nếu cần.

Thành kính tri ân và cầu nguyện cho quý ngài và quý đồng hương Phật-tử vô lượng an lạc, vô lượng cát tường.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát
San Jose, ngày 19 tháng 7 năm 2021
Tổng Vụ Từ Thiên Xã Hội
Tổng Vụ Trưởng,
(ấn ký)

Tỳ Kheo Ni THÍCH NỮ NGUYỄN THIỆN

“NGHIỆP” TÁC ĐỘNG VÀO CÁI CHẾT CỦA CON NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO?

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

IV. BA GIAI ĐOẠN XUẤT HIỆN TRONG TÂM NGƯỜI SẮP LÂM CHUNG

Theo lời dạy của các bậc tôn túc, thì khi người sắp lâm chung thường có ba giai đoạn hiện ra trong tâm người sắp tắt thở. Thứ nhất là Thường Nghiệp; thứ hai là Nghiệp tướng; thứ ba là Thú tướng.

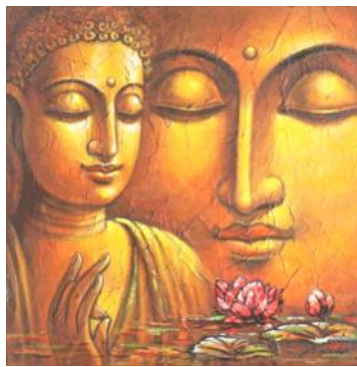
1. Thường nghiệp: Thường nghiệp nào mạnh nhất sẽ xuất hiện trong giờ phút lâm chung. Nghiệp này thúc đẩy thức đi tái sinh.

2. Nghiệp tướng: Tướng là hình ảnh. Nghiệp tướng là những hình ảnh liên hệ đến Thường nghiệp. Nếu Thường nghiệp thiện thì những hình ảnh thiện lành hiện ra trong tâm người sắp lâm chung. Chẳng hạn như người ấy thấy mình đang dạo chơi trong một rừng hoa, đang tụng kinh niệm Phật, đang đọc quyển sách hay, đang lắng nghe tiếng chuông chùa v.v... Nếu Thường nghiệp ác xuất hiện thì trong tâm người sắp mất sẽ thấy những hình tượng ghê rợn dữ dẫn chẳng hạn như thấy một hồ máu chặn trước đường đi, thấy mình lạc vào khu rừng âm u, tối tăm không biết lối ra, hay thấy những con thú dữ đang gầm gừ muốn xé xác mình v.v...

Đó là những hình ảnh xấu hay tốt hiện ra trong tâm người sắp mất tùy theo sự thúc đẩy của Thường nghiệp.

3. Thú tướng: Khi Nghiệp tướng phát sinh thì tâm thức tái sinh nắm bắt cảnh giới tái sinh tương ứng ngay trước mắt tức khắc. Thú tướng là nơi tư thức sẽ tái sinh.

Thí dụ như “Thường nghiệp lành” xuất hiện, thì “Nghiệp tướng lành” hiện ra trong tâm người sắp lâm chung, toàn những cảnh thanh nhàn u nhã, tâm người đó nhẹ nhàng, hoan hỷ, thì “Thú tướng” nắm bắt ngay chỗ tương ứng, hiện ra cảnh giới mà người đó sẽ tái sinh, có thể sinh lên Người hay được thăng thiên lên cõi Trời.



Nếu như sống trên đời, mình phạm quá nhiều tội ác, giết người hại vật. Khi sắp chết, năng lực “Thường nghiệp ác” xuất hiện, “Nghiệp tướng xấu” hiện ra những cảnh ghê rợn, khiến người sắp chết hoang mang sợ hãi. Ngay lúc đó, “Thú tướng” xuất hiện một trong bốn ác đạo mà người đó sẽ tái sinh vào đời kế tiếp.

Gặp “Nghiệp tướng” này, người sắp lâm chung rất cần sự hộ niệm của mọi người để nhắc nhở tâm thức người này nương tựa vào lời niệm Phật, lấy lại sự bình tĩnh sáng suốt mà ra đi.

Làm sao biết được hình ảnh nào xảy ra trong tâm người sắp mất? Tạm trả lời là nếu hình ảnh ghê rợn xuất hiện trong tâm thì khuôn mặt người sắp mất lộ nét sợ hãi, chứng như cứng lại không muốn chết.

Nếu hình ảnh an vui nhẹ nhàng xuất hiện trong tâm, thì nét mặt của người sắp chết lộ nét thanh thản tươi tắn, ra đi nhẹ nhàng.

V. KHI NÀO “NGHIỆP” TRỞ “QUẢ” ?

Chúng ta biết tất cả những suy nghĩ, nói năng hay hành động dù tốt hay xấu đều được cất giữ trong ký ức tạo thành Nghiệp. Tất cả những hành vi tạo tác qua thân, miệng, ý ấy chính là Nghiệp, là Nhân. Khi đủ duyên thì Nhân trở Quả. Trong cuộc sống của chúng ta Quả trở ra rất nhiều lần, có khi nhẹ, có khi nặng, có khi trở ngay trong đời này hoặc trở ở đời sau... Nghiệp được phân biệt theo thời gian trả Quả có bốn loại:

1. Nghiệp trả Quả tức khắc, còn gọi là Hiện nghiệp: Là Nghiệp gây ra trong đời này, trước sau gì cũng phải trả ngay trong đời này.

2. Nghiệp trả Quả tiếp theo: Sau khi lìa bỏ kiếp sống hiện tại, tái sinh vào kiếp tới, mới trả Nghiệp gây ra trong kiếp này.

3. Nghiệp Vô Tận: Là Nghiệp trả Quả sau kiếp tái sinh, cho đến khi chấm dứt vòng luân hồi sinh tử.

4. Nghiệp Vô Hiệu: Nếu “Nghiệp Tức

Khắc" không đủ duyên trở Quả trong kiếp này thì trở thành Vô hiệu. Nếu "Nghiệp cho Quả trong kiếp sau" không đủ điều kiện thuận lợi để trả thì trở thành Vô Hiệu. Nhưng "Nghiệp Vô Tận" thì không thể Vô Hiệu được. Nghiệp này tồn tại mãi cho đến khi chấm dứt vòng luân hồi mới ngưng.

Tóm lại, khi "Nghiệp trả Quả tức khắc" và "Nghiệp trả Quả trong kiếp tới" không đủ duyên thì chúng trở nên Vô Hiệu. Riêng "Nghiệp Vô Tận" sẽ theo chúng sanh từ đời này sang đời khác. Khi thì làm Người, khi thì làm Trời hoặc sinh ra trong các cảnh Khổ để trả nghiệp cho tới khi nào chấm dứt luân hồi. Tất cả chúng sanh đều có kho chứa Nghiệp Vô Tận này. Gặp hoàn cảnh hay cơ hội thuận tiện Nghiệp sẽ trôi lên khiến ta nhận Quả tốt hay xấu do chính ta gây ra từ nhiều đời nhiều kiếp.

VI. THẾ NÀO LÀ NGHIỆP BẤT THIỆN VÀ NGHIỆP THIỆN?

Sống ở đời thật khó mà giữ không tạo Nghiệp. Nếu không tạo Nghiệp thì chúng ta đã không sanh làm Người trong đời này. Mà cho dù sanh ở đâu? Cõi lành hay cõi dữ, thì đó cũng là cách chúng ta chết đi rồi tái sanh vào một trong các cõi đó để thọ nghiệp. Sanh cõi lành là nhờ chúng ta đã tạo nhiều điều lành. Còn sanh vào đường dữ là do chúng ta đã tạo nhiều nghiệp dữ qua thân, khẩu, ý. Có mười loại Nghiệp dữ hay Nghiệp bất thiện như sau:

- Ba nghiệp bất thiện về Thân:

1) Nghiệp sát sanh: Là giết người, súc vật và ngay cả những côn trùng bé nhỏ. Người nào giết hại một hay nhiều chúng sanh là người đó đã tạo Nghiệp ác.

2) Nghiệp trộm cắp: Là lấy bất cứ vật gì mà chủ nhân không đồng ý. Lường gạt gở làm việc, làm ít khai nhiều để ăn lương cũng là hành động trộm cắp.

3) Nghiệp tà hạnh: Là thông dâm với người không phải là vợ hay chồng của mình, hãm hại hiếp dâm người khác hay có những hành động bất chánh tà vạy đối với mọi người và ngay cả với chính bản thân mình. Ngoài ra, đánh đập người hay súc vật để thỏa mãn thú tính của mình cũng thuộc về tà hạnh.

- Bốn nghiệp bất thiện về Khẩu:

1) Nghiệp nói dối: Chủ tâm nói không đúng sự thật gây tai hại, làm mất nhân phẩm hay khiến người khác lâm vào tình trạng hiểm nguy.

2) Nói lời đâm thọc: Với mục đích gây chia rẽ người khác.

3) Nói lời hung dữ: Dùng lời hung dữ, cộc cằn, thô lỗ thóa mạ khiến người khác bị tổn thương.

4) Nói lời vô ích: Dùng lời hoa mỹ để tự tôn vinh mình, hoặc nói chuyện trên trời dưới

đất không giúp ích gì cho việc tu tập thoát khổ giác ngộ.

- Ba nghiệp về Ý:

1) Tham (lam): Có tâm muốn chiếm đoạt vật sở hữu của người khác làm của mình.

2) Sân (hận): Tâm giận dữ, thù ghét... cầu mong kẻ thù bị hãm hại, bị thương vong.

3) Si (tà kiến, xử dụng chất say): Xử dụng chất say khiến tâm không còn tỉnh táo dễ gây ra những hành động hại mình hại người tạo Nghiệp ác. Chấp tà kiến không tin Nhân Quả, cho rằng không có Nghiệp nên tự do tạo Nghiệp ác.

Ba nghiệp này chưa phải là hành vi thực hiện qua thân và lời mà chỉ là ý nghĩ xuất hiện trong Tâm. Do đó tham, sân, si được gọi là ba Nghiệp về Ý.

Trên đây là mười Nghiệp bất thiện. Ngược lại với bất thiện là mười Nghiệp lành. Đó là: 1) Không sát sanh, 2) Không trộm cắp, 3) Không tà hạnh, 4) Không nói dối, 5) Không nói lời đâm thọc, 6) Không nói lời hung dữ, 7) Không nói lời vô ích, 8) Không tham, 9) Không sân, 10) Không Tà kiến (Si).

VII. KẾT LUẬN

Chúng ta biết rằng từ vô thủy vô chung đến nay, không một người nào sanh ra đời sống mãi với thời gian. Con người là một hiện hữu nhỏ nhoi và ngắn hạn trong vũ trụ. Tuổi thọ lâu nhất của đời người dài lắm cũng chỉ hơn trăm năm đôi chút. Trong đời sống trăm luân vui buồn đau khổ này, có ai không tạo nghiệp? Tạo nghiệp thì phải chịu luân hồi tái sanh để thọ nghiệp đã gây.

Muốn thoát khỏi luân hồi sinh tử, đức Phật dạy là phải tu tập làm sạch lậu hoặc tức sạch nghiệp. Mà nghiệp đã gây ra từ nhiều đời nhiều kiếp, đến đời này nghiệp quá sâu dày làm sao xóa được? Theo đạo Phật thì chúng sanh có thể tu tập để sạch nghiệp. Đức Phật chỉ cho chúng sanh 37 phương thức tu tập để hỗ trợ cho việc đoạn trừ lậu hoặc cũng có nghĩa là làm sạch nghiệp mà chúng sanh đã gây ra, trong đó phải kể đến Bát Thánh Đạo. Tùy theo căn cơ chúng sanh chọn cho mình pháp thích hợp để tu tập.

Phương thức tu hành nào của Phật dạy cũng đều thông qua Giới-Định-Huệ.

Giới là sống đàng hoàng không gây ra những lỗi lầm hại người, mà hại người cũng chính là tự hại mình. Đó là tránh hành "Mười Nghiệp Bất Thiện" nêu trên. Cơ bản: "Siêng làm việc lành, tránh làm việc ác" tức là siêng tạo Thường Nghiệp thiện lành, tránh gây Thường Nghiệp bất thiện.

Ngoài ra Phật cũng dạy "nên giữ Ý trong sạch" nghĩa là trong tâm không khởi ý phân biệt tốt xấu hại người mà nên phát huy tâm từ bi hỷ xả đối với tất cả mọi chúng sanh với tâm tôn trọng bình đẳng.

NHẤT TÂM TU TẬP

*Nhất tâm tu tập sẽ viên thành
Trì chủ thiện duyên, duyên khởi sanh
Thiếu dục, kiệm ngôn vô chương nghiệp
Lợi danh thế tục chớ tranh giành
Gieo nhân tạo phước không cầu lợi
Hỷ xả cùng nhau cố thực hành
Quán chiếu đồng tâm theo chánh pháp
Nhất tâm tu tập sẽ viên thành.*

thơ

MỘC ĐẠC - NGUYỄN VĂN LIM

8-8-2021



Muốn đạt cứu cánh rốt ráo hành giả chọn tu theo con đường đức Thế Tôn dạy là thực hành "Bát Thánh Đạo". Muốn tu đúng, mình cần có Chánh kiến, Chánh tư duy để phân biệt chánh, tà, tức phân biệt điều thiện thì làm, điều ác thì tránh. Mình hành thiện bằng cách thực hành đúng theo Chánh ngữ, Chánh nghiệp và Chánh mạng nghĩa là mình giữ Giới, tránh gây những Thường nghiệp ác qua thân, khẩu, ý. Bên cạnh đó mình giữ Chánh niệm, khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần, giữ niệm Biết không rời về sáu trần, không để vọng niệm hiện tại xen vào khen chê, hoặc ký ức quá khứ gây phiền não, hay trí năng rượt đuổi chuyện chưa xảy ra ở tương lai. Tất cả những hành này đều là nguyên nhân gây nên Nghiệp xấu.

Ngoài việc giữ Giới trong sạch, hành giả cần tu thiền Định. Trong trạng thái Định sâu (giới thể trong sạch) các lậu hoặc sẽ bị cô lập không trôi lên. Trong trạng thái tâm trong sạch, yên lặng, định tĩnh đó... bắt chợt vọng tưởng khởi lên, hành giả lặng lẽ ghi nhận các pháp tự đến tự đi, tự sinh tự diệt, mà không phản ứng gì. Hành giả nhận thức như thật các pháp này đều vô thường, vô ngã, trống rỗng, hành giả yếm ly không dính mắc, ngay lúc đó hành giả ở trong trạng thái Định-Huệ đồng thời, tuệ tri mình thoát khổ giải thoát.

Nếu ở trong trạng thái này (Cực trọng thiện nghiệp) khi thân hoại mạng chung

hành giả không còn bị ảnh hưởng của nghiệp, sẽ sanh về các cõi Trời (Dục, Sắc hay Vô Sắc) hay cõi Người theo nguyện lực, để tiếp tục đời sống tu tập tiến hóa trên con đường tâm linh. Còn như lúc sinh thời hành giả sống theo lời Phật dạy chỉ làm những việc thiện lành tránh làm việc ác, thì Thường nghiệp lành xuất hiện thúc đẩy hành giả tái sanh đến cõi lành.

Hiện tại, chúng ta đang sống ở cõi đời tạm bợ này, tuy là người phàm phu, nhưng trộm nghĩ chúng ta cũng đã tạo nhiều phước lành ở đời trước nên đời này mới được làm người. Từ mấy ngàn năm qua, chư Tổ đã kết tập lại lời dạy của đức Phật, kinh điển ghi rõ lại những chân lý, phơi bày trọn vẹn con đường Giới-Định-Huệ để hướng dẫn chúng sanh tu tập. Con đường Giới-Định-Huệ không từ chối bất cứ một ai. Muốn bước lên con đường này để đi đến giải thoát giác ngộ hay không, là do quyết định của mỗi người, không ai ép buộc.

Chúng tôi tạm ngưng bài chia sẻ "Nghiệp Tác Động Vào Cái Chết Của Con Người Như Thế Nào?" tại đây!

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

Bài giảng trong mùa An Cư tháng 04-2021
tại Thiền Viện Chân Như, Navasota, Texas,
Hoa Kỳ.

PHẬT GIÁO TRONG THẾ GIỚI NHẠC POP

Huỳnh Kim Quang

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Có một sự kiện rất lý thú là trong Kinh Phật kể chuyện một hôm, lúc Đức Phật còn tại thế, các nhạc thần Càn Thất Bà (Gandharva) đã đến chỗ Đức Phật và tấu nhạc để cúng dường Ngài và Đại Chúng. Nhạc của những nhạc thần này hay và sống động đến độ nhiều vị đệ tử của đức Phật cũng bị lôi cuốn và đứng dậy nhảy múa theo tiếng nhạc dù chỉ là giấy lát. Sự việc này cho thấy rằng từ thời Đức Phật vào thế kỷ thứ 6 trước tây lịch âm nhạc đã xuất hiện trong các pháp hội, các sinh hoạt của thất chúng đệ tử Phật.

Càn Thất Bà là một trong 8 bộ chúng -- Trời (Deva), Rắn (Naga - mà người Trung Hoa gọi là Rồng - Long), Dạ Xoa (Yakṣa), Càn Thất Bà (Gandharva), A Tu La (Asura), Ca Lâu Na (Garuda), Khẩn Na La (Kinnara), Ma Hầu La Già (Mahoraga) -- hộ trì Phật Pháp đã được nói đến rất nhiều trong các kinh điển Phật Giáo. Càn Thất Bà là những vị nhạc thần trên cung trời của Đế Thích (Indra). Đế Thích là thiên chủ của Tam Thập Tam Thiên hay Trời Đao Lợi (Trāyastriṃśā) ở Dục Giới Thiên.



Nhạc sĩ Leonard Norman Cohen tại McLaren Vale, Nam Úc, vào tháng 1 năm 2009. (nguồn: www.en.wikipedia.org)

Tuy nhiên, truyền thống Phật Giáo xưa nay chỉ xem nhạc như là phương tiện phụ trợ trong các lễ nghi tôn giáo, tức là ở mức nhạc lễ mà không phải là nhạc để thưởng thức giải trí, bởi vì âm nhạc dễ làm cho người nghe giao động tâm và rơi vào trạng thái tham đắm, là sợi dây trói buộc con đường giải thoát.

Có điều đặc biệt nơi Phật Giáo mà các nhà nghệ thuật xưa nay rất thích thú là tinh thần khai phóng và sáng tạo của tâm thức giải thoát, tự do trong đạo Phật mà họ xem như là chất liệu hữu ích vô song giúp các nghệ nhân thăng hoa đời mình đến đỉnh cao nghệ thuật. Đặc biệt khi Phật Giáo phổ cập đến thế giới Tây Phương trong khoảng hơn một thế kỷ rưỡi nay, giới văn nghệ sĩ, mà trong đó có các ca nhạc sĩ pop đã xem như là nguồn sáng tạo quý giá đối với họ để phát triển âm nhạc.

Trong phần tổng luận của tác phẩm "Essays in Zen Buddhism" của Suzuki do Trúc Thiên dịch sang tiếng Việt với tựa đề "Thiền Luận," Suzuki viết về cốt tủy của Thiền như sau:

"Thiền, cốt yếu nhất, là nghệ thuật chiếu kiến vào thể tánh của chúng ta; nó chỉ con đường từ trần phược đến giải thoát. Đưa ta đến uyên nguyên của cuộc sống uông ngậm nước đầu nguồn, Thiền cởi bỏ tất cả những gì ràng buộc chúng ta, những sinh linh hữu hạn, luôn luôn quần dưới ách khổ lụy trong thế gian này. Ta có thể nói Thiền khai phóng tất cả năng lực nội tại và tự nhiên tích tập trong mỗi người chúng ta, nguồn năng lực ấy, trong hoàn cảnh thường, bị co rút lại, và vụn tẻo đi, đến không vùng thoát đâu được.

"Thật vậy, thân thể ta có thể ví như một cục "pin" điện, trong ấy tiềm phục một năng lực huyền bí. Khi nguồn nội lực ấy không được vận dụng đúng cách thì, hoặc bị mốc meo mà mai một, hoặc nghịch biến mà phát loạn. Nên đó là chủ đích của Thiền, nhằm cứu ta hoặc khỏi khủng khiếp, hoặc khỏi tàn phế. Tôi muốn nói tự do là vậy, mở thông tất cả nguồn kích động đầy sáng tạo và từ hòa ấp ủ

trong con tim chúng ta.”

Chính nguồn năng lực mà Suzuki nói đến là nguồn mạch sáng tạo mà các văn nghệ sĩ muốn khai phá để giúp họ thăng hoa trên con đường nghệ thuật. Đây cũng là lý do dễ hiểu tại sao Phật Giáo lại có ảnh hưởng đối với văn học nghệ thuật mà trong đó nhạc pop là một bộ phận.

Nhạc pop là gì?

David Hatch và Stephen Millward trong tác phẩm "From Blues to Rock: an Analytical History of Pop Music" [Từ Nhạc Blues Tới Nhạc Rock: Lịch Sử Phân Tích Của Nhạc Pop] được Nhà Xuất Bản Manchester University Press tại Manchester ấn hành vào năm 1987, nơi trang 1, định nghĩa nhạc pop là "thể loại âm nhạc có thể phân biệt rõ ràng với nhạc phổ thông, nhạc jazz, và nhạc dân gian." Trong khi đó, Pete Seeger thì cho rằng nhạc pop là "nhạc chuyên môn dựa trên nhạc dân gian và âm nhạc mỹ thuật," theo John Gilliland trong tác phẩm "Show 1 - Play A Simple Melody: Pete Seeger On The Origins Of Pop Music" được thu âm lưu giữ tại Thư Viện Đại Học North Texas. Còn nhà nghiên cứu âm nhạc David Boyle trong bài viết "Factors Influencing Pop Music Preferences of Young People" được đăng trong Tạp Chí Journal of Research in Music Education, thì nói rằng nhạc pop là bất cứ loại nhạc nào mà con người đã trình diễn bằng phương tiện truyền thông đại chúng. Do đó, thuật ngữ "nhạc pop" có thể được sử dụng để mô tả một thể loại riêng biệt, được thiết kế để thu hút tất cả mọi người, thường được mô tả là "nhạc ghi đĩa dành cho thanh thiếu niên" trái ngược với nhạc rock là "nhạc thu vào album dành cho người lớn," theo S. Frith, W. Straw, và J. Street trong tác phẩm "The Cambridge Companion to Pop and Rock" được NXB Đại Học Cambridge ấn hành.

Theo nhạc sĩ Bill Lamb trong tác phẩm "What Is Pop Music?" được ThoughtCo xuất bản năm 2018, nhạc pop được định nghĩa như là "âm nhạc kể từ khi kỹ nghệ hóa vào



Nhạc sĩ Laurie Anderson trong một lần trình diễn. (nguồn: www.lionsroar.com)



Nhạc sĩ Tina Turner đang tụng "Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh." (nguồn: www.lionsroar.com)

thập niên 1800s phù hợp nhất với thị hiếu và sở thích của giai cấp trung lưu thành thị." Thuật ngữ "bản nhạc pop" lần đầu tiên được sử dụng vào năm 1926, trong ý nghĩa một bộ phận của âm nhạc "thu hút công chúng," theo Từ Điển Oxford English Dictionary. Theo D. Hatch và S. Millward trong tác phẩm "From Blues to Rock: an Analytical History of Pop Music," thì nhiều sự kiện trong lịch sử ghi lại trong thập niên 1920s có thể được thấy như là sự ra đời của kỹ nghệ nhạc pop hiện đại, gồm nhạc quê hương, nhạc blues, và nhạc vùng núi.

Theo The New Grove Dictionary of Music and Musicians, thuật ngữ "nhạc pop" bắt nguồn tại Anh Quốc vào giữa thập niên 1950s để mô tả nhạc rock and roll và các loại nhạc mới dành cho thanh thiếu niên mà nó ảnh hưởng. Theo Từ Điển Oxford Về Âm Nhạc, "ý nghĩa ban đầu của nhạc pop là các hòa nhạc lỗi cuốn nhiều khán thính giả ... kể từ cuối thập niên 1950s, tuy nhiên, nhạc pop đã có ý nghĩa đặc biệt của nhạc không cổ điển, thường trong hình thức các bản nhạc, được trình diễn bởi các nghệ sĩ như The Beatles, The Rolling Stones, ABBA, v.v..."

Từ khoảng năm 1967, thuật ngữ "nhạc pop" ngày càng được dùng trong ý nghĩa ngược lại với thuật ngữ nhạc rock, sự phân chia có ý nghĩa chung cho hai thuật ngữ. Trong khi nhạc rock mong muốn sự chân thực và mở rộng các khả tính của âm nhạc phổ thông, nhạc pop ngày càng thương mại, mong manh và dễ tiếp cận hơn.

Lời của các bản nhạc pop hiện đại thường tập trung vào các chủ đề đơn giản - thường là tình yêu và những mối quan hệ lãng mạn - dù cũng có các ngoại lệ đáng để ý, theo S. Frith, W. Straw, và J. Street trong tác phẩm "The Cambridge Companion to Pop and Rock" được NXB Đại Học Cambridge ấn hành.

Có lẽ vì tính đơn giản mà các ca nhạc sĩ pop dễ bắt gặp với tinh thần buông xả vô chấp của Thiền Phật Giáo.

Ảnh hưởng của Phật Giáo lên nhạc Pop

Các nghệ sĩ nhạc pop đã và đang phối hợp nhiều chủ đề Phật Giáo, như sống trong từng khoảnh khắc và đau khổ được tạo ra bởi lòng tham và dục vọng kể từ khi nhạc pop ra đời, theo www.lionsroar.com cho biết.

Tuy nhiên, một số ngôi sao nhạc pop đã đưa sự gắn bó của họ với Phật Giáo lên các cấp độ mới. Laurie Anderson và phu quân của bà là Lou Reed phản ánh giáo pháp mà họ nghiên cứu trong tác phẩm về sau này của họ, và nhà thơ/ca sĩ Leonard Cohen đã thực hành Thiền nghiêm túc vào những năm chín mươi.

Hỏi một người nào đó về Phật Giáo và âm nhạc hiện đại thì bạn hầu như chắc chắn sẽ nghe nói về bản nhạc nổi tiếng năm 1992 của k. d. Lang (Kathryn Dawn Lang), với lời bản "Constant Craving" [Khao Khát Không Thôi] nói về luân hồi. Ngay cả các Phật tử không biết Lang là một hành giả tinh tấn cũng có mối tương quan.

"Tôi nghĩ Phật Pháp đã là một phần của tôi, trong đời này, kể từ trước khi tôi tìm ra vị thầy của mình," theo Lang cho biết. "Khi tôi gặp Lạt Ma Gyatso Rinpoche, tôi tức thì cảm thấy có sự tương quan và mộ đạo, và rồi đã cống hiến 10 năm sau đó, cho đến khi thầy viên tịch. Tôi vẫn tiếp tục hiến dâng "cuộc đời" của tôi cho Phật Pháp."

Nói đến ảnh hưởng của Phật Giáo đối với âm nhạc mà không nói đến Adam Yauch của the Beastie Boys là thiếu sót. Trong những năm 80s, The Beastie Boys nổi tiếng nhờ sức mạnh của các nhạc phẩm của nhóm nay "(You Gotta) Fight for Your Right (To Party)" và "Brass Monkey." Tuy nhiên, vào những năm 90s, âm nhạc của nhóm nhạc rap này hướng về tâm linh với các bản nhạc như "Shambala" và "Boddhisattva Vow" [Bồ Tát Nguyện]. "Khi tôi phát triển tâm tình thức tôi tán dương chư Phật vì các Ngài tỏa sáng," theo nhạc sĩ rap Yauch viết trong nhạc phẩm sau này. "Kính trọng Ngài Tịch Thiên và tất cả những vị khác/những vị đã mang giáo pháp tới cho các anh chị em." Yauch đã mời chư tăng từ Tây Tạng thực hiện chuyến đi Lollapalooza. Ông đã thành lập Quỹ Milarepa Fund, một tổ chức ủng hộ cho sự độc lập của Tây Tạng. Khi Yauch qua đời vì bệnh ung thư ở tuổi 47, người phát ngôn cho Đức Đạt Lai Lạt Ma đã trích thuật lời Ngài nói rằng, "Adam đã giúp chúng tôi nâng cao ý thức về hoàn cảnh của người Tây Tạng bằng việc tổ chức các buổi hòa nhạc tự do cho Tây Tạng và ông ấy sẽ được Đức Đạt Lai Lạt Ma người dân Tây Tạng nhớ đến."

Trong thế giới âm nhạc, câu chuyện xảy ra như thế này: Ở tuổi trung niên, sau cuộc đời rượu, đàn bà và chữ nghĩa, Leonard Cohen đã từ bỏ âm nhạc và trở thành một tu



Ban nhạc Beatles, 1969

sĩ Phật Giáo. Sự thật phong phú hơn một chút. Vào những năm 70s, Cohen bắt đầu đến Trung Tâm Thiền Mount Baldy Zen Center. Sau khi nghiên cứu Thiền Tông nhiều năm, Cohen đi xuất gia vào những năm 90s, với tên Jikan có nghĩa là "sự im lặng thánh thiện." Tuy nhiên, Cohen đã trở lại với công chúng sau thời gian sống ẩn dật, được cảm hứng bởi thời gian ông ở tại trung tâm Thiền. Chủ đề Thiền cũng xuất hiện trong thơ của Cohen, đặc biệt trong cuốn sách của ông "Book of Longing."

Giống như Leonard Cohen, hành trình đến với Phật Giáo của "Nữ Hoàng Nhạc Rock 'n' Roll," Tina Turner đã bắt đầu trong những năm 70s và đi sâu hơn từ đó. Không ngạc nhiên, phần nhiều mối tương quan của huyền thoại R&B với Phật Giáo qua âm thanh - đặc biệt, tụng "Nam-myoho-renge-kyo" (Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh), sự tu tập chính của Phật Giáo Nhật Liên Tông và Hội Phật Giáo của Turner là Soka Gakkai International. Khi được hỏi về cách nó làm cho cuộc đời khó khăn trở thành tốt đẹp hơn, Turner trả lời rằng, "Tôi cảm nhận an lạc với chính mình, hạnh phúc hơn tôi đã có từ trước tới giờ, và nó không đến từ vật chất. Thực hành việc tụng Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh thật lâu đã đưa tôi vào một khung cảnh tâm thức khác, để ngay cả khi tôi không thực hành một ngày hay một tuần, tôi vẫn cảm nhận hạnh phúc. Nhưng tôi thực hành. Việc tụng niệm làm cho bạn dễ chịu bởi vì nó loại bỏ những thái độ tinh thần không thoải mái."

Trải qua nhiều hình thức âm nhạc - từ nhạc thính phòng cổ điển tới nhạc disco rồi nhạc đồng quê và tới nhạc pop - Arthur Russell coi thường sự phân loại, nhưng một sợi dây liên tục xuyên qua nhạc phẩm của ông ấy có thể là sự thực hành Phật Giáo của Russell. Russell đã nghiên cứu Kim Cang Thừa Phật Giáo theo sự hướng dẫn của Yuko Nonomura. Rod Meade Sperry đã nói chuyện với Steve Knutson của Audika Record về

cuốn album "Iowa Dream" của Arthur Russell sau khi qua đời trên Podcast của Lion's Roar.

Một nghệ sĩ khác lấy cảm hứng từ Phật Pháp là RZA (Robert Fitzgerald Diggs) của nhóm nhạc rap huyền thoại, Wu-Tang Clan. Từ bản phát hành có tính bước ngoặt của nhóm Enter the Wu-Tang (36 Chambers) tới các bản nhạc phim của ông ấy (Kill Bill, Ghost Dog), sự sáng tạo của RZA có vẻ vô hạn. "Khi tôi ở Trung Quốc tôi đã xem tất cả các vị Phật khác nhau này," RZA phản ánh khi ông nói với Lion's Roar. "Tôi thấy một vị Phật bực. Tôi thấy vị Phật đứng phổ biến. Tôi thấy vị Phật khóc. Tôi thấy vị Phật say. Và nó đánh động tôi như một khai thị rằng những vị Phật này là những phương tiện khác nhau để đạt tới giác ngộ."

Các nghệ sĩ nhạc pop khác nữa như Boy George, Courtney Love, Belinda Carlisle, và Duncan Sheik, cũng như nữ ca sĩ Phoebe Snow, cũng đã thực hành Phật Giáo Nhật Liên Tông. Nhạc sĩ Devendra Banhart thực hành Phật Giáo Tây Tạng. Kaia Fischer của ban nhạc Rainer Maria cũng là một Phật tử của Phật Giáo Tây Tạng.

Cả một thế hệ mới của các nghệ sĩ nhạc pop đang quay về Phật Giáo. Các nhạc sĩ rap trình diễn dưới biệt danh "không có gì, không ở đâu" đã nói với tạp chí Fader vào năm 2018 rằng, "Trong Phật Giáo, Pháp là quà tặng của bạn mà bạn có thể tặng cho thế giới - các năng khiếu và tài năng độc đáo của bạn. Âm nhạc và việc viết nhạc là Pháp của tôi." Còn nữa, Earl Sweatshirt phát biểu trong một cuộc phỏng vấn gần đây để trở lại với Phật Giáo Nhật Liên Tông sau khi trải qua những năm vị thành niên không thực hành. Vào năm 2017, Bustle đã giới thiệu Nitty Scott, một rapper Phật tử kỳ lạ tạo ra nhiều làn sóng trong làng hip hop. Vào thời gian cô thu âm album thứ hai của cô, cô đã khám phá Thiền Phật Giáo. Cô nói rằng, "Sự thực tập [Thiền] đem bình an tới cho tôi."

Một nhạc sĩ hip hop khác khám phá sự bình an và hướng dẫn trong Phật Giáo là Born I. "Tình dục, âm nhạc, và tôn giáo - những thứ này tương tác nhau không ngừng trong các nhạc phẩm của tôi," theo rapper và cũng là nhà sản xuất nhạc cho biết. "Có một phần giáo pháp trong mọi thứ mà tôi làm."

Born cảm thấy rằng hạnh phúc thực sự như thế là điều mà mọi người nên có, và anh cố gắng thời gian của mình trong nhiều cách, gồm việc dạy thiền cho trẻ em. Anh cũng nghĩ âm nhạc của mình có thể gây cảm hứng cho một nhóm người bị bỏ quên. "Tôi muốn tiếp cận với khán thính giả ít được tiếp cận nhất - những người đã bị từ chối như là 'phần tử phạm tội' hay những người bị ruồng bỏ. Tôi muốn nói với họ rằng, 'Tôi ở đó với các bạn. Tất cả chúng ta cùng ở trong cuộc đời này'."



*Nhạc sĩ Born I ngồi thiền trong lúc trình diễn.
(nguồn: www.lionsroar.com)*

Giống như Born I, Merrill Garbus của Tune-Yark dùng sự thực hành Phật Giáo của cô để giải quyết vấn đề khó khăn trong bằng nhạc mới trình làng của cô, "I Can Feel You Creep Into My Private Life" [Tôi Có Thể Cảm Thấy Bạn Len Lỏi Vào Cuộc Đời Riêng Tư Của Tôi]. "Phật Giáo cố gắng lắng kính kỳ diệu này qua điều mà chúng ta có thể nhìn sự trong trắng và công bằng chúng tộc với chủ đích hướng tới lòng từ bi đối với mình và người - hướng tới sự giải thoát cho tất cả," theo Garbus phát biểu trong một cuộc phỏng vấn với Lion's Roar vào năm 2018.

Trong nhiều năm gần đây, những chủ đề Phật Giáo hay những giai thoại đặc biệt về Phật Giáo đã xuất hiện trong lời nhạc của những nhà viết nhạc được kính trọng như Chạy John Misty và Nick Cave. Trong nhạc phẩm "Leaving L.A.," Misty đã bắt gặp ma quỷ trong Phật Giáo. Trong nhạc phẩm "Hollywood," Cave khai thác câu chuyện của Kisa muốn chế ngự sự đau khổ gây ra bởi cái chết của người con trai. "Kisa đi đến núi và hỏi Đức Phật," theo bài hát. "Con của con bệnh, Đức Phật dạy đừng khóc / Hãy đi tới từng nhà và thu thập hạt cải / Nhưng chỉ từ căn nhà mà không có ai chết."

Trải qua nhiều thập niên làm việc đầu tắt mặt tối, ca sĩ và cũng là nhạc sĩ Glenn Copeland cuối cùng đã tìm được sự thăng hoa thú vị trong lãnh vực nhạc pop và sử dụng âm nhạc của mình để chuyên tải trí tuệ Phật Giáo. Nhạc sĩ Phật tử Da Đen này được xem là người tiên phong của thời đại mới điện tử với cuốn album "Keyboard Fantasies" ra đời vào năm 1986 của ông. "Đối với tôi, Phật Giáo là hành động, không phải lý thuyết," theo Copeland cho biết. "Mục tiêu của tôi là tạo ra một hoàn cảnh sống có thể mang đến và duy trì tình trạng hạnh phúc tuyệt đối, cho dù ở giữa niềm vui hay nỗi đau khổ. Cách bạn tương tác, dựa vào điều kiện cải tiến đó, là hành động. Mọi người đều có nhiệm vụ riêng của mình."

Huyền Kim Quang



THU VỀ

Mây chiều tháng Bảy lập lòe trời,
Góc nhỏ đêm về vẫn lặng cõi...
Quanh quẽ Người xa niềm khó đối,
Trăm tư dạ nã cánh hoang bồi.
Quê nghèo mấy thuở thâm bao nỗi,
Gạo hẩm nhiều lần khổ khúc nôi.
Mãi hỏi chưa đền... xua thế vội!
Khi nào đáp trọn!... cả đời tôi...

NỖI NÀO VỜI

Thu về nhớ Mẹ chẳng hề vơi,
Lấy đức thâm gieo giữa cảnh đời.
Cũng khó sai lầm ham mỗi lợi,
Chưa từng giận dữ để tình lời.
Dù đang thiếu, chữa than sâu hời!
Dẫu vẫn nghèo, chùn xót khổ ơ?
Trách nhiệm gia nương nên sống bởi,
Giờ đây cháu chắt thâm ơn Người.

THÁNG BẢY VỀ

Mây mùa tháng Bảy nổi tuôn về
Vẳng Mẹ trong đời cảnh mãi thê
Những buổi chiều lên ngòi tựa ghé
Bao thời ngày lụn lợi triển khê
Gian nan ngấm cả chưa hề kể
Lặn đận suy cùng chữa trách chê
Vạn chuyện nọ người không khó để
Hàng nương lối xóm nhận thân kê.

TRƯA HÈ

Thương Người gánh nặng giữa hè trưa!
Lặn đận truân chuyên nói chẳng vừa.
Lại nhẫn duyên hôn nên khổ tựa,
Còn mang kiếp nợ lây đau lừa.
Bình thường cuộc sống không niềm vừa,
Nghịch ngã trần gian vốn phận thừa.
Giã biệt đời này qui Phật cửa,
Bao giờ trả hết những ân xưa...

XA NGƯỜI

Xa Người mãi mãi cháu con trông!
Dưỡng dục ân thâm quận nổi lòng.
Hạ trắng khoai ngô quang gánh lộng,
Đông buồn ruộng rẫy tấm lưng cong.
Tiêu điều bốn vách nhà đang hồng,
Vẳng lặng tí phương dáng vẫn không.
Cũng ngấm duyên xưa nay nghiệp cộng,
Nhưng rồi lại quanh ả niềm hong.

8/2021

thơ MINH ĐẠO

TRỞ VỀ MỤC LỤC

CÀ CHUA

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Vì có nhiều hương thơm lạ và vị hơi chua nên cà chua có thể nấu nhiều cách khác nhau với nhiều loại thực phẩm.

Người Âu châu lại khám phá ra cà chua từ Trung Mỹ châu vào thế kỷ thứ 16, rồi sau đó cà chua được di dân từ châu Âu mang đến Hoa Kỳ.

Ngày nay, cà chua được trồng khắp nơi trên thế giới và là một trong những loại rau trái được trồng nhiều nhất. Mùa thu hoạch cà chua cho phẩm chất tốt nhất là đúng vào thời gian nóng của những tháng hè. Vào các thời điểm khác, cà chua thường nhạt hơn nên nhiều người dùng thay thế bằng cà chua hộp.

Vào mùa hè, cà chua được hái chín trên cây và đưa ra thị trường. Mùa đông, cà chua được hái khi còn xanh và có thể để lâu. Khi mang bán, cà chua xanh được xịt chất ethylene để có màu đỏ nhưng cà vẫn còn cứng và cần được cất trong tủ lạnh cho khỏi hư.

Cà chua chế biến

Cà chua có thể được chế biến để dành dưới nhiều dạng:

- Cà chua đóng hộp để dành dùng quanh năm. Cà chua này thường có nhiều muối và cung cấp nhiều năng lượng.

Để tránh ngộ độc, cà chua hộp cần được nấu kỹ trước khi ăn và loại bỏ những hộp phồng lên vì có thể bị nhiễm loại vi khuẩn *botulinum* rất độc.

- Cà chua phơi nắng hoặc sấy khô, gói riêng hay với dầu ăn.

- Cà chua dưới dạng bột nhão đã được nấu chín, loại bỏ bớt nước, thêm gia vị.

- Nước sốt cà chua là cà được nấu sơ qua, loại bỏ bớt nước, thêm gia vị.

- Nước cà chua đóng hộp cũng rất thông dụng và đều được khử trùng bằng sức nóng.

Các loại nước sốt chế từ cà chua như (*ketchup, chili sauce, pasta sauce*) thường có thêm nhiều đường, muối và dầu béo nên rất hấp dẫn khi ăn.



Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Mua và để dành

Khi mua, lựa trái cà tròn hay bầu dục, cầm nặng tay, nắm thấy chắc chứ không nhũn nước.

Ăn ngay thì lựa trái chín đỏ. Muốn để dành vài ngày thì lựa trái hơi vàng.

Cà chín cần cất trong tủ lạnh còn cà xanh có thể để ngoài phòng cho mau chín.

Cà chua đỏ có nhiều sinh tố A hơn cà chua xanh, nhưng cả hai loại đều có giá trị dinh dưỡng như nhau.

Muốn cà mau chín mùi, cho cà chua vào túi giấy chung với vài

quả táo.

Có nhiều loại cà chua: loại cherry tomato màu đỏ hoặc vàng, nhỏ bằng đầu ngón chân cái rất tiện làm xà lách; grape tomato nhỏ con; green tomato vỏ còn xanh, vị cay rất tốt khi rán, đút lò (broiling); beefsteak tomato rất lớn, tiện lợi khi thái mỏng làm bánh mì kẹp hoặc để nướng; teardrop tomato nhỏ, giống trái lê; vine tomato trái to, thường được hái khi đã chín trên cây nên có nhiều hương vị thơm ngon.

Thành phần dinh dưỡng

Cà chua có nhiều chất xơ ở vỏ và hạt, nhiều sinh tố A, sinh tố B, folate và rất nhiều sinh tố C ở phần chất lỏng chung quanh hạt.

Một quả cà chua cỡ trung bình chỉ có 25 calori nhưng có chứa trong đó 20mg sinh tố C và 360mcg sinh tố A dưới dạng *beta carotene*.

Tác dụng trị bệnh

Ngoài công dụng như một thực phẩm, cà chua cũng có vài tác dụng tốt trong việc phòng ngừa bệnh tật.

Nghiên cứu tại đại học Harvard cho hay đàn ông ăn cà chua bốn lần một tuần có thể giảm nguy cơ ung thư nhiếp tuyến tới 20%, và cà chua nấu chín dường như có công hiệu hơn cà chua sống. Sự kiện này được giải thích là nhờ có chất *bioflavonoid*, tương tự

như *beta carotene*, có trong cà chua.

Cà chua có chất *lycopene*. Kết quả nhiều nghiên cứu tại Hoa Kỳ, Do Thái, Ý cho thấy chất này có khả năng làm giảm các rủi ro gây ra ung thư phổi, đường tiêu hóa. Quan sát cho hay số dĩ dân chúng sống ở Hawaii ít bị ung thư bao tử, dân Na Uy ít bị ung thư phổi vì họ ăn nhiều cà chua.

Đã có một thời, dân Pháp coi cà chua như có tính kích thích tính dục và gọi cà chua là Pommes d'Amour.

Có điều chắc chắn là cà chua có nhiều kali nên rất tốt cho người cao huyết áp phải uống thuốc lợi tiểu, mất kali.

Vài tác hại của cà chua

Một số ý kiến nghi ngờ rằng cà chua có thể làm tăng nguy cơ viêm khớp xương, nhưng điều này chưa được xác nhận.

Thực tế thì cà chua có thể gây chứng nhức đầu ở người quá mẫn cảm với chất *solanine* có trong cà chua.

Cà chua cũng là một trong nhiều thực phẩm gây dị ứng.

Một hóa chất khác trong cà chua cũng gây ra chứng khó tiêu và ợ chua ở bao tử. Ngoài ra, ta cũng nên

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức M.D.
www.bsnguyenyduc.com



THIỆN TỊNH SONG TU

*Cùng là con cháu Đức Như Lai
Nương bóng từ bi học đạo màu
Bấy lâu mong ước tìm chân lý
Nay thỏa căn duyên rõ đạo thiên
Phàm Thánh xưa nay đồng một thể
Ngô-mê, chân-vọng cũng tâm đây
Sáng tối tọa thiền tâm thanh tịnh
Di Đà không quên niệm hồng danh
Tham, sân, si, ái sanh tử mãi
Thiền - Tịnh song tu dứt luân hồi.*

MÃI TUNG BAY

*Nhớ nắng hanh vàng, ngọn gió may
Cõi trần ai tình với ai say
Quên lãng trò đời dù đen, bạc
Vui cùng đạo vị lắng hồn cay
Cửa Thiên rộng mở ta bước tới
Bát-nhã Tâm Kinh quá sức hay
Dẫn dắt kẻ mê thành người trí
Đôi nhìn Chánh Pháp mãi tung bay.*

TRÍ CAO THANH

*Nâng cao tình bạn đẹp như tranh
Nổi tiếng là người tâm chí thành
Thơ phú vịnh ngâm cao vẻ quý
Ngọn bút tài hoa khắp làng văn
Thấy đời ngang trái vung ngòi thép
Nghe chuyện bất bình nắn bút hoa
Ý mơ theo bước bao người trước
Mộng muốn tung bay chắp cánh, càn
Lý tưởng vì đời ươm trái ngọt
Đáy người chủ bút trí cao thanh.*

thơ **DIỆU VIÊN**

BÁNH CHUỐI HẤP NƯỚC CỐT DỪA

Nguyên liệu:

- ♦ 10 quả chuối tây chín
- ♦ 1 kg dừa nạo (khoảng 2 cân), vắt với nước ấm được khoảng 400ml (khoảng 1 1/2 chén) cốt dừa, hoặc 1 lon nước cốt dừa
- ♦ 250 g (khoảng 2 chén) bột năng
- ♦ 100 g (khoảng 3/4 chén) bột gạo
- ♦ 200 g (khoảng 1 1/2 chén) đường cát vàng
- ♦ 1 ống vani
- ♦ Một ít muối
- ♦ Vừng rang thơm
- ♦ 1 chén hạt trân châu khô
- ♦ Phẩm màu thực phẩm màu vàng (tùy chọn)

Thực hiện:

- ♦ Chuối bóc vỏ, thái lát ngang.
- ♦ Lấy 3 bát nước hòa bột năng, bột gạo, 1 chút xíu muối, đường vàng, vani, 1 giọt màu thực phẩm vàng (tùy thích) hòa cho tan hết nguyên liệu.
- ♦ Cho những lát chuối thái vào bát bột, khuấy đều lên.
- ♦ Chuẩn bị hai cái khuôn, thoa dầu ăn xuống đáy khuôn để khi bánh chín lấy ra được dễ dàng.
- ♦ Đổ hỗn hợp chuối bột vào khuôn, chỉ đổ mỏng thôi khoảng 2 – 3 cm, nếu bạn muốn đồ dày cũng được nhưng bánh sẽ lâu chín một chút. Đặt khuôn bánh vào nồi hấp trong 30 – 40 phút, thỉnh thoảng lau nước bám trên mặt vung để nước không rò xuống đọng ở mặt bánh.



Trong lúc chờ bánh chín chuẩn bị nước cốt dừa.

- ♦ Nước cốt dừa sau khi đã bóp từ dừa nạo thì cho thêm 2 thìa bột năng, 1/2 thìa cà phê muối và 2 thìa đường vào. Đặt lên bếp đun lửa vừa cho hỗn hợp sôi và sánh lại.
- ♦ Bạn cũng có thể dùng lon nước cốt dừa pha với 1 bát nước, đường và 2 thìa bột năng rồi cũng đặt lên bếp đun đến khi sánh lại là được. Nhưng nhớ nêm nêm lại vì đôi khi lon cốt dừa đã có vị ngọt sẵn.



- ♦ Ở bước này bạn cũng có thể cho thêm hạt trân châu khô, chân hạt trân châu khô đến khi chuyển thành trong suốt thì vớt ra, ngâm vào nước lạnh. Đun nước cốt dừa xong thì cho trân châu này vào.
- ♦ Bánh chuối hấp đến khi bột trong, đông lại, xăm đũa vào thử thấy không bị dính là được. Tắt bếp lấy bánh ra, để nguội rồi lấy ra khỏi khuôn.
- ♦ Xắt miếng chuối hấp vừa ăn, xếp vào đĩa, chan nước cốt dừa lên, rắc vừng rang hoặc lạc rang giã dập và thưởng thức.

Mẹo vặt:

- ♦ Nên chọn trái chuối vừa, tròn, vỏ mỏng, vỏ chín vàng đều, không bị nhũn, giập.
- ♦ Chuối ngọt thanh, có độ dẻo, dai hơn các loại chuối khác nên làm bánh sẽ ngon hơn.
- ♦ Ăn chuối giúp cho não phần chần hơn, chuối còn là "vị thuốc" có tác dụng làm sạch ruột và dạ dày, phòng chống táo bón.

(N.D. tổng hợp)



Truyện Cực Ngắn

HOÀNG LONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

GIỮ LẠI

*Để gửi một chút tình
cho bé Bơ*

Sau một hành trình mỏi mệt, anh nhận thấy rằng dòng sinh mệnh thực ra chính là những đoạn ký ức rạc rời chắp vá lại trong cõi u mê. Trên dòng thời gian cứ mãi chảy trôi, con người ta dần tàn tạ. Thêm vào bao nhiêu biến cố từ riêng tư đến hoàn cảnh xung quanh mà sự hao mòn và tàn phá có thể sẽ đến nhanh hơn. Nhìn lại một quãng đường dài, ta không thể nào nhớ hết được những vụn vặt mỗi ngày hay những niềm đau kéo lê suốt tháng năm. Ta chỉ chọn lọc được cho mình những khoảnh khắc đẹp đẽ, những biến cố thật thiết đốn đau và những nỗi niềm riêng tư nhất để mang theo như hành trang đi tiếp trên con đường thiên lý, mịt mù và thăm thẳm. Mỗi một cuộc đời ta kinh qua như một trang giấy trắng và chúng ta lưu dấu lên đó những điều ta muốn giữ lại. Đó có thể gọi là bản sắc cuộc đời với những mảng màu duy nhất riêng biệt. Sau hàng ngàn năm, hóa thân vào bao nhiêu cuộc đời khác, những tờ giấy trắng đầy ghi chú đó dần dày lên thành một quyển sổ u mê. Vì ta đã lựa chọn những điều giữ lại và mang theo nên những điều đó lại tiếp tục được mang theo và giữ lại trong kiếp đời khác. Và rồi tập tích tàn dư đó của nghiệp lực lại đưa ta chọn những lối mòn tưởng như mới lạ mà không ngờ ta đã đi qua. Và như thế biết đâu ta



sẽ gặp lại được người mà ta đánh mất trong một kiếp đời xưa cũ. Ta lại gọi đó là định mệnh và định mệnh con người bắt buộc phải như thế. Bất cứ lựa chọn nào cũng là u mê, dù trong phù du khoảnh khắc nhưng nghiệp lực dẫn lối đã tự ngàn năm. Anh có thể làm gì khác được? Nếu chọn con đường ngộ đạo, không đi con đường nhân gian tình lụy thì sao trọn thân phận con người? Sống là phải nếm trải đủ mọi đốn đau, thăng hoa tận tuyệt, dám yêu dám hận, cười trên đầu sóng ngọn gió, cười giữa tàn phai. Còn bằng tất hết mọi cảm xúc và khát vọng, như cây khô và tro tàn thì cuộc đời đó thật vô vị. Anh không quan tâm đến giác ngộ. Anh chỉ tập trung sống trong hiện tại, với cuộc đời mình sao cho tuyệt mỹ. Vì thế anh tự mình lựa chọn những điều anh mang theo và lưu giữ, đồng thời từ bỏ tất cả những điều không phù hợp với bản thân mình. Anh biết mình u mê và chủ động chọn lựa những đoạn tình u mê đó. Sau vài ngàn năm

nơi góc biển chân trời, khi tha phương ngộ cổ nhân anh có thể mỉm cười cảm khái rằng xưa có kẻ đại khờ, mãi sống trọn niềm đau hận của đời người để không hối tiếc. Dù rằng sau đó là một cõi trầm luân... À thì mình lại tiếp tục chọn lựa niềm u mê trong cõi trầm luân trên hành trình ngàn năm thiên lý.

Sài Gòn, ngày 5/4/2021

TRỞ LẠI

Trong những đêm dài, nỗi nhớ thường quay trở lại. Một thoáng chút dịu êm của tháng năm khiến niềm đau không còn nức nở quặn thắt mà day dứt, xót xa và sau đó là sự thanh thản của chấp nhận cảm tạ. Ta đâu biết làm gì khác được với điều ngoài tầm tay với nếu không phải là thả lỏng buông xuôi? A, vậy vùng của tuổi trẻ. Điều đó đã qua lâu lắm rồi. Cuộc đời đầy những chuyện ta không thể nào giải quyết hay tự nó có thể giải quyết mà không cần gì đến ta. Anh còn lại hiện tại và con đường mình đã đi qua. Những luống hoa vun xới bên đường đã bắt đầu nở thắm, những cây trái bắt đầu tỏa hương. Nhưng cùng lúc xác thân anh đã nhúc nhủ, tâm hồn anh bắt đầu chai sạn, nụ cười chua chát và khuôn mặt đầy những nếp nhăn. Và những sai lầm ngày trẻ tuổi đôi khi quay trở lại thành những chướng ngại vật bất ngờ. Anh đón nhận trái ngọt và hương thơm cùng lúc với mặt

đăng và men cay. Thật là cân bằng cho cuộc thế. Anh chấp nhận thản nhiên, từng bước từng bước đi qua từng ngày. Chỉ là đôi khi, có những quang cảnh kéo lê những niềm đau nỗi nhớ trở lại với thoáng tiếc nuối khôn nguôi. Cũng như cảnh hoàng hôn vụn vỡ như nhau mà vẫn gợi lên bao nhiêu cảm xúc khác biệt cùng biển thiên thán năm thay đổi. Cũng là một con người đó, mấy mươi năm trước trẻ thơ này đã trở thành người đầu bạc lặng lẽ ngắm nhìn vầng mặt trời đỏ rực từ từ hạ xuống chân trời. Và rồi anh quay đầu nhìn lại con đường mình đã đi qua, cũng vẫn còn đó trái ngọt hoa thơm cùng với mặt đăng men cay dâng đầy trong tâm khảm. Chiều nay vẫn còn bình yên. Ngày mai liệu có điều gì quay trở lại của những tháng năm xa, của những ngày trẻ dại? Và cùng điều đó, đóa hoa nào sẽ nở, trái nào sẽ mọc trên mặt đất này? Anh không biết và cũng không muốn biết. Anh sẽ đón chờ hoa trái của ngày mai cũng đón chờ những dấu vết hoang đường tuổi dại. Hai vai và hai chân anh nhờ thế mà có sự cân bằng cần thiết để tiếp tục bước đi vững vàng trên mặt đất, xa mãi về phía chân trời.

Sài Gòn, ngày 4/5/2021

TU SỬA

Qua những đêm dài khó ngủ, anh biết thời của mình đã qua và mình cần phải học cách im lặng. Cơ thể anh cũng cần được nghỉ ngơi, tâm hồn càng cần an tĩnh. Thế nhưng nhịp sống náo động suốt bao nhiêu năm với những cố gắng vùng vẫy không ngừng đã trở thành một thói quen khó bỏ. Sức nặng của tháng năm chong chóng khiến cơ thể anh mỏi mòn và không kham nổi những khát khao thời trẻ tuổi. Anh biết mình đã già và cần học cách ẩn dật. Nhưng phải bắt đầu từng chút một. Cũng giống như đi trám lại hàm răng, đắp thêm một vài mảnh răng sứ cần phải đi đến nha sĩ nhiều lần, mỗi lần đo niềng làm mẫu gắn thử rồi mới gắn chặt vào mảnh răng vỡ; anh cũng bắt đầu đo lường lại sức khỏe, tuổi tác kinh nghiệm của mình để bắt đầu tu sửa. Vấn đề là cần thay đổi thói quen hay nói cách khác là tạo thành một thói quen mới là nhẫn nại, im lặng và buông bỏ. Công việc này vô cùng khó khăn. Xông pha tên đạn giữa sa trường chỉ cần lòng hăng hái và dũng cảm nhưng biết rút lui về bảo toàn danh dự còn cần thêm cả trí tuệ và sự khôn ngoan. Anh biết mình còn nhiều mê muội. Nhưng cũng may là anh có lòng kiên nhẫn để lặng lẽ cố gắng mỗi ngày.

Việc khó khăn nhất là nằm bắt bản chất vấn đề để ra quyết định anh đã làm được. Giờ chỉ còn việc kiên trì thực hiện nữa mà thôi. Và dần dà anh vui mừng trong lặng lẽ vì thấy mình đã kiên trì được. Khi ngắm buổi hoàng hôn buông xuống rực rỡ trong điều tàn, anh kiêu hãnh trong âm thầm vì thấy mình sống đẹp, đã biết dừng cảm để rút lui. Ngoài kia bao nhiêu kẻ già nua gân cổ cãi nhau vì điều vặt vãnh, bao người căng thẳng chỉ vì chút hư danh. Có kẻ đâm chém nhau chỉ vì chút sĩ diện hão. Có kẻ vì tiền mà hàng ngày đem rao bán tất cả những điều thiêng thần. Và trái đất cứ xoay đều đều trong sự bao dung vị tha vô biên của bàn tay Thượng đế nào sáng tạo. Anh cảm thấy biết ơn vì mình đã sống qua được những thời khắc khó khăn và dần dần đi đến tuổi già để có thể chiêm ngưỡng trọn vẹn vẻ đẹp của cuộc đời tha thiết, sống với từng mỗi cảm động đơn sơ. Cũng như một người có thể dành hết thời gian trong ngày để thấy được vẻ đẹp tinh khôi của ngày mới, vẻ hùng tráng lúc ban trưa và kiêu hãnh đẹp để lúc chiều tàn để cuối cùng có thể cảm tạ mình đã sống một cuộc đời viên mãn.

Sài Gòn, ngày 12/5/2021



RANH GIỚI

Phải rất nhiều năm với bao nhiêu lần vấp ngã, anh mới hiểu được có những điều không nên biết, có những nơi tuyệt đối không được bước chân vào. Dù cảnh đời không thuần trắng đen mà cứ xen kẽ nhau và đôi khi xám tối. Cho nên tâm cảnh cũng vừa là tiên cảnh vừa là ma cảnh. Những vùng đời san sát nhau như không có ranh giới nào cả và nhiều khi một bước hụt chân cũng làm sảy

chân hổ thẳm, không biết đến khi nào mới có thể bước lên. Có những vũng lầy một khi bước vào không thể nào thoát thân được nữa. Anh phải tự thiết lập ranh giới cho chính mình. Để làm được điều đó, đầu tiên anh phải cố gắng hiểu mình tưởng tận, biết rõ mình thuộc về nơi nào và không được phép đi đâu. Anh xây dựng một thế giới trong vùng hiểu biết hạn hẹp của chính mình. Khi phải bước xa, anh cẩn thận dò đường và chằng một sợi dây đánh dấu. Sợi dây tuy nhỏ bằng sợi tóc nhưng lại là đường biên giới ngăn chặn mọi hiểm nguy xâm nhập gọi lên do nhiều cơn bốc đồng tùy hứng và đôi khi là cả sự hiểu kỳ của anh. Đôi lúc anh có chút chán chường với những điều quen thuộc nhưng điều đó qua đi rất nhanh. Cái còn lại chính là sự biết ơn ranh giới và sự tự chủ của chính mình. Sợi tóc tuy nhỏ nhưng bền chắc, nắm khâu lấp giữa những vùng xám đen lẫn lộn. Nhưng nhờ đó anh luôn biết được đường đi của mình, không bao giờ sa chân vào những vùng xa lạ, đầy cám dỗ nhưng cũng nguy hiểm chết chông. Những chuỗi ngày buồn tẻ kéo dài của lo toan thường nhật mang đến cho anh niềm ủi an êm dịu của nhân sinh. Dù gì chân anh cũng đã mỏi, đi con đường nào bằng phẳng một chút cho an vui, có thời gian thư thả mà ngắm cảnh sắc đời biển đổi như ráng mây chiều. Những vết thương tuổi trẻ đã có thời gian lành lặn và hồi phục lại, những thành tích anh đạt được vẫn còn trong ký ức thời gian, lưu trữ trong từng trang văn câu chữ. Anh sai những bước chân ung dung men theo lối về của riêng mình được đánh dấu bằng những sợi dây tơ mảnh. Căn nhà cùng ấm trà chiều đang chờ đợi. Khói tỏa bay lên mái nhà, mang theo chuyện xưa như khói, không thể nói bằng lời bay khuất vào ánh hoàng hôn.

Sài Gòn, ngày 24/5/2021



NĂNG VỀ SUỐI ÁM ĐỊA CẦU

*Năng vượt thời gian vượt không gian,
Năng soi tỏ muôn ngàn tinh tú,
Năng tỏa sáng một vùng vũ trụ
Ánh năng từ vô thủy vô chung.*

*Năng xóa tan màn đêm u tối
Năng ân cần sưởi ấm muôn nơi,
Năng mang ánh sáng niềm vui,
Năng về tô điểm cho đời hân hoan.*

*Năng bình minh ánh vàng rực rỡ.
Năng chính là sự sống năm châu,
Năng về suối âm địa cầu,
Năng gom hơi nước nhiệm màu đỏ đây.*

*Năng làm mưa thấm cỏ cây.
Năng đem mưa đỏ hồ đầy nước trong,
Năng là ánh sáng muôn năm,
Năng là sự sống triệu ngàn sinh linh.*

*Đất-Nước-Gió-Lửa nguồn điện năng vô tận,
Tất cả đều do trời đất tạo ra,
Dòng sinh linh muôn loại ở một nhà.
Vạn sự sống đều bắt nguồn từ một.*

*Trời và đất ơn cao không kể siết,
Sự sống này là ơn nghĩa vô biên,
Mặt trời cao và trái đất mẹ hiền,
Tình thương ấy xin dâng lên Đất Mẹ.*

thơ THỤC UYÊN

Âm Trầm Tuệ Sỹ

ĐẶNG TIẾN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tuệ Sỹ là bậc danh sĩ cao tăng, đã trọng nhiệm nhiều chức vụ trong hàng giáo phẩm Phật giáo Việt Nam. Trong và ngoài nước nhiều người biết danh và ái mộ, qua những trầm luân mà ông chịu đựng non nửa thế kỷ, chúng tôi không nhắc lại nơi đây, vì ai muốn truy tìm thì rất dễ.

Tuệ Sỹ còn là nhà thơ, nhiều người biết danh, nhưng ít người được đọc, vì thơ ông ít được phổ biến. Mới đây, trong nước, nhà xuất bản Phương Đông đã ấn hành tập thơ *Những điệp khúc cho dương cầm*, song ngữ Việt-Pháp đối chiếu, do Dominique de Miscalut, nữ họa sĩ người Pháp, chuyển ngữ và trình bày, minh họa, bà gọi là “*biểu cảm đồ họa*” (expressions graphiques). Trang bên trái là văn bản Việt-Pháp nối tiếp, trang bên phải là hình cách điệu nhà sư đang lướt ngón tay trên phím dương cầm.

Sách gồm 23 bài thơ ngắn, trình bày trên 53 trang, khổ vuông 21 x 21 cm, giấy tốt, in đẹp và trình bày trang nhã.

Điều đáng mừng là độc giả Việt Nam và thế giới có dịp tiếp cận với thơ Tuệ Sỹ, trong niềm đồng cảm nhân loại, qua thi ca và nghệ thuật. Trong lời tựa, bà De Miscalut kể lại:

“Tôi được hạnh ngộ với Tuệ Sỹ và người thân từ mùa xuân 2003.

Chúng tôi đã học tập phơi trải và trao đổi hai thế giới, diễn dịch những cảm xúc, đồng thời là dẫn thân. Tôi không phải Phật tử cũng không phải kẻ tu hành, lại không biết tiếng Việt, nhưng thơ Tuệ Sỹ thì đã gặp đâu đó tại châu Âu già cỗi. Đó chẳng phải là những khoảng hư không mà các tác gia thần bí đã trải nghiệm? Kinh nghiệm phiêu du trong bóng đêm và tĩnh lặng, cũng như những tâm hồn khắc khoải, vô vọng truy tìm lời giải đáp cho những hy sinh, dù tự nguyện hay cưỡng chế?”

Bà tiếp xúc với thơ Tuệ Sỹ nhờ việc lược dịch của một người Pháp được Tuệ Sỹ duyệt lại.

“Tôi cố gắng nắm bắt nội dung qua những hình ảnh, và không gian sống của Tuệ Sỹ như tôi được trông thấy và đã khai thị cho tôi. Tôi chọn những từ ngữ và ảnh tượng đơn giản nhất, đã giản lược và tất cận tối đa thi pháp để tập trung vào cuộc phiêu lưu thần bí của nhà sư mệt mỏi vì đời sống và những truy tìm vô vọng...”

Vô vọng hay không, vẫn là câu hỏi. Buông thả theo dòng đời.

Dương cầm và tịch lặng là thần giao giữa hai lục địa giữa chúng tôi.

Nơi đây không còn là hoài cảm hay xúc cảm, mà là phân tích khô khan cõi dừng dừng.

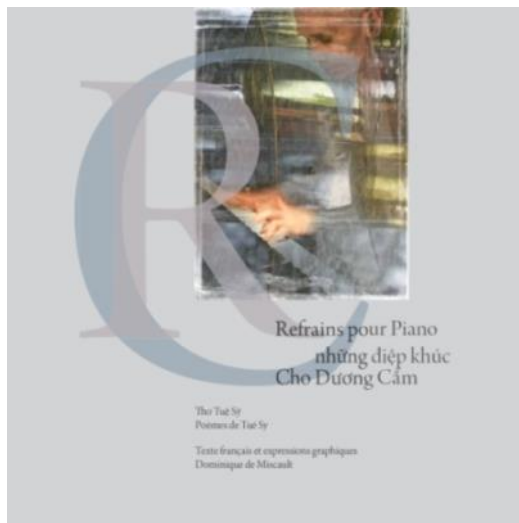
Tôi hân hoan được tiếp tục chia sẻ, và trong dài

lâu tính nhẹ nhàng tuyệt đối của đời sống.”

Bài tựa này đã được Hạnh Viên dịch ở trang 7, tôi dịch lại để đóng góp.

Một cơ duyên khác, là với kỹ thuật điện tử hiện đại, toàn bộ công trình của TS – Dominique de Miscalut và nhà xuất bản Phương Đông được đưa lên lưới, để người đọc, Việt hay ngoại quốc, khắp năm châu bốn biển đều có thể thưởng lãm. Năm mươi trang giấy không phải là công trình to tát gì, nội dung cũng không phải chuyên khai sơn phá thạch, nhưng là một sự kiện văn học, như cơn gió bất ngờ đưa đóa lan rừng ra ánh sáng.

Tuệ Sỹ không phải là người tìm danh vọng, nhất là bằng thi ca. Ông không tìm độc giả, tìm tri kỷ, tri âm. Ông thừa nội lực để sống an nhiên trong tịch lặng giữa cõi ta bà. Nhưng thơ ông xuất hiện như vầng trăng ra khỏi đám mây, như mùi hương bông sứ chợt thoảng vào vườn khuya, là một niềm vui chung, và cho người lữ khách ngồi lại bên



đường, buổi chiều, “cười với nắng một ngày sao chóng thế... đỉnh đá này và hạt muối đó chưa tan,” câu thơ ngày xưa của ông mà Bùi Giáng hết lời ca ngợi.

Thơ, thơ gì đi nữa, thì trước tiên phải là ngôn ngữ. Ngôn ngữ của ai đi nữa thì cũng mang sử tính. Thơ thiên sư làm bằng ngôn ngữ hàng ngày vẫn vang âm xã hội và lịch sử.

Ví dụ bài cuối:

Giăng mộ cổ

Mưa chiều hoen ngần lệ

Bóng điều tàn

Huyền sử đứng trơ vơ

Sương thấm lạnh

Làn vai hờn nguyệt quế

Ôm tương đài

Yêu suốt cõi hoang sơ.

Ý nghĩa chính xác của bài thơ là gì ta không nên giải thích chân phương. Nhưng từ ngữ thì rõ ràng là trầm tích đầu thương của con người trong lịch sử. Bà De Miscalut dịch hay và thoát. Tôi vẫn táy máy dịch lại xem như góp một nốt đàn vào bản hợp tấu:

Sur les tombes antiques

La pluie du soir se confond en larmes

Des mythes illusoires

En ruine esseulés,

La bruine givre

Les épaules meurtries de laurier

Serrant la statue

J'aime ô que j'aime les espaces innocents

Trầm tích lịch sử còn dư vang rõ hơn trong bài này;

Ngoài biên cương

Cây cao chói đỏ

Chiến binh già cổ mộ

Nắng tắt chiến trường

Giọt máu quạnh hơi sương

(Tr. 34)

A la frontière

Le grand arbre rougeois

Le soldat vieillit sur la tombe antique

Le soleil éteint la bataille

Le sang se condense en rosée.

Thơ gì, thơ ai, thơ nước nào, trong ngôn ngữ vẫn là một thứ ngoại ngữ; người đọc một bài thơ trong tiếng mẹ đẻ là đã dịch bài thơ ấy ra ngôn ngữ của riêng mình. Gọi là tiếng lòng.

Trong nghề dạy học và việc bình luận văn chương tôi có đôi kinh nghiệm về việc dịch thuật và thông ngôn này. Gặp những bài thơ Tuệ Sỹ việc giảng luận có phần trắc trở. Ngôn ngữ vẫn là ngôn ngữ chung là tiếng Việt, nhưng tương quan giữa người nói và lời nói thì khác nhau. Khi Tuệ Sỹ viết đầu đó “*Áo màu xanh không xanh mãi trên đồi hoang*” thì ông không chỉ nói về màu áo, cũng không nói về ngọn đồi, mà phản ánh tâm linh trong một thế giới khác. Đưa lời thơ Tuệ Sỹ vào ngôn ngữ thể tục e dễ thành

dung tục.

Thơ bao giờ cũng phản ánh ba tính cách: môi trường xã hội trong lịch sử; ngôn ngữ trong những biến chuyển với thời đại; và tác giả, qua đời sống hàng ngày; nhưng ở Tuệ Sỹ đời sống hằng ngày, ý thức và vô thức dường như đã thăng hoa, thành một siêu thức. Ngôn ngữ do đó cũng siêu thoát, khó bề lý giải chân phương và đơn phương.

Đầu thế kỷ XX giới văn học tây phương đưa ra khái niệm “thơ thuần túy,” và nghệ thuật nguyên chất theo nghĩa của hóa học: thực thể nguyên chất đối lập với những thực thể tạp chất “impur,” có lẫn lộn nhiều ngoại tố. Nghệ thuật nguyên chất là kiến trúc của ngôn ngữ: một đạo khúc dương cầm, một tranh tĩnh vật, một bài thơ đẹp. Người thường thức không pha lẫn vào đó những kỷ niệm, buồn vui riêng tư, nhất là những thành kiến lịch sử, chính trị. Yêu một chân dung phụ nữ không phải vì nó hao hao giống một người bạn cũ.

Trong nghệ thuật, dân tộc là một tạp chất.

Tôi nghĩ khi Tuệ Sỹ đặt tên *Những điệp khúc cho dương cầm*, và làm những bài thơ mô tả tiếng dương cầm, là ông muốn cho tiếng thơ mình trong trẻo, thuần khiết “*trong như tiếng hạc bay qua*.” Do đó, bình giải thơ Tuệ Sỹ là tạo cơ nguy gây tạp âm không phải lẽ và không phải lúc. Bài viết này vẫn mang tạp âm là ngoài ý muốn của chúng tôi.

Lấy một ví dụ ngoài lề, cho thông thoáng. Nhà thơ Phạm công Thiện, thời trẻ, có lúc tu tại một Phật Viện Nha Trang. Một hôm anh về chơi với nhà văn Võ Hồng, ở lại mấy hôm, khi về Chùa, anh có thơ:

Mưa chiều thứ bảy, tôi về muộn

Cây khế đôi cao trở hết bông.

Anh tâm đắc thường đọc cho chúng tôi nghe, và chúng tôi hiểu đại khái, nhưng chứng hững khi nghe Phạm Công Thiện, mười năm sau, tự dịch câu thơ ra tiếng Pháp:

Je suis le Retour

Il fait Tard sur le Chemin

Sept jours après la pluie tombe

En haut

du Temple

L'arbre est le

Défleuri

Chúng tôi đã hiểu chung chung: thứ Bảy là trước Chủ nhật, cây khế là cây khế, ngọn đồi là ngọn đồi, nhưng qua bản dịch tiếng Pháp, thì nội hàm câu thơ không phải chỉ có vậy.

Nhưng nghĩ cho cùng, ai làm sao hiểu hết một câu thơ, kể cả tác giả?

Và cách tiếp cận thơ Tuệ Sỹ của bà De Miscalut biết đâu là cách hay nhất, như câu tiếng Pháp không biết của ai “*la voix du cœur est la voie au cœur*”: *lời trái tim là lối đến con tim*.

Đọc thơ Tuệ Sỹ. Bằng trái tim. Nỗi Nhớ
Màu tối mù lan vách đá
Nhớ mênh mông đôi mắt già từ
Rời đi biệt
Để hồn trên đỉnh gió
Ta ở đâu?
Cánh mộng phù du
(Tr. 18)

Les ténèbres envahissant les pierres du mur
Immense le souvenir des regards de nos adieux

Et je m'en vais à jamais
Délaissant les chagrins aux cimes de l'ouragan
Où suis-je?
Frêles sont les ailes de l'éphémère
Tình người:
Ta sống lại trên nỗi buồn ám khói,
Vẫn yêu người từ khoảnh khắc chiêm bao
Từ nguyên sơ đã một lời không nói
Nhưng trùng dương ngưng đọng cánh hoa đào

Nghe khúc điệu rộn ràng đôi cánh mồi
Ví yêu người ta với bắt trời sao.
(Tr. 50)
Sur mes chagrins enfumés, je revis
L'Amour des hommes à chaque instant de mes songes

Dès l'origine la parole a été retenue
Comme l'océan retient le reflet du printemps en fleur
Des refrains animent mes ailes épuisées
Pour l'Homme, j'ouvre mes mains au firmament étoilé

Trần thế:
Theo chân kiến
Luồn qua cụm cỏ
Bóng âm u
Thế giới chấp chùng
Quãng im lặng
Nghe mùi đất thở
(Tr. 46)

Traces de fourmi
Je faufile entre les herbes
Ténèbres des ténèbres
Les mondes s'amoncellent
Silences entre silences
J'accueille la terre respirante.

Thơ Tuệ Sỹ cô đúc, hàm súc, uyên áo. Người đọc không quen cho là khó hiểu, vì tác giả không đề cập đến một đề tài nào chính xác, không miêu tả không tự sự. Ngôn ngữ lấp lánh ánh sáng tâm cảm và ngoại giới, trầm tư và huyền mộng. Hình ảnh chấp chùng, ngôn từ lão đạo, như những tiếng dưng cầm đuổi bắt nhau, chưa kịp tương phùng đã muôn đời vĩnh quyết.

Thình thoảng, người đọc cảm thấy an tâm trong đôi lời thơ mạch lạc:

Cửa kín chòm mây cuốn nẻo xa
Ngu ngơ đêm chữ, mắt hoa nhòa

Tay buồn vuốt mái tờ hương rã
Phảng phất mưa qua mấy cụm nhà
(Tr. 26)

Người Thơ hé mở một thoáng tâm linh, nhưng hình ảnh vẫn mang tính cách tượng trưng, xa cách, xóa nhòa tâm sự cá nhân, pha loãng tình riêng vào làn mưa trên mái ngói.

Đôi khi người đọc gặp vài từ ngữ, ẩn dụ trở đi trở lại như những ám ảnh, tạo nên dăm viên đá cuội trên lộ trình câu bé tí hon, nhưng dễ gì tìm được heo hút đường về.

Ngoại giới biết đâu là ảo giác:
Bóng sao đêm dài với vợ
Thật hay hư, chiều nhỏ ứ phiền
(Tr. 10)

Và thơ, tập thơ mình cầm trong tay, những nốt nhạc, những hàng chữ "đen trắng đuổi nhau thành ảo tượng." Thơ, tất cả thi ca trên cõi trần này biết đâu chẳng là ảo giác của ảo giác?

Cần gì để nói thêm về *Những điệp khúc cho Dương cầm* của Tuệ Sỹ?

Phải chăng là tiếng ve sầu chung thủy, ưu hoài những mùa hạ đã ra đi?

Tiếng ve trở về,
Khóc mùa hè mà khô cả đại dương

(trích trang Đăng Tiến www.Art2all.net)



NHỚ TÍM

Loay hoay ngày tím thư buồn
Nỗi cô đơn đọng
Lạch nguồn sông xa
Mắt xiêu thành quách,
Hồn hoa
Một thương tím thuở
Hoa cà chiều vương
Cỏ bò thơm
Một dòng Hương
Ngày nghiêng nghiêng nắng
Quanh vườn tím dăng
Nhớ buồn, tím thâm
Quanh sân
Mắt sau khuôn nón,
Gió lân la về?
Tìm gì như có...
Bùa mê
Chiều bên thành quách
Môi... đề nụ thơ!
Tìm theo nhau,
Đến bây giờ?
Một khung trời nhớ
Bất ngờ... Huế xưa!...



VIẾT Ở AN KHÊ

mấy chặng mưa phùn mấy chặng hoa
đường lên dốc xuống lạnh tím da
sím mưa cười cợt ta trong gió
bùn quánh lên người như... son pha!

cứ mãi mù mưa lả chả mưa
mây sững chờ mai phơi nắng trưa
ghé thăm bạn cũ làm thầy giáo
cắm rễ ở buôn người Gia Rai.

bạn chưa... đóng khoá hút thuốc tẩu
da đã xanh màu rêu với... thông
bạn chưa có vợ người bán xứ
mà ché mà chiêng treo ở phòng.

lúc xưa bạn mộng giang hồ... xứ
nên nỏ với gùi dăm mũi tên...
ừ để coi chơi tay cầm phấn
mai một về xuôi nuôi chí bền!

trò chuyện chưa bưa rượu cạn bầu
mà mưa từng chập cứ không đâu
học trò mấy đứa nhìn qua cửa
thương bạn thương trò ở vùng sâu...

NHỮNG QUẢ SÁU

Những quả sáu lăn tròn trên met nhà quê
Và lặng yên kiếp đời nơi lỗ chỗ lỗ thủng
Quả xanh thế có nằm mơ hy vọng
Ai đón? Ai đưa? Ai bế em về?

Những quả sáu ngọt chua môi hồng thiếu nữ
Thảo thơm trong bát canh rau muống của người
Trong lọ pha lê ngủ say men đường rất ngọt
Số phận đẩy đưa sau mỗi môi cười.

Những quả sáu những quả sáu tôi gặp
Lỡ buổi chợ chiều thưa vắng người mua
Những quả sáu sau những bon chen thâm dân...
bầm dập
Vàng hiu giọt nắng cuối mùa

Những quả sáu lăn lóc vệ đường kia
Làm tôi chua cả chiều...

MÙA THU... XANH

Khi giọt mưa đầm đìa lăn qua những ngón tay
Tách cà phê màu nâu non bàng bạc trắng
Mùa trông vắng,
Sài Gòn mưa bay, mưa bay...

Khi hàng me đã xanh màu trở lại,
Em vào trường áo trắng tóc xanh
Cái nắng thấm vào mưa hoang hoải
Lá tâng tâng, hạt mưa rơi nhanh!

Mùa thu Sài Gòn đôi mắt em xanh
Xanh của lá, xanh của mưa...rất lạ
Nụ hôn một hôm, cuối đường...vội vã
Môi em xanh, và má em xanh?

Sài Gòn mùa thu, mùa thu Sài Gòn
Những trái chôm chôm, bòn bon, trắng, đỏ
Chỉ những chiếc lá non,
Xòe ra xanh ngắt mùa!

Em áo xanh. Hạt mưa cũng xanh...

thơ

TRẦN HOÀNG VY

Truyện cực ngắn

STEVEN N.

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



CHẠY DỊCH

Khi dịch bùng phát ở đất Mễ trời Âu, người nhà sản xứ quờn mừng rỡ, cứ như là để quốc đến ngày tàn, trên dưới ngông cuồng:

- Dưới ánh sáng của đỉnh cao trí tuệ và sự chỉ đạo thiên tài của triều đình, không có giặc nào mà ta không thẳng, nhằm nhò gì dịch! Thế giới phải học hỏi kinh nghiệm chống dịch của ta!

Thế gian vốn vô thường, sự đời thay đổi liên miên, chẳng mấy chốc dịch bùng phát mạnh ở xứ quờn. Bấy giờ dân chúng bị khốn đốn vì giới nghiêm, triều đình chống dịch bằng khẩu hiệu, mệnh lệnh và những lời sáo ngữ:

- Chống dịch như chống giặc, dùng tinh thần đánh để quốc để chống dịch, mỗi nhà là một pháo đài, mỗi người là một chiến sĩ diệt dịch...

Dân ngụ cư ở thành đô bế tắc đành đồng loạt kéo về quê, những dòng người dài dằng dặc trên đường. Có ai đó cảm thán:

- Xưa chạy giặc về thành đô, nay từ thành đô chạy dịch về quê.

Chạy dịch thê thảm vậy mà nào đã yên, có những địa phương ngăn chặn không cho



về. Hàng ngàn người không có đường tới cũng chẳng còn nẻo lui, vật vạ dọc đường cái quan. Trên mạng thiên hạ đọc thấy lời than:

- Thân phận dân xứ quờn, sống chết ở tay người, chạy đến chạy đi chẳng biết về đâu!

THANH THỦY BẰNG SƠN

Năm ấy quốc gia xảy ra pháp nạn, tăng tín đồ bị bách hại, chùa chiền bị khủng bố dữ dội, bao nhiêu máu lệ đổ ra, tang thương cùng khắp. Có một người vị pháp thiêu thân, trước khi thực hiện người ấy đã viết tâm thư gửi cho đồng tham đạo hữu:

- *Phật đạo tử bị
Không sợ hiểm nguy
Đuốc tuệ sáng trí
Thức tỉnh cuồng si*

Sự kiện chấn động cả thế giới, làm thức tỉnh nhiều người xưa nay vốn không có cảm tình với đạo. Cũng may pháp nạn sớm vượt qua. Hàng Thích tử gác lại mọi quan điểm khác biệt, bỏ qua những khúc mắc xưa nay để cùng ngồi lại lập ra một hội đồng thống nhất con cháu của đức Thế Tôn. Thầy được suy tôn làm pháp chủ. Kỳ giả có người cảm mộ ân đức của thầy, y viết:

TỊNH TỰ THANH THỦY
TÂM KHÔNG BẠO LA HÒA
HỢP TỬ CHÚNG DUNG
LƯỢNG LỤC HÒA TĂNG
NHÂN BỘ TÁT

KHIẾT TỰA BẰNG SƠN
TRÍ SÁNG VÔ BIÊN PHƯỚC
HUỆ NHỊ NGHIỆM TỊNH
THÔNG NGŨ GIÁO PHÁP
CHỦ MINH SỰ.

TÁNH NGHE

Đại chúng có người thưa:
- Bạch thầy, chúng con thường nghe những tử: Bồ đề, tánh giác, Phật tánh, tánh thấy, tánh nghe... Toàn chữ Nho, chúng con hồng hiểu gì hết.

Thầy cười:

- Đứng thế, đứng thế!

Nói xong mấy tử thầy im lặng một lát, đại chúng ngờ ngác. Bấy giờ thầy mới bảo:

- Khi tôi nói thì đại chúng nghe, khi tôi im, đại chúng có nghe không?

Mọi người đồng thanh:

- Chúng con không nghe

Thầy lại cười:

- Quý vị sai rồi, tôi nói hay không nói quý vị cũng đều nghe cả, ngay khi nói say quý vị vẫn có thể nghe kia mà! Già, trẻ, nam, nữ, tây, ta... ai cũng vậy, thậm chí động vật cũng nghe như thế, tuy nhiên vì cái nghiệp báo thọ thân mà cái nghe và dụng cái nghe của mỗi loài khác nhau.

Có người mắt sáng lên:

- Đó là tánh nghe phải không thầy?

Thầy gật đầu nói thêm:

- Cái thức khi nó qua mắt, tai, mũi... thì nó hiển thành tánh thấy, tánh nghe...

TÁI SANH

Ông thầy hấp hối, đồ đệ tăng tục vây quanh khóc lóc buồn thương, bất chợt ông thầy hồi dương ngồi bật dậy, quở:

- Chiếc xe chạy nhiều rồi, giờ hồng học cũ kỹ nên bỏ đi để lấy xe mới, hà cứ gì phải

khóc lóc?

Đại chúng có người biện bác:

- Chắc gì lấy lại được xe mới? Nhiều khi rã ra sắt thép làm cuốc xuống, kiếng làm ly, cao su nấu chảy làm nhựa đường...

Ông thầy khen:

- Chí lý, hoàn toàn đúng thế! Bởi vậy Phật mới dạy "Nhân thân nan đắc", một mai mất thân người thì rất khó lấy lại, cũng như cái xe kia, một khi rã xác chắc gì làm lại y xe mới. Nhưng luân hồi sanh tử là việc không thể dừng khi chưa chứng đắc! Khóc có ích gì, chỉ tổ làm cho thân thức kẻ ra đi thêm phiền!

Đại chúng hỏi:

- Vậy chúng con phải làm gì bây giờ?

Ông thầy cười khàn:

- Cứ làm những việc cần làm ngay bây giờ, tu phước chớ quên tu huệ, huệ mới cứu nổi chúng ta!

MỪNG GÌ

Bang chủ cùng bộ sậu lên ti vi mặt mày tí tởn phờ phơ khoe:

- Nhờ sự chỉ đạo thiên tài sáng suốt của ta và triều đình nên tốc độ kinh tế phát triển cao nhất địa cầu, xuất khẩu hàng trăm tỉ mỹ kim.

Bọn truyền thông thổi ống đu đu đu theo. Bọn theo voi hít bã mía hò ca ầm ĩ:

- Xuất khẩu tăng trưởng đầy ấn tượng, trình độ sản xuất hàng điện tử, kỹ thuật cao rất hoành tráng, cứ đà này thị chúng ta sẽ đặt cả châu A dưới gót giày của mình...

Có một anh Tây ba lô du lịch bụi sống đã lâu năm ở đây, tiếng bản ngữ anh rành sáu câu như người số vọng cổ. Anh ta viết trên mạng xã hội:

- Cho mượn đất giá rẻ, chủ đầu tư sản xuất và xuất khẩu thì tiền vào túi họ, hổng biết mấy ông mừng gì?

Bạn anh tây cười ngặt nghèo:

- Tiền bán vào túi chủ đầu tư, xuất khẩu dầu có tăng trưởng thì chủ đất xơ múi gì? Tiền cho thuê đất chả bao nhiêu chỉ e không đủ để khắc phục ô nhiễm môi trường. Tuy là Tây mà anh ta còn biết làm thơ mới độc, dân mạng truyền nhau:

Sản xuất mang bán gần xa

Vốn liếng lời lãi đều là ngoại nhân

Tiền thuê đất mấy đồng cân

Bang chủ tự sướng quần thần tăng tăng.

TƯỜNG KHÔNG HÓA CÓ

Bạn Của mỗ vốn là tay duy vật cực đoan, sống thực dụng. Y kịch liệt phản đối duy linh hay những vấn đề phi vật chất. Y tuyên bố:

- Một cộng một là hai, tôi chỉ tin những gì thực tế và hiện hữu. Tôi không tin những cái mơ hồ kiểu như sắc sắc không không của mấy ông thầy!

Ngày kia máy nén hơi trong hãng bị nổ, cả giàn máy dừng hoạt động, một số người bị thương và có cả chết chóc. Y may mắn đứng xa, tuy nhiên cũng bị choáng váng. Mỗ vào nhà thương thăm y và cười cười:

- Không khí vốn không mà lại có, không thể thấy hay nắm bắt, rất vô hình nhưng khi cái không nó khởi tác dụng thì có hậu quả.

Y nằm trên giường không nói năng chi, vẻ mặt có vẻ bẽn lẽn.

TÌM GÌ

Thuở đất lệt trời nghiêng, quốc gia đổi chủ, thời hiện đại nào ngờ lại tái hiện cảnh đốt sách sát sanh. Dân chúng lăm than, bọn nghệ sĩ cũng hết thời. Bọn hạ than vẫn:

- Đất tổ giờ không sống nổi, không được sáng tác và biểu diễn, bịt mồm, bịt mắt,

bưng tai... Anh em ta phải ra đi tìm tự do!

Thế là người người rủ nhau ra biển, đến được đất mới, bọn họ làm ăn cũng khá nhưng chẳng mấy chốc thời thế lại đổi thay. Cổ quận giờ là thiên đường cho hát hò múa may và những trò nhảm nhí. Bọn nghệ sĩ đánh hơi nghe mùi đồng bèn rần rần kéo về. Nhiều kẻ còn nịnh hót để được lòng quan và dĩ nhiên là cũng để kiếm ăn. Thiên hạ cười chê, chỉ trích thậm chí chửi đổng: "xướng ca vô loài", "Thương nữ bất tri"... Duy có một lão dị nhân cười tủm tỉm:

- Xưa bảo ra đi tìm tự do, nay lũ lượt kéo về, vậy tìm gì?

Nào ngờ mục chủ kỹ viện nhị bang nghe thấy cười phá lên:

- Đồ nỡm, biết mà còn hỏi!

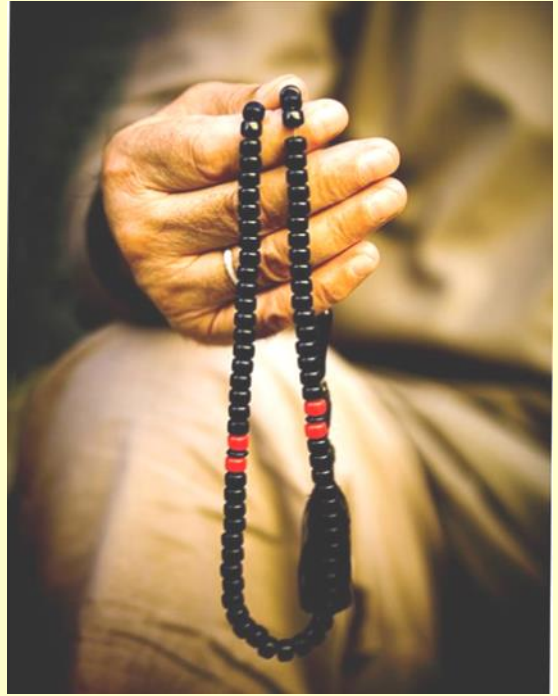
STEVEN N
Georgia, 08/2021



TU MƯỜN

Chàng trai Phật tử thuận thành
Lâu nay buồn chuyện gia đình mãi thôi
Vì cha chàng tuổi cao rồi
Vẫn ham làm việc suốt đời liên miên
Chăm kiếm bạc, lo làm tiền
Lơ là chẳng chịu ở yên tu hành.
Khi con nhắc nhở cha mình
Thì ông già cứ lặng thinh mỉm cười
Mãi sau mới nói: "Được thôi!
Nếu tu mà lại sinh sôi bạc tiền
Thì con nói cha nghe liền
Còn không được vậy chớ nên nói nhiều!"
Con phiền muộn chẳng dám kêu
Tìm thiền sư nọ và yêu cầu thầy
Giúp mình giải quyết chuyện này.
Nghe xong thầy bảo: "Chiều nay về nhà
Thưa cho cha rõ rằng ta
Độ này công việc thật là lu bu
Cho nên trở nãi đường tu
Tìm người "tu mướn", nhà chùa trả công
Việc làm thật dễ vô cùng
Ngồi lẩn tránh hạt ung dung tại nhà
Thành tâm tụng niệm Phật Đà
Cứ xong mười chuỗi tính ra thành tiền
Một quan tiền mười chuỗi liền,
Tiền ta để sẵn, cứ lên hỏi chùa!"
Con về thuật lại lời sư
Ông già nghe thấy rất ư bằng lòng
Chuyện làm ăn thật thông dong
Nhận lời tu mướn, tiền nong dễ dàng.
Kiếm tiền được một thời gian
Ông già hoan hỷ sẵn sàng tụng thêm
Ngoài mười chuỗi tụng ăn tiền
Tụng hai chuỗi nữa "biếu" thêm cho thầy.
Mới đầu tiền lĩnh hàng ngày
Về sau dần lại lĩnh ngay hàng tuần,
Mỗi ngày ngoài mấy bữa ăn
Ông già tu mướn bình an cứ ngồi
Cứ lẩn tránh hạt liên hồi
Trăm tư mặc tướng trước nơi bàn thờ.

*



Thời gian trôi đẹp như mơ!
Chàng con một bữa bất ngờ nhìn cha
Thấy cha hơi thờ điều hòa
Bàn tay lẩn chuỗi như là đã ngưng
Mắt lim dim, dáng ung dung
Rất ư thanh thản, vô cùng an nhiên.
Chàng con liền đến báo tin
Trình bày mọi sự cho thiền sư hay
Thiền sư vội vã đến ngay
Nhìn ông già thấy thân gầy hơi nghiêng
Vì do tuổi tác cao niên
Nhưng mà nét mặt thân tiên, hồng hào,
Thiền sư khẽ nói thì thào:
"Cha con nhập định! Đạo mầu nở hoa!"
Thiền sư đã dạy ông già
Pháp môn thiền định thật là ích thay!
Bằng phương tiện "tu mướn" này
Rời luôn bể bạc, qua ngay bờ thiền.

thơ TÂM MINH NGÔ TẶNG GIAO

Khúc hát lên đường

NGUYỄN NGỌC TƯ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Có lần, giữa lưng đèo ở núi rừng Tây Bắc, xe bị mắc lầy, kẹt giữa con dốc dài, trong đồng bùn nhão, bụng thì đói khủng khiếp, bên đường chỉ vài căn nhà lúp xúp của đồng bào, mà họ cũng đóng cửa đi nương. Đoàn người ngồi lê ngoi lếch, vạ vật dưới chân núi, chờ xe chuyển dụng đến gạt bùn giải cứu.

Em kéo tôi đi dạo, em nói ở đó nhìn nhỏ cũng vô ích. Chúng tôi rẽ vào con đường nhỏ xuống thung lũng, bên những cái rào hồ hững là vạt cải đang lên, mầm xanh nhuốt dưới mưa sương. Có một chòm nắng quét qua thung lũng, làm những rặng cây dưới kia cũng đổi màu. Em chắc lưỡi, hít hà, đẹp quá chừng ta ơi. Tôi gạt đầu, và trong cái khoảnh khắc đó, tôi quên mình đang đói và chiếc xe đang nằm ì trên đồng bùn. Tôi chỉ biết mình đang đứng trước vẻ đẹp chưa từng có trong đời. Một cậu bé tú trong con đường mòn trơn ướt từ dưới thung nhấp nhô hiện ra trong mưa lay phay, mắt cậu đen sâu hút, cây rựa cong cong vung vẩy trong tay, và trên vai là con gà trống ung dung đậu. Cậu đi qua, mắt hơi cười, và khi người khuất sau rặng cây rồi, tiếng gáy của con gà vẫn còn đọng từng giọt trên những dấu chân nhỏ. Em nói, hỏi, "cứ ngoi than thở trên kia thì làm sao thấy được những cái đẹp tình cờ này, hả chị?"

Tôi không trả lời, ngượng nghịu vì mình đã mất nửa giờ gạt gông, lo âu. Tôi tự hỏi,

trong ba mươi phút đó, mình đã mất bao nhiêu cơ hội để khám phá vùng đất này. Tôi day qua định cảm ơn em, nhưng em đã phăm phăm đi đằng trước, cái ống quần kaki rất ngẫu quệt vào cỏ, bê bết nước và bùn.

Chính em rủ tôi đi chuyển này. Lúc em gọi điện, tôi đã hỏi, sao đi được hả nhỏ? Em nổi quạu, để làm, chỉ cần xếp vài bộ đồ, nhin nhậu nhẹt vài bữa, với chút tiền dành ra ấy, quày ba lô lên vai, là tụi mình có thể tới bất cứ đâu bất cứ lúc nào. Không biết đường đi, thì hỏi. Sợ gì.

Lâu lắm tôi đã không đi, mất cảm giác. Bởi đi không phải là nhu cầu tối thiểu, như ăn, ngủ. Hôm nay đi không được, thì mai, thì một. Mà, lần khần tới khi già khủ để, không đi được cũng chết vì bệnh tật chứ không phải chết vì không đi. Vậy nên, tôi luôn bỏ lỡ những chuyến đi của cuộc đời mình. Đồi lúc, đã lên kế hoạch đi đâu đó, ừ, ngày mai đi. Quãng thời gian chờ sáng, tôi ôm cái gối ôm của mình, nghĩ, trời ơi, mai đi rồi, mình sẽ xa cái chỗ nằm quen, quán café quen, những bạn bè quen. Xuất hiện cái rào đầu tiên, sự quen thuộc bị xáo trộn. Rào thứ hai: đường xa, sống sâu cách trở. Rào thứ ba: nhớ nhà. Rào thứ tư: không ai đưa rước con đi học (hay lý do tương tự, không ai cho đàn gà ăn). Rào thứ năm: tiếc tiền. Và rào thứ sáu, thứ bảy thứ n quây kín tôi lại. Chuyển đi vào lúc sớm

mai trở nên tuyệt vọng, mù mịt xa.

Và sự khao khát khám phá thế giới chung quanh đã không đủ mạnh để thôi thúc tôi lên đường. Nhưng nếu tôi vượt qua tất cả những cái rào đó, lúc bước chân lên xe, trong tôi sẽ xuất hiện một cái rào khác, khiến tôi trùng trình, ngại mình đến, có cái gì hay không ta? Mình đi xa vậy, mắc công vậy, tốn tiền vậy mà không có thu hoạch gì thì tiếc. Tiếc lắm.

Tôi cũng hỏi câu đó khi em sắp gác máy, em cười "có ai mà gạt được trước khi gieo hôn, hở chị?" Tôi cũng cười. Em chuyên viết ký du khảo cho báo địa phương, đi nhiều, căn phòng em trong cơ quan ít khi mở cửa. Nghe nói có hồi em định lấy chồng, má em khóc quá chừng, "tội nghiệp con nhỏ, rồi phải chôn chân ở nhà". Trong ý nghĩ của người mẹ, nếu con gái mình không đi lang thang điều đó đau khổ ngang bằng... chết. Nhưng có một vài trục trặc khiến đám cưới không diễn ra. Em đi rong để quên buồn, rồi sau này đi rong vì nghiện, không đi bút rút không yên. Những lần em chuẩn bị lên đường, tôi hay dặn, đi về nhớ kể cho nghe. Em cười, coi đó như một lời hẹn hò, khi về, sẽ có bữa ăn nhậu gì đó nho nhỏ, gọi là tiệc đón.

Không hiểu tại sao em chẳng nghĩ câu nói đó theo đúng nghĩa của nó. Việc đi để kể lại là không thể sao? Tôi tự hỏi khi xốc hành trang lên vai, đi cùng em.

Dẫn đoàn, đóng vai trò

"cục đường" kéo mấy con kiến đặng sau là một anh nghệ sỹ nhiếp ảnh. "Cục đường" thường ngồi ở một ngọn đồi nào đó tiễn mặt trời chìm xuống dòng sông và sáng sau luôn dậy sớm chờ mặt trời lên. Tôi hay bước lên xe với cái mặt ngái ngủ. Một người viết văn thì cần những khoảnh khắc đó làm gì, tôi nghĩ. Em thì khác, xăng xai, nôn nao, em nói, "ba trăm sáu mươi lăm ngày mặt trời mọc ba trăm sáu mươi lăm kiểu khác nhau, thì như hôm qua em bị nhức đầu, nên mặt trời lên thấy khác, bữa nay đúng lúc mặt trời lên, biết đâu sẽ có đàn chim bay qua..." Có lần, chúng tôi đi đón bình minh. Tôi ngủ gà gật, lâu lâu mở mắt nhìn thấy đang đi trên con đường nhỏ, lướt qua những ngôi nhà nhỏ, cái miếu thờ cũng nhỏ. Mở mắt ra lần nữa thấy mình đứng trước một cây cầu ọp ẹp bằng tre bắc qua kinh trên con đường dẫn ra một vùng đầm phá. Mùi rêu tanh nồng. Một cái chợ nhỏ họp bên bờ đầm. Mấy bà cụ bán khoai, bán xôi cười khoe hàm răng đen bóng, giọng Huế trên môi có vần có điệu, có ngần có ngữ, nói như hát. Ngồi cạnh là mấy chị phụ nữ với những cái rổ con con cùm nạm cùm nịu ít cá tôm. Vài tia nắng lên xiên qua làn sương mỏng. Trẻ con xoắn

quần đi lại dưới đầm, chân chìm vào mặt nước dày đặc rong tảo, thông dong như đi trên bộ. Đứa bé gái bỗng em nhỏ đã ngủ say trên tay, như mèo con ì ạch tha chuột, đi về phía xóm.

Tôi đứng đó, ngây dại trước một bình minh trong vắt. Nhìn người dân thông dong lội lỏm bõm dưới đầm, tôi hỏi, "úa, đất ở đây không quần, tháo giày lội xuống. Một cách trả lời. Tôi làm theo, dầm chân vào buốt lạnh của nước và cát, thàng thốt nghĩ mình từ nay không còn thần nhiên, hài lòng với những bộ phim quảng bá du lịch chiếu trên ti vi.

Bởi cái vị nồng của biển, cái rộn rã ban mai, cái không khí trong leo này, hay sự buốt lạnh truyền lên từ gan bàn chân không ai kể cho ai được. Những năm dài quần quanh nhàm chán từ nhà tới cơ quan, từ cơ quan tới quán café, lười nhác đến nỗi chỉ ngồi ở một góc quen, với cái bàn quen, tôi khoe khoang là mình đã biết Huế với những bộ phim, những cuốn sách, với lăng tẩm cung điện, và vào một buổi sáng không hen, tôi đứng nhìn sự biết của mình tan đi trước cái đẹp của một miền quê.

Em thì đang hăm hở lội tuốt đặng kia, chào hỏi một

chị mua nước ngọt chở ra căn chòi nhỏ giữa đầm khơi. Đó những người diu dàng, em kể khi quay lại, vì họ ít khi nào để nước sánh ra khỏi những cái thùng.

Tinh tế đến từng chi tiết. Bỗng dưng tôi nhớ những lần dặn "về nhớ kể nghe chơi", bản thân việc đó gây buồn, cho em và cho tôi. Sẽ không khó khăn gì, nếu em thuật lại, ngày thứ nhất đến đâu, nơi ấy có những cảnh đẹp nào, món ăn gì, cùng vài chuyện đáng nhớ nho nhỏ. Tiếp theo là hành trình của ngày thứ hai, thứ ba... Dĩ nhiên, những bức hình chụp bằng cái máy ảnh cà tàng của em cũng là một cách kể. Thác nước, khúc sông trôi, hoa phượng tím, bên bờ rào thưa có đứa trẻ chăn bò... Tôi gật gù gật gù, ừ đẹp quá, mắc cười quá, dễ thương quá.

Nhưng em đã mang về một dòng suối, cánh rừng, dòng sông... cảm lạnh. Em không thể xê dịch không gian và thời gian để đưa tôi tới cảm giác tan đi dưới dàn đồng ca rền rĩ, buốt nhức của những cơn mưa mùa hạ, lẫn trong nó là cái âm thanh trong leo thanh thoát của dòng nước chảy lỏn lến qua khe đá. Và gió và nắng, chúng lung linh, sống động đến nỗi, ở trong nó người ta không bắt kịp bằng tất cả các giác quan của mình.

Sau vài chuyến đi rong, tôi nói tôi phải bắt đền em, vì mỗi sáng ra đường đúng lúc máy bay cũng ngang qua, tôi chành chao quá. Bởi với tôi, nó là biểu tượng xê dịch, là bài hát lên đường. Em cười, lại rủ rê, "vài bữa xuống Rạch Gốc nè, xách ba lô đi cho vui". Cái xã ven biển tôi đi công tác cả chục lần, nhưng đi với em mới thấy nó... đẹp đến giật mình. Em khiến tôi từ bỏ thói mặc cả, kiểu như nếu tôi đi thì tôi sẽ được gì, tôi "hy sinh" nhiều vậy thì tôi "có" gì? Đông Bắc hứa có núi và rừng. Dải đất miền Trung hứa hẹn cát



trắng và biển cả. Tây Nam Bộ hứa bằng những con người tử tế, dễ thương. Nhưng em chứng minh được một điều, nếu không nhận được lời hứa nào, tôi cũng thấy mình có nhiều. Đi là tới, là được, là có. Chẳng thể hứa một buổi trưa nóng rẫy, chúng tôi nhìn thấy bụi cỏ bên đường nở hoa trắng muốt, dù lá cỏ bị giẫm nát bởi những dấu chân trâu. Chẳng ai hứa, những gì chúng tôi sẽ nhìn thấy, cảm nhận suốt cuộc hành trình, tổ chim sẽ chon von trên vai pho tượng Phật, bài hát của những người yêu nhau trên những ngọn núi cao, những cụ già mót khoai bên rẫy, nụ cười của em bé Simacai khi một tay cầm chim đứng đái, tay kia vẫy khách không ngừng. Ai mà hứa được những cái đẹp, cái chua xót, xốn xang không ngừng tuôn chảy trên mỗi bước đường?

Và cứ mỗi lúc tôi đứng ngậy ra trước vẻ đẹp bình dị của vùng đất nào đó, em kín đáo ngó tôi cười tinh quái, "mè rồi hả chị?" Trong bạ lô em có cái bản đồ xếp làm tám, mỗi khi em chỉ vào một chấm nhỏ nào trên đó, "chiều mai mình sẽ tới đây nè", bỗng dưng tôi cảm giác có sương rơi.

Nhưng không phải lúc nào cũng có sương, có hoa, có nắng, có những cái đẹp rạng ngời. Luôn xảy ra những trục trặc không lường trước. Chẳng nhằm nhò gì, em biết thiền theo kiểu của mình. Không thềm nồm nóng hay cái giận bởi những bất trắc, chiếc xe chết máy, bẻ bánh, hay khi lỡ chuyến tàu, hoặc thời gian chờ đò quá lâu... em sẽ rảo quanh, trò chuyện với người dân ở đó, tìm hiểu tên gọi của một loại hoa cỏ lạ. Có lần xe dừng trước đèn đỏ, em chỉ vào những người nhăn nhó sốt ruột đi xe máy đứng quanh, khều tôi "mắc gì phải vậy. Để dành ba mươi giây chờ đèn đỏ để nhớ tới một đứa bạn đã xa, hổng phải tốt hơn sao?"

Có cảm giác em không để trống bất cứ giây phút nào. Em luôn trong trạng thái-sống. Em nói, còn sức thì đi rong ruổi xa xôi, đến khi ngồi xe hết nổi, em lợi bộ lòng vòng ngắm tất cả những hẻm hóc, góc ngách trong thành phố. Và khi chân quá mỏi, em cũng bắc cái ghế ngồi trước công để nhìn mấy bà bán phở, bán tàu hủ, bán trái cây... mưu sinh trên đường.

Cả những vẻ đẹp bình thường quen thuộc đó, cũng phải biết khao khát, tìm kiếm và trải nghiệm mới có. Em nói vậy mặc dù không nói vậy.

Nguồn: facebook.com/nguyennhoc4/



TỊNH TÂM

*Suy tư trầm mặc mùa đông
Gót chiều cúi mặt - bão giông sa mù
Lênh đênh sóng cuộn phù du
Cuộc đời rong ruổi thực hư, bi hài*

*Sinh tử qui luật an bài
Trầm luân hắt giọt mưa bay ta bà
Vô thường mệnh kiếp sát na
Đêm buồn bóng rưng, bóng ta dựa mình*

*Vườn duyên giác ánh tâm linh
Xuôi con sóng gợn bình sinh mặt hồ
Từ tâm giải nghiệp ban sơ
Thân lành thanh thoát đạt bờ lạc an*

*Còn ta trong bóng thời gian
Ngồi thiền mắt nhắm lân tràng hạt thiêng.*

thơ **NHẬT QUANG**

Hoàng tử A Xà Thế

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Hoàng tử A Xà Thế, bị Đền Bà Đạt Đa xúi dục, âm mưu sát hại vua cha là Tần Bà Ta La để chiếm ngôi. Nhưng công việc bị bại lộ, A Xà Thế bị bắt quả tang, và người cha đầy lòng từ bi không đành xử phạt xứng đáng như quần thần xin, mà nhường ngôi vàng cho Hoàng tử vì thấy con thèm muốn làm vua.

Để trả ơn, vị Hoàng tử bắt hiếu vừa lên ngôi liền hạ ngục cha và ra lệnh bỏ đói cho chết dần. Chỉ một mình Hoàng thái hậu được phép vào thăm. Mỗi khi đi bà giấu đồ ăn trong túi áo đem cho chồng, A Xà Thế hay được quả trách mẹ. Sau lại bà giấu trong đầu tóc, A Xà Thế cũng biết được. Cùng đường bà tắm rửa sạch sẽ rồi thoa vào mình một thứ đồ ăn làm bằng mật ong, đường và sữa. Vua gọt lấy món ăn này để nuôi sống. Nhưng A Xà Thế cũng bắt được và cấm hẳn mẹ không cho vào thăm vua cha nữa.

Lúc ấy vua Tần Bà Ta La cam chịu đói, nhưng lòng vẫn không oán trách con. Ngài đã đắc quả Tứ Đà Hoàn nên thần nhiên, cố gắng đi lên xuống kinh hành, thọ hưởng hạnh phúc tinh thần. Thấy cha vẫn vui tươi A Xà Thế nhất định giết cho khuất mắt nên hạ lệnh cho người thợ vào khám, lấy dao bén gọt gót chân vua cha, xát dầu và muối vào rồi hơ trên lửa nóng.

Khi người cha bắt hạnh thấy người thợ cạo đến thì

mừng thầm ngỡ rằng con mình đã ăn năn hối cải, cho người đến cạo râu tóc để rước về. Trái với sự mong ước của Ngài, anh thợ cạo đến chỉ đem lại cho Ngài cái chết vô cùng thâm thảm.

Cùng ngày ấy, vợ A Xà Thế hạ sanh một hoàng nam. Tin lành đến vua một lượt với tin vua Tần Bà Ta La chết trong ngục.

Tin chánh hậu hạ sanh hoàng nam được đọc trước. Nổi vui mừng của A Xà Thế không sao kể xiết. Cả người nghe nhẹ nhàng vui sướng. Tình thương của một người cha lần đầu tiên chớm nở trong lòng, mặn nồng sâu sắc, thậm vô từng khớp xương ống tủy. Đứa con đầu lòng là một nguồn yêu thương, là cơ hội để cha mẹ thương thức một tình thương mới mẻ đậm đà, vô cùng trong sạch. Cảm giác đầu tiên của người mới được đứa con đầu lòng dường như đưa họ vào cảnh giới kỳ lạ, khiến họ có cảm tưởng rằng máu huyết mình đã đổ giọt ra để nối tiếp mình.

Tức khắc A Xà Thế vội vã chạy đi tìm người mẹ yêu dấu và hỏi:

- Thưa mẫu hậu, khi con còn nhỏ Phụ hoàng có thương con không?

- Tại sao con hỏi lạ vậy? Mẹ tưởng trên thế gian này không tìm đâu ra một người cha lành như cha con. Để mẹ thuật lại cho con nghe. Lúc mẹ còn mang con trong lòng, ngày nọ mẹ nghe thềm lạ lung một món kỳ

quái. Mẹ thềm nút vài giọt máu trong bàn tay mặt của cha con. Mà nào mẹ dám nói ra. Rồi càng ngày mẹ càng xanh xao, và sau cùng phải thú nhận với cha con. Khi nghe vậy, cha con vui vẻ lấy dao rạch tay cho mẹ nút máu. Lúc ấy các nhà chiêm tinh trong triều tiên tri rằng con sẽ là người thù của cha con. Do đó tên con là A Xà Thế (Ajatasattu kẻ thù chưa sanh). Mẹ có ý định giết con ngay trong lòng nhưng cha con lại cản mẹ. Một hôm con có cái nốt trên đầu ngón tay, nhức nhối vô cùng, khóc suốt ngày đêm, không ai dỗ được. Cha con đang cùng bá quan phân xử việc triều đình, nghe vậy cảm lòng không đành, bế con trong lòng và không ngần ngại ngậm ngón tay của con trong miệng nhẹ nhẹ nút cho con đỡ đau. Gớm thay! Cái mụn nốt bế, máu mủ tuôn ra trong miệng cha con vào sợ lấy ra con sẽ nghe đau nên cha con nuốt luôn vào bụng cả mủ lẫn máu. Phải, người cha hết lòng thương yêu con, vì tình phụ tử đậm đà, nhẹ nhẹ nuốt hết vừa máu vừa mủ.

Nghe đến đó bỗng vua A Xà Thế đứng phắt dậy, kêu lên như điên: Hãy chạy mau, thả ra lập tức người cha yêu quý của trẫm.

Than ôi! Người cha yêu quý đã ra người thiên cổ.

Tin thứ nhì được trao tận tay vua A Xà Thế, vua xúc động rơi lụy đầm đề. Bây giờ ông mới nhận định rằng chỉ khi bắt đầu làm cha mới biết được tình cha thương con như thế nào.

Vua Tần Bà Ta La bằng hà và tức khắc tái sinh vào cảnh trời Tứ Đại Thiên Vương tên là Janavasabha.

Về sau vua A Xà Thế được gặp Đức Phật, trở nên một thiện tín lỗi lạc và tạo được nhiều công đức trong một kết tập Tam Tạng đầu tiên.

Narada

Cánh cửa mở rộng...

HUỆ TRẦN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Một sáng chủ nhật, khi thái dương vừa toả rạng những tia nắng đầu ngày thì cánh cửa để vào căn nhà đó đã mở rộng.

Cánh cửa mở ra, không vì đón chờ ai, cũng không vì dự tính gì. Cánh cửa mở rộng chỉ do phút giây đó, tâm lòng của chủ nhân đã mở rộng, mở để những tia nắng ban mai không gặp chướng ngại, có thể vào nhà, làm ấm cái bàn, chiếc ghế, như nắng đang trải thêm sức sống nơi bụi cỏ, hàng cây ngoài kia.

Nhưng cánh cửa mở rộng hôm đó đã đón tiếp bước chân của đám người bạn đạo, tình cờ đến thăm nhau. Cửa mở sẵn nên họ thanh thản bước vào. Nơi phòng khách, họ thấy chủ nhân đang khoan chân, ngồi niệm Phật. Rất nhẹ nhàng, khách ngồi xuống bên chủ, rồi cùng cất tiếng niệm Phật.

Ngay giây phút đó, không còn ai là chủ, ai là khách nữa, chỉ còn là những người con Phật đồng tâm, đồng nguyện, đang ngồi bên nhau, cùng niệm Phật. Chỉ là thể thôi! Là sức mạnh tâm linh vô hình nhưng vững mạnh của những trái tim cùng nhịp đập.

Cánh cửa mở rộng vào sáng chủ nhật đó đã thuận duyên, tiếp tục mở rộng mỗi sáng chủ nhật. Những người bạn đạo tự tìm đến với nhau khi biết có nơi họ có thể an tâm ngồi xuống, cùng niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc.

Lạ thay, họ về với nhau đơn thuần, trong sáng, như lẽ tự nhiên của trời đất! 3 người, 5



người, rồi 10 người... không cần nội quy mà vẫn rất quy củ vì họ là những bạn đạo từng cộng tu với nhau trước kia nên đã rõ tâm lực và sức lực của nhau. Ngồi Tịnh Tâm bao lâu thì Tâm Tịnh để tụng kinh; niệm Phật bao lâu thì cần thư giãn cho thân được thoái mái; thư giãn bao lâu thì kinh hành niệm Phật...

Họ đã cùng nhau dọn dẹp phòng khách thành không gian một Chánh Điện nhỏ, đơn sơ mà trang nghiêm, tôn kính.

Mỗi sáng chủ nhật, toạ cụ đặt xuống không gian đó mỗi tầng lên. Chủ nhật gần đây nhất, số toạ cụ đã là 26, không kể hai dãy ghế đặt sát cuối phòng cho những vị không ngồi thấp được.

Giờ thọ trai thì đã có một bạn đạo phát tâm đặt mua thực phẩm chay, rồi mang đến, đủ dùng bữa thanh đạm cho những người tham dự để không ai phải bớt thời gian niệm Phật vì bận rộn việc bếp núc. Mỗi người tự động góp 5 đồng thực phẩm, đồng đều như nhau.

Sau giờ thọ trai và chỉ tịnh, ngoài hành trì như thời công phu sáng, họ cần trọng có thêm phần Lay Phật, Sám Hối, Phát Nguyện và Hồi Hướng cho trọn vẹn một ngày-cộng-tu, từ 8 giờ sáng tới 5 giờ chiều.

- Nếu các bạn nghe tin, vẫn tới thêm thì sao?

Một bạn băn khoăn và một bạn giải đáp ngay:

- Thì chúng ta ngồi gần nhau hơn.

- Nếu ngồi gần, cũng tới lúc sẽ không thể ngồi khít hơn?

- Thì ngoài kia! Ngoài vườn kia, còn rộng mà! Ngồi ghế đá, ngồi dưới gốc cây, tùy ý; vì khi cất tiếng niệm Phật thì không còn rộng, chật, trong, ngoài, trên, dưới gì nữa, mà chúng ta chỉ còn một hướng duy nhất, là cùng chí tâm, nguyện thiết về Tây Phương Cực Lạc. Làm sao mà Chư Phật không xót thương và gia hộ!

Một cánh chim bay ngang, bỗng cất tiếng hót. Ôi, có phải Ca Lăng Tần Già, mà âm thanh tiếng hót như trầm bổng đoạn kinh:

"... *Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật,*

nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn, kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật, dữ Chư Thánh Chúng, hiện tại kỳ tiền, thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh, A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ ...”

Cánh chim bay ngang, vừa khuất sau vầng mây xanh là khi những người bạn đạo nhìn nhau. Trong thăm lặng, tâm họ như đồng hòa lời nguyện:

*Con nguyện được vãng sanh
Khi đang ngồi niệm Phật
Thân vững và tâm an
Thân tâm cùng hợp nhất*

*Phật đã thấy, đã biết
Tha lực Phật ban cho
Thân con ngồi vững chãi
Tâm con chẳng âu lo*

*Phút giây nào Phật tới
Con vẫn còn ngồi đây
A Di Đà Phật hiệu
Tạm biệt thế gian này*

*A Di Đà Phật hiệu
Thuần khiết một niệm này
Chỉ một niệm chí thiết
Đủ bứng tỉnh cơn say...*

(Hạ chí – Tân Sửu niên)

HÔM QUA, HÔM NAY

*Không thể về lại **Hôm Qua**
Để tránh lâm lỗi nào, ta đã làm
Thì **Hôm Nay**, hãy vững vàng
Chánh-kiến, mà sống chu toàn hơn thôi
Chánh-tư-duy, hãy vun bồi
Từ, Bi, Hy, Xả mọi thời mọi nơi*

*Ai không phạm lỗi trong đời!
Khác chẳng là nhận biết, rồi chuyển tâm
Tứ-diệu-đề, khắc ghi lòng
Tu là sửa,
để thoát vòng khổ đau.*

thơ HẠNH CHI

(Tào-Khê tịnh thất –
Những ngày tịnh tu)



The Story of King Pasenadi of Kosala

Dhammapada, Verse 325

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (325) of this book, with reference to King Pasenadi (Prasenjit) of Kosala.

One day, King Pasenadi (Prasenjit) of Kosala went to the monastery to pay homage to the Buddha soon after having a heavy meal. The king was in the habit of taking one quarter basketful (half a bushel) of cooked rice and meat curry. While he was in the presence of the Buddha, the king felt so drowsy that he kept on nodding and could hardly keep himself awake. Then he said to the Buddha, "Venerable Sir! I have been in great discomfort since I have taken my meal." To him the Buddha replied, "Yes, O king! Gluttons do suffer in this manner."

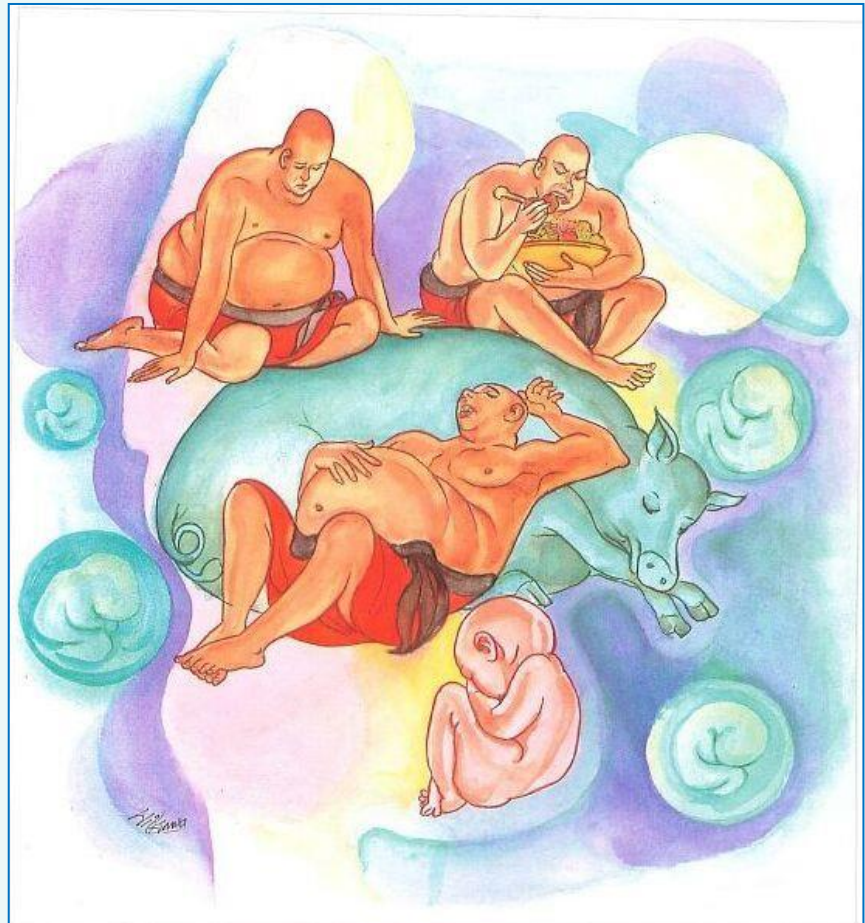
Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 325: The stupid one who is lazy, gluttonous, and drowsy, who just wallows like a well-fed pig, is subject to repeated rebirths.

After hearing the discourse the king, having understood the message, gradually lessened the amount of food he took. As a result, he became much more active and alert and therefore also happy.

Translated by

Daw Mya Tin, M.A.,
Burma Pitaka Association,
Rangoon, Burma.



The stupid, slothful and greedy ones, like hogs fattened on swill, repeat births.

325. *Middhī yadā hōti mahagghasō ca
niddāyitā samparivattasāyī
mahāvarāhō'va nivāpapurīthō
punappunam gabbhamupēti mandō.
(23:6)*

A sluggard stupid, steeped in gluttony,
who's sleep-engrossed, who wallows as he lies,
like a great porker stuffed, engorged with swill,
comes ever and again into a womb.

Hai chiếc lồng đèn

BÙI THANH XUÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Khi trăng lên
Hãy vút vào giấc mơ những
chiếc lồng đèn
Lũ đom đóm đưa bạn vào cổ
tích
Đám trẻ con bạc tóc chân
trần góp nhặt
Hát dưới trăng

1/
Hai đứa trẻ dắt tay nhau đi
ra con hẻm ngoằn ngoèo,
hun hút. Chúng băng qua đại
lộ, hớn hờ tung tăng trên vỉa
hè lát gạch

Tiếng trống tùng tùng quyền
rũ, thúc dục hai đứa trẻ bước
nhanh

Thằng em nói:

- Đầu lân đẹp quá chị
- Ừ, em nhìn ông địa leo cột
tài chưa

...

- Mẹ hứa mua lồng đèn cho
em mà mẹ không về

Con chị an ủi:

- Mẹ còn làm việc, khuya về
có cho em mà

Chúng nó chui dưới chân
người lớn, luồn lách giữa đám
đồng

Thằng em không còn nhớ lời
hứa của mẹ. Con chị nắm
chặt tay em cho khỏi lạc, đẩy
em ra trước mặt nó, gần sát
đội lân đang múa. Hai khuôn
mặt sáng ngời khi con lân
nhảy múa trên giàn sắt.

Hội trống kết thúc, con chị lại
nắm tay em lỏi đi, lang thang
trên nhiều con đường. Chưa
bao giờ chúng đi xa đến vậy.

Khi ngang qua cửa hàng bán
lồng đèn, thằng em chùng
chình rồi dừng lại. Nó chăm
chăm nhìn vào những màu
sắc lung linh treo lơ lửng

Con chị cũng như thằng em,
say sưa, thèm thỗng. Nó
kéo tay em, lại băng qua cửa



hàng bánh trung thu. Thằng
em không dừng lại nhưng
cặp mắt vẫn hướng về
những cái bánh màu vàng
nâu hấp dẫn, mùi bơ sữa
ngọt ngào khiến đôi chân nó
tê dại. Con chị nuốt nước
bọt nhưng cương quyết
không nhìn vào đó lần nữa,
kéo tay em đi thật nhanh

- Thôi về em! Có khi mẹ
mua lồng đèn rồi đó, mình
chơi múa lân nghe em
Thằng em mặt bí xị:
- Có lân mô chơi?

...

Câu nói của đứa em cửa vào
trái tim con bé. Khi ba nó
còn sống, thường đến trung
thu hay tự làm đầu lân bằng
những hộp carton nhặt
được. Ba nó múa lân còn nó
làm ông địa.

Một năm rồi, mãi mãi Ba nó
không về nữa. Chiếc tàu cá
chìm đáy biển sau cơn bão
năm ngoái

Trong con hẻm nhếch nhác
vài chục ngôi nhà lụp xụp
của người lao động nghèo.
Bọn trẻ con đang tụ tập
rõng rần rước đèn trung thu,
những lồng đèn bằng tre và
giấy báo, những ngọn đèn
cây lắc lư. Bọn trẻ hát hò

nhảy múa. Thỉnh thoảng có
đốm lửa bùng cháy, tiếng
khóc, tiếng la mắng bắt đèn
Cô bé không thể tự làm cho
em chiếc lồng đèn như bọn
trẻ nên không được tham gia
trò chơi. Hai chị em lủi thủi
về nhà.

Trăng lên khá cao, cậu bé
ngồi ở thềm nhà chờ cô chị
mang cơm ra ăn, đợi mẹ
mang lồng đèn về

2/

Người phụ quét đường đi
thụt lùi, tiếng chổi tre xoèn
xoẹt từ trái qua phải. Đoạn
đường phải dọn dẹp còn gần
cây số nữa. Chị tranh thủ
quét hơn nửa đoạn đường rồi
sẽ thấy đi mua cho hai con
lồng đèn trung thu. Tối nay
người ta ra phố nhiều, người
ta lại vút rác xuống đoạn
đường chị đã dọn sạch

Mười giờ đêm, chị thấy đói.
Cà mèn cơm lúc chiều đem
theo vẫn còn treo bên hông
chiếc xe đẩy. Chị ngồi xuống
bên trụ điện vừa ăn, vừa
nghĩ đến hai đứa con chờ
đem lồng đèn về mà thương.
Gần nửa đêm, có lẽ bọn
chúng đã lên giường ngủ rồi.
Tội nghiệp, mồ côi cha, nhà
nghèo nên trung thu chẳng
có gì

Chiếc xe du lịch bóng loáng
dừng lại bên chiếc xe rác.
Người phụ nữ trong xe hạ
cửa kính, vút vật gì đó. Mắt
người phụ quét đường sáng
lên. Hình như đó là một chiếc
lồng đèn, chị nghĩ vậy. Bên
trong xe có tiếng la hét của
mấy đứa trẻ. À, chắc chúng
được mẹ chở đi dự lễ trung
thu ở đâu đó trở về. Chị
đứng dậy, bước đến nhìn vào
chiếc xe đẩy. Không phải

một mà đến hai cái. Chị nhặt lên, lồng đèn hình con đom đóm màu xanh, còn một nhưng rách một vài chỗ. Không sao, chị sẽ lấy giấy báo dán lại

3 /

Con đom đóm lập loè lượn trên ngọn cây trứng cá rồi sà xuống gần sát đất. Nó bay trong sân, lúc thấp, lúc cao, lúc lướt trên đầu, lúc chập chờn trước mặt hai đứa trẻ. Đom đóm bay ra hàng rào, đậu trên cây dâm bụt hồi lâu. Đom đóm lại bay vào, lướt lần nữa trên đầu hai đứa trẻ rồi vút lên cao, mất hút dưới ánh trăng. Con bé nhìn theo thàng thốt:

- Ba! Ba! Ba ơi!

Nước mắt nó ràn rụa trên đầu cậu bé

- Ba về hả chị?

- Ừ, Ba đem lồng đèn về thả sáng cho mình

Hai chị em ôm nhau ngồi khóc

Thằng em ngủ gật trên cánh tay chị. Cô bé đưa bàn tay nhỏ nhắn đỏi muối cho em, chờ hai con đom đóm quay lại

Chờ mãi cho đến khi trăng lên đỉnh đầu mà mẹ vẫn chưa về, nó nằm xuống bên cạnh em, thiếp vào những cơn mơ. Nó mơ ba đưa nó đến trường, mơ những đêm trung thu ba cõng trên vai đi dạo phố, mơ

ba ngồi dán chiếc lồng đèn bánh ú. Nó hỏi sao không làm lồng đèn ông sao, ba nó xoa đầu mỉm cười "Ba không... biết làm ông sao"

Nó mơ đứng đằng sau xe đạp, trên chiếc yên bằng sắt, ôm chặt cổ ba, miệng liếng thoảng, ríu rít như chim

Nó mơ lững thững sau ba mẹ bước vào cửa hàng bánh trung thu. Em thích cái hình vuông còn nó chọn cái tròn tròn bên trong chiếc hộp có nắp bằng nhựa trong suốt

Nó mơ hai con đom đóm bay về cõng chị em nó đi. Một con là mẹ, một con là ba. Mẹ cõng em còn ba thì cõng nó bay trên những ngọn cây, những toà nhà cao ngất, lượn lờ quanh những chiếc ghe trên sông rồi vút lên cao, cao mãi. Gió mát lướt qua mắt. Nó cảm thấy lạnh lạnh. Hình như trời đang mưa. Những hạt mưa cao hơn nó đang rơi xuống. Bàn tay ba vuốt ve trên má nó ấm ấm. Nó nghe tiếng thỏn thức từ đâu đó xa lắm. Những hạt mưa cứ rơi

Nó mỉm cười trong mơ hạnh phúc. Nó mơ, mơ mãi, chìm sâu giấc ngủ bên cạnh đứa em trai, dưới mái hiên đầy ánh trăng và những hạt sương khuya

4/

Người phụ nữ trở về nhà đã hơn một giờ sáng. Chị nhẹ nhàng mở cánh cổng, dắt xe đạp vào bên trong. Dưới ánh trăng mờ mờ, chị nhận ra hai hình hài nhỏ bé thân yêu đang ôm chặt lấy nhau ngủ ngon lành dưới mái hiên. Người phụ nữ đặt hai chiếc lồng đèn đom đóm bên cạnh rồi ngồi xuống ôm cả hai con vào lòng. Chị bật khóc không thành tiếng. Tiếng nấc nuốt vào trong nhưng những giọt nước mắt thì không giấu được. Từng giọt nhỏ xuống trên khuôn mặt hai đứa bé

Chị ẵm từng đứa đặt vào giường rồi ngồi dán lại hai lồng đèn đom đóm. Xong chị cẩn thận treo bên cạnh hai con mới đi tắm rửa

Trước khi đi nằm, chị đến bên bàn thờ thắp cho chồng nén nhang. Ba ngày trước giáp năm chồng, hoa trên bàn thờ vẫn còn tươi. Chị nhủ lòng, sáng mai sẽ đưa hai con ra bờ biển thả nhang trên mộ gió của chồng

Chị thiếp đi bên cạnh con với những giấc mơ hạnh phúc của mình.

Trong mơ, chị dẫn hai con đi vào cửa hàng bán lồng đèn. Chị thích lồng đèn con cá màu đỏ nhưng chúng nó chọn màu xanh, hình con đom đóm

Trong mơ, chị mỉm cười.



Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



CHƯƠNG CHÍNH

Có hai con chuột cống thật to, từ dưới lỗ cầu tiêu chui lên, chạy ngang chỗ chân chúng tôi. Ông Trọng vùng dậy, lấy một chiếc dép nhựa của ông, xua chúng chạy rồi cũng chiếc dép đó, ông bẻ cong lại, chặn ngang lỗ cầu.

“Thứ chuột quỷ này dạn ghê! Buổi tối chạy đi kiếm thức ăn mà không có, chúng dám gặm đỡ bàn chân của mình chứ chẳng phải chơi. Trở lại chuyện của cậu, cậu thấy chưa, câu chuyện của cậu có khác gì chuyện ông bạn tôi đâu. Cho nên từ đầu, nghe cậu kể, tự dưng tôi đoán ngay là cậu bị gài bẫy, bị bạn bè phản bội. Tôi nghĩ, hiện giờ thằng bạn cậu được cái bằng khen, hay tiền thưởng gì rồi. Chắc hẳn đang ngồi nhậu đâu đó với mấy thằng công an... Hừ, cuộc đời chó đẻ quá! Hút thuốc không? Không à.”

Tôi nằm ngửa, đầu gối trên hai tay, nhìn lên trần. Nổi buồn nén lại ẩn nấp từ đâu đó ở trên đầu, bây giờ mới chịu đổ ụp xuống ngang tim. Thực ra, trong một góc

sâu kín nào đó, tôi đã thoáng nghĩ là Hân bội phản ngay khi công an chặn chiếc xe lam lại. Nhưng mặt khác, cũng chính tôi phủ nhận, xua đuổi ý tưởng đó đi. Tôi cố tình suy nghĩ một cách đơn giản rằng: tôi bị bắt vì công an theo dõi, tìm kiếm nhiều ngày, và nay họ tìm ra. Bây giờ ông Trọng lại kể thêm câu chuyện người bạn ông bị gạt, buộc lòng tôi phải tin rằng Hân đã hại tôi. Cái thực tế của cuộc đời, đâu phải cứ tô vẽ sơn phấn hay những mỹ từ nào lên đó thì sẽ đẹp lên. Dù tôi có nhận phần lỗi về tôi, dù tôi có vỗ ngực tự nói rằng chính tôi thích vào tù thay vì trốn nấp trong một căn gác quạnh hiu buồn tẻ, thì cái thực tế Hân báo công an bắt tôi vẫn thế, có thay đổi được tính chất nào đâu! Ôi, sao mà thảm cho tình bạn. Cái gì đã xui khiến Hân đối xử với tôi như vậy? Tôi không hồi hận chuyện mình phải vào tù, nhưng hình như lại đau khổ nhiều vì mất cái tình bạn thiêng liêng mà tôi từng bảo vệ, gìn giữ. Phải, từ lâu, tôi bị một số bạn bè hay người thân, cho rằng tôi

nhẹ dạ, cả tin, ai cũng có thể kết làm bằng hữu. Có khi người ta cảnh giác tôi, nói rằng người này xấu, người kia phản bội, kẻ nọ xảo quyệt ranh ma... không chơi được; vậy mà tôi cứ hết mình đối xử tốt và công bình đối với tất cả những người bạn bị coi là xấu và bị nghi kỵ đó. Có lẽ vì tính tôi hiểu khách, đãi bạn và luôn muốn chứng tỏ với mọi người rằng bạn bè tôi ai cũng tốt, và tôi chẳng phải là người nhẹ dạ đâu.

Thấy tôi im lặng nhìn chăm chăm lên trần nhà mà chẳng biểu lộ gì rõ rệt, ông Trọng nói:

“Này, con người cậu cũng khó hiểu đó nghe.”

“Vậy sao chú?” tôi cười hỏi lại, rồi cười thêm trong lòng, cười với chính tôi: hể mình càng muốn sống đơn giản bao nhiêu thì lại càng khó hiểu bấy nhiêu.

“Thực đó, từ lúc cậu mới bước vào phòng giam đến giờ, tôi để ý thấy cậu bình tĩnh lắm, cậu không sợ hãi, lo buồn. Biết bạn mình hại mình, cậu cũng không lộ vẻ oán trách, than thở ngán dài... Có một cái gì vui vẻ, tự tin ở nơi cậu. Giống như là

cậu biết trước cái chuyện vào tù nó sẽ xảy ra vậy. Hoặc giống như cậu là kẻ quen thuộc với thế giới ngục tù lắm. Nhưng thật ra, nhìn cách cậu thay áo quần, tắm, tiểu tiện... biết ngay là cậu mới biết mùi tù lần đầu mà thôi... Tôi nói thiệt, nếu một người nào khác không phải là cậu mà có thái độ như vậy, có thể tôi nghi ngờ rằng người ấy do công an gài vào đây để điều tra, theo dõi tôi. Chỉ những kẻ đóng kịch mới có thể không xao xuyến buồn rầu trước những chuyện rất đáng buồn, bởi vì họ biết mọi chuyện mà họ đóng chỉ là giả chứ không có thực. Nhưng với cậu, tôi biết là cậu không đóng kịch, cậu không phải đặc tình của công an. Trực giác của tôi cho tôi biết điều đó. Tuy nhiên, trực giác của tôi không đoán nổi cậu là ai, và cả cái vốn liếng xét người của tôi từ mấy mươi năm nay vẫn chưa có khả năng nói được bằng lời rằng cậu là con người thế nào. Chỉ thấy khó hiểu, khó nói..."

Tôi cười và thấy vui với cậu nói của ông Trọng về kẻ đóng kịch. Ông ấy không nghĩ là tôi đóng kịch, nhưng chính tôi nghĩ lại rằng, thực ra, tất cả chúng ta có mặt trên trần gian này là để đóng một vở kịch phức tạp. Và chính vì biết rằng mình chỉ đóng kịch, mọi dữ kiện chung quanh đều không thực, tôi mới không thấy hãi sợ và đau khổ. Cám ơn ông Trọng.

Dù vậy, vở kịch nào cũng có những bổ cục hay nội dung riêng biệt và khó quên của nó. Nhớ lại cuộc gặp gỡ cuối cùng giữa tôi và Hân trước khi bị bắt, tôi bỗng thấy buồn lạ trong lòng. Tôi có khó hiểu như ông Trọng nói không? Tôi có nhẹ dạ, cả tin như bạn bè và người thân của tôi nói không? Tâm tính tôi có phức tạp lắm không? Hay chỉ vì tâm lý con người quá phức tạp nên không bao giờ hiểu được cái đơn giản để



hiểu của tôi? Liệu tôi có nên rút kinh nghiệm thất bại của tôi lần này để học tập và sửa đổi con người khờ khạo, non nớt, nhẹ dạ, dễ tin của mình thành một con người lạnh lợi, thâm hiểm, cứng rắn, đa nghi?

Tôi ôn lại lần cuối cùng gặp Hân trước khi bị bắt.

Chùa Tân Nghĩa tọa lạc trong một con hẻm vắng của đường Ngô Đức Kế, quận Bình Thạnh. Chủ nhân của nó là hai vợ chồng già không con, biến nó từ ngôi nhà thành ra một ngôi chùa tồi tàn với mái tôn nóng bức. Nền chùa lát gạch hoa được một khoảng trước chánh điện, diện tích còn lại một nửa là đất được nện cứng, một nửa được tráng xi măng với đôi chỗ nứt bể như những cái ổ gà. Không có phòng trú cho người giữ chùa vì hai vợ chồng đã có nhà riêng gần đó, phía sau ngôi chùa. Vách chùa không được tô, để lộ cả gạch và xi măng. Chánh điện và Tổ đường thông nhau, không có vách ngăn. Bên cạnh chánh điện là một cái bàn gỗ cũ xỉ, rít nhám, với ba chiếc ghế không đồng bộ: một cái là ghế dựa nhưng

không ai đủ can đảm để dựa vì sự lỏng lẻo đáng ngờ của nó; một cái là ghế đầu bằng gỗ bị nứt một đường dài ở gần cạnh ghế mà nếu bắt cần, người ta sẽ bị nó kẹp vào móng hay vào đùi một cách không thương tiếc; cái còn lại là cái đơn bằng sứ mà người ta dùng để đặt chậu hoa, nay được dùng làm chỗ ngồi. Gần chiếc bàn gỗ dùng để tiếp khách đó, sát ở góc phải của chánh điện, là một cái giường gỗ dành cho nhà sư thuộc phái khất sĩ, đạo hiệu là Giác Hải. Đối diện với cái giường gỗ, tức ở góc trái của chánh điện, là quả hồng chung cỡ trung, tương đối có tiếng ngân tốt. Sát cạnh quả chuông là vài bếp lò và một đồng tàu dừa, vỏ dừa và củi khô, lá khô linh tinh... Nếu không có sư Giác Hải ở đây, ắt người ta phải cho rằng đây là một ngôi chùa hoang.

Hân vì có vợ nhỏ, đã bị gia đình vợ lớn đuổi ra khỏi ngôi nhà ở bến Vân Đồn, quận 4 Sài Gòn. Hân nhờ bạn bè cho tá túc một thời gian để chờ cô vợ nhỏ sinh con. Sinh xong, cô ấy mang con về quê sinh sống với cha mẹ vì biết Hân thất nghiệp, không có khả năng nuôi nấng hai mẹ con cô. Còn lại một mình, Hân đã xin sư Giác Hải cho tá túc tại chùa Tân

Nghĩa, và dĩ nhiên là phải có sự chấp thuận của hai vợ chồng chủ chùa nữa. Nhưng vì Hân rất khôn khéo trong việc chinh phục tình cảm của kẻ khác nên việc tá túc tương đối thuận lợi. Hàng ngày, Hân thính chuông và quét dọn lát vạt trong chùa như một chú tiểu. Buổi tối, Hân trải chiếu ngủ dưới đất, sát bàn Phật.

Tôi đến gặp Hân tại đây vào một buổi sáng thứ Bảy, trước ngày 30/04/1985, lễ kỷ niệm “Mười năm giải phóng Miền Nam” của chính quyền cộng sản. Các bạn khác của tôi nếu biết được chuyện tôi đến gặp Hân hẳn là đều kịch liệt phản đối, khuyên can, hoặc tìm cách ngăn cản – vì sau vụ tôi bị bắt huyệt ở Long Thành và một lần ở nhà bà Bạch Mai, quận I, Sài Gòn, các bạn tôi đều cho rằng chính Hân đã báo cáo công an chỗ ẩn náu của tôi. Riêng tôi, cho đến lúc đó, tôi vẫn nghĩ rằng có thể có một sự trùng hợp hay một sự lầm lẫn nào đó khiến mọi người nghi kỵ Hân. Tôi tin rằng Hân không đến nỗi tán tận lương tâm để bán đứng cả tôi, một người em kết nghĩa của Hân, đồng thời là một người bạn mà đã có lần Hân nói là không thể tìm được trên đời. Có khi Hân còn nói thẳng với tôi rằng tôi như là ân nhân cứu tử của Hân – có lẽ anh muốn nhắc đến việc tôi liên lạc với Chương (em ruột Hân, ở Mỹ) để giải mối bất hòa giữa hai anh em về chuyện Hân lấy vợ của một người bạn vượt biên làm vợ bé. Vụ đó, Hân bị anh em ruột và một số bạn bè (mà Hân gọi là chiến hữu) tuyệt giao. Hân cầu cứu tôi, nói rằng chỉ có tôi mới có thể giải hòa được. Tôi ngần ngại. Hân kể đầu đuôi câu chuyện tình của Hân với cô vợ bé.

Cô ấy tên Thụy, là vợ của Đan, bạn Hân. Đan và người anh ruột của Hân, tên Phước, vì bị liên can vào vụ Nghĩa quân Phục quốc ám sát

trường ty công an Đà Nẵng, phải cấp tốc trốn ra nước ngoài bằng đường biển. Nhằm lúc có Hân từ Sài Gòn về thăm cha mẹ ở Sơn Trà, Đan bèn nhờ Hân giúp đỡ giùm vợ con của anh đang còn về quê chưa lên kịp để cùng trốn đi. Hân nhận lời. Nhưng thấy tình hình Đà Nẵng căng thẳng sau vụ Nghĩa quân Phục quốc, Hân bảo Thụy gọi con cho ba mẹ Thụy giữ, rồi đem Thụy trốn vào Sài Gòn. Ban đầu, Hân còn đem Thụy vào ở ngay trong nhà mình với người vợ chính thức tên Loan. Không đầy tháng sau, Loan phát giác Hân có tình ý bậy bạ với Thụy, tìm cách tố giác cả hai ra khỏi nhà. Hân bèn nhờ bạn bè tạm thời chừa chấp Thụy ở một vài nơi trong thành phố. Cuối cùng, lửa gần rơm thế nào đó mà Thụy có con với Hân. Qua Loan, anh em và bạn bè của Hân biết được chuyện này, cắt tuyệt tình anh em và bằng hữu với Hân. Không nghề nghiệp, không nhà ở, lại không được sự tiếp trợ của nhóm anh em bạn bè ở nước ngoài (vốn là nguồn tài chính căn bản của Hân lâu nay), Hân lâm vào cảnh túng quẫn, bèn cho Thụy mang con mới sinh trở về quê với cha mẹ ruột (vì biết tình hình ở Đà Nẵng bấy giờ đã lằng lự); phần Hân, vì không có kế sinh nhai, đã đến ở chùa Tân Nghĩa và thỉnh thoảng từ Sài Gòn lên Long Thành tìm tôi, cầu cứu. Tôi giúp tiền cho Hân. Chưa đủ. Hân yêu cầu tôi viết thư cho anh em và bạn bè Hân ở hải ngoại để giải thích vụ Hân với Thụy. Tôi nói:

“Chuyện như vậy có gì phải giải thích chứ. Anh có con với chị Thụy... giờ tôi phải nói sao? Bên vực anh à? Có lý do gì chính đáng không?”

Hân thở dài nói:

“Trời ơi, cả Khang mà cũng không thông cảm được

cho tôi thì làm sao mấy người ở tận bên Mỹ thông cảm được.”

“Thông cảm... ừ, thông cảm chứ. Nhưng ở chỗ này, thực là khó nói thành lời. Anh nghĩ một thầy tu như tôi lên tiếng bên vực anh trong chuyện đó dễ lắm sao?”

“Chính vì Khang là thầy tu và chính vì anh em bên đó rất nể Khang, cho nên tôi biết là chỉ có Khang nói họ mới chịu bỏ qua được thôi. Hơn nữa, giọng văn của Khang, cách nói chuyện của Khang... tự nhiên người ta phải cảm thông. Giúp tôi đi. Tôi chỉ còn có mỗi giải pháp này nữa thôi. Trăm sự trông cậy vào Khang đó.”

“Giữa tôi và họ có gặp hay quen biết nhau bao giờ đâu! Khó nói quá!”

“Chưa gặp, nhưng tôi từng giới thiệu với họ nhiều lần về Khang trước đây rồi. Tóm lại, tôi tin là chỉ cần Khang viết một lá thư cho họ, họ sẽ nổi lại tình huynh đệ với tôi ngay.”

Tôi đành chịu ý Hân, viết thư cho nhóm anh em ở Mỹ. Nói rằng, tôi cũng hoàn toàn phản đối chuyện Hân lấy Thụy, có con; nhưng tôi biết, ở trong hoàn cảnh của Hân và Thụy, chuyện tình cảm nảy nở sẽ không là điều có thể ngăn cản được. Hai người phải trốn chạy công an Đà Nẵng, vào Sài Gòn bị vợ Hân đuổi, không có tiền bạc chi tiêu, phải sống nhờ bạn bè hết nhà này sang nhà khác. Cũng chịu khổ nạn chung như vậy trong nhiều ngày, nhiều tháng, ắt phải sinh cảm tình với nhau. Tôi kêu gọi nhóm anh em ở Mỹ vì chuyện lớn mà bỏ qua vụ đó. Và họ bỏ qua thật. Họ viết thư về cho Hân, nổi lại tình anh em bạn bè và còn viết thư cho tôi để làm quen, đề nghị hợp tác dài lâu trong tương lai.

(còn tiếp)